Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên
Quyển 2
印光法師文鈔參編
卷二

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

200. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ nhất)

Sáng nay cả hai lá thư đều cùng nhận được đầy đủ. Văn Sao đã chia ra gần hết, nay lại gởi [cho ông] bốn gói. Sau này nếu có ai muốn đọc, hãy thỉnh từ Thương Vụ Ấn Thư Quán. Từ Bi Kính[1] đã gởi đi rồi. Do ông sai Quang viết lời tựa, Quang chẳng ngại gì nói leo. Tuy [lời tựa Quang viết] chẳng liên quan sát sao với đầu đề, miễn sao chẳng ra ngoài việc đề xướng kiêng giết, ăn chay mà thôi. Châu Tử Tú thiên tư khá tốt, tiếc là chưa biết Phật pháp, lầm lạc bảo "luyện đan vận khí chính là Phật pháp", thật đáng cảm khái sâu đậm! Tuy các hạ đã đem lá thư hủ bại và Văn Sao đưa cho [Tử Tú] xem, sợ ông ta vẫn cho Quang là gã đứng ngoài cửa, Tấn Tô mới là bậc cao nhân đã đăng đường nhập thất[2], càng sanh lòng ngưỡng mộ. Cố nhiên Quang chẳng mang ý niệm hủy báng hay khen ngợi người khác, nhưng vì quý hội[3] đã gởi thư cho Quang trước, nên chẳng thể không trọn hết tấm lòng ngu thành của tôi để đáp tạ lòng thương tưởng ban tặng [sách] của quý hội. Ngoài ra đều mặc cho người khác làm sao thì làm, tôi nào dám vọng động mong cầu ư?

201. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai)

---

[1] Từ Bi Kính là một tập sách do các cư sĩ thuộc Đại Đồng Phóng Sanh Hội ở Tuyền Châu biên soạn, tập hợp những lời lẽ khuyên răn và những chuyện kiêng giết phóng sanh của cổ nhân. Tổ Ấn Quang có viết bài tựa phát ẩn cho tập sách này, xin xem bài *"Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của bộ sách Từ Bi Kính"* trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, phần Tạp Trước.

[2] *"Đăng đường nhập thất"*: Thành ngữ chỉ người đã nắm vững, thông hiểu sâu xa một học thuyết hay một giáo nghĩa nào đó.

[3] Tức Đại Đồng Phóng Sanh Hội ở Tuyền Châu.

Nhận được thư đầy đủ. Hương châu[4] đã nhận được, cám ơn lắm. Ngày Hai Mươi Sáu tháng trước tôi đã bảo [người chịu trách nhiệm phát hành kinh sách ở] Thượng Hải gởi đi hai mươi gói Văn Sao, chắc ông đã nhận được rồi. Hãy ước lượng mà tặng những bộ Văn Sao ấy cho người khác và lưu lại [vài bộ] ở phòng đọc kinh sách. Trước đây, Tử Tú gởi thư đến, nói tiên sinh Tấn Tô là bậc đại triệt ngộ, chỉ dùng phép luyện đan làm phương tiện để dẫn dắt kẻ sơ cơ, Quang đã phê phán đại lược, chẳng biết Tử Tú có chấp nhận là đúng hay không? [Chắc ông ta] cũng từng đưa [thư ấy] cho các hạ xem rồi phải không? Hai mươi gói Văn Sao nếu nhận được, xin hãy gởi thư cho biết để tôi khỏi đến nỗi tưởng lầm [đã bị thất lạc].

Chương trình của Cực Lạc Đoàn nên chú trọng trợ niệm vào lúc người ta sắp mất và phải dạy người nhà [của người sắp mất ấy] nương theo pháp môn Tịnh Độ, chớ nên chiếu theo thông lệ của tục nhân vào lúc người ta sắp chết liền tắm rửa, thay quần áo sẵn v.v… [Làm như vậy] còn tệ hơn đã té giếng còn bị quăng đá! Cách thức ấy trong Văn Sao đã nói đầy đủ, ở đây tôi chỉ nêu điều quan trọng nhất. Nếu chết rồi thì những chuyện tống táng, ma chay v.v... đều chẳng phải là chuyện quan hệ khẩn yếu, đừng nên bày vẽ phô trương mong sao cho dễ coi, biến Phật sự thành trò đùa! Hơn nữa, [trong chương trình của Cực Lạc Đoàn quy định]: *"Liên hữu góp sẵn mười đồng. Nếu trong vòng một năm mà mất thì [người nhà sẽ] nhận được đúng số tiền ấy. Nếu hơn một năm mới mất thì [người nhà] sẽ được lãnh món tiền giúp đỡ chi phí ma chay là ba mươi đồng"*. Khoản tiền ấy lấy đâu ra? Hơn nữa, mỗi nhà giàu - nghèo khác nhau, sao lại nhất loạt giúp đỡ chi phí ma chay? Nhưng chuyện ấy đã được đại chúng bàn bạc thông qua, chắc đã áp dụng rồi. Quang sợ một khi cách này được áp dụng, về sau sẽ khó thể duy trì vĩnh viễn được nên chẳng thể không nhắc nhở trước!

Lại nữa, đang trong lúc này, muốn chuyển biến lòng người mà chẳng chú trọng sự lý nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi thì không thể được! Lại còn phải khuyên các liên hữu ai nấy khéo dạy dỗ con cái, đấy chính là "gốc chánh, nguồn trong", là nhiệm vụ cấp bách để cầu nhân dân yên vui, thế đạo thái bình. Phật pháp tuy là pháp xuất thế gian, nhưng thực sự thực hiện nơi pháp thế gian. Phàm ai là liên hữu hãy đều nên khuyên họ tận lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Nếu được như thế sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật.

---

[4] Hương châu: Xâu chuỗi niệm Phật làm bằng gỗ thơm hay những loại bột thơm nắn lại.

Hiện nay phong trào cầu cơ rất thịnh hành, phàm là đệ tử Phật chớ nên ngả theo thói ấy, bởi tất cả [những kẻ tự xưng là] tiên hay chân nhân [giáng cơ] phần nhiều đều là linh quỷ giả mạo. Nếu chuyện gì cũng tin, ắt sẽ có khi hỏng việc. Huống chi "Phật pháp" do bọn chúng giảng đa số đều là chẳng biết gì mà cứ nói bừa! [Cứ tin mê muội vào cơ bút thì] muốn chẳng hoại loạn Phật pháp, chẳng khiến cho chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ, há có được chăng?

Ông đã chẳng nghĩ Quang là hạng vô tri, cứ muốn tôn làm thầy, bèn thuận theo ý hiện thời của ông. Nếu sau này muốn bái vị cao minh nào khác làm thầy, cứ thủ tiêu danh nghĩa giả tạm này chẳng sao cả! Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Tù; do ai nấy đều có chánh trí, nhưng bị vật dục lôi kéo, chánh trí ấy liền biến thành nhân dục (lòng ham muốn của con người), như nước do gió đùa bèn mất tánh trong lặng, biến thành sóng trào. Trí ấy chẳng thể gọi là Tù (遒), vì Tù nghĩa là mạnh mẽ, cứng cỏi. Mạnh mẽ, cứng cỏi chính là tên gọi khác của chữ Cương (剛: cứng rắn). Khổng Tử than thở vì chưa thấy được người nào cương nghị, có kẻ thưa Thân Tranh [là người được như vậy]. Khổng Tử bảo: *"Tranh dã dục, yên đắc cương"* (Tranh cũng là người tham dục, làm sao là người cương nghị cho được)[5]. Nếu niệm niệm đều nghĩ ngợi, suy lường thuận theo thiên lý và Phật tâm thì là chánh trí, phù hợp với ý nghĩa của cái tên Trí Tù. Hễ có thiên lệch, riêng tư sẽ thành "cương nghị theo kiểu Thân Tranh", chẳng thể gọi là Trí, mà trở thành "nhu ác" (mềm mỏng, hòa hoãn với điều ác[6])! Ông hãy gắng lên.

Vợ ông pháp danh là Trí Giác. Giác (覺) là trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều rành rẽ phân minh, chẳng bị chuyển theo tình, chẳng bị ái ràng buộc, nghiêm túc trọn hết bổn phận giúp chồng dạy con, chẳng nuông chiều mù quáng, khiến con cái đều thành hạng không ra gì. Dùng điều này để tự giác, lại còn dùng điều này để giác người nhà và các thân

---

[5] Đây là câu văn trích từ thiên Công Trị Trưởng (thiên thứ năm) sách Luận Ngữ. Nguyên văn như sau: *"Tử viết: 'Ngô vị kiến cương giả', hoặc đối viết: 'Thân Tranh'. Tử viết: 'Tranh dã dục, yên đắc cương?"* Theo cách diễn giải của cụ Lý Bỉnh Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu, đoạn này nên hiểu như sau: *"Khổng Tử nói: 'Ta chưa từng thấy một người cương nghị nào!' Có người thưa: 'Thân Tranh là người được như vậy'. Khổng Tử nói: 'Thân Tranh tham dục, làm sao có thể cương nghị cho được!"*

[6] Cụ Lý Bỉnh Nam giảng rõ: Theo sách Khổng Chú, Cương là kiên quyết, trí huệ, thuận theo điều thiện, nhất quyết không để bị dục vọng sai khiến. Do ông Thân Tranh vẫn thuận theo tham dục nên chẳng thể gọi là Cương được. Ở đây, Tổ dựa theo ý ấy, mới gọi sự "cương nghị" của ông Thân Tranh là "nhu ác", do không kiên quyết chế ngự tập khí xấu ác trong tâm.

hữu. Đấy gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, là thiện nữ nhân, sống làm gương mẫu cho hàng khuê các, khi mất dự vào Liên Trì, ngõ hầu chẳng phụ bạc Phật tánh chính mình sẵn có và lòng thành phát tâm quy y Tam Bảo ngày nay. Những điều khác như pháp niệm Phật v.v… trong Văn Sao đã nói đầy đủ, không viết cặn kẽ ở đây.

Ông Trương Chuyết Tiên ở Vân Nam gởi thư đến nói cháu ngoại ông ta sống được một năm lẻ tám tháng, trong tháng Tư đã niệm Phật qua đời. Lúc bình thường, hễ nó đến Phật đường lạy Phật xong liền đi nhiễu niệm Phật, chẳng đoái hoài đến chuyện gì khác. Thêm nữa, khi đứa con gái thứ của ông ta đi lấy chồng, nhà chàng rể biếu một cặp ngỗng để làm lễ Điện Nhạn[7], ông ta bèn đem chúng phóng sanh tại chùa Vân Thê trong núi Hoa Đình, đã được ba năm rồi. Cặp ngỗng của ông ta mỗi sáng tối khi [đại chúng] lên chánh điện tụng kinh, chúng đều đứng ngoài chánh điện, vươn cổ ngắm Phật. Tháng Tư năm nay, con trống chết trước, người ta cũng không để ý. Sau đấy, con ngỗng mái bỏ ăn mấy ngày. Nó đến nhìn Phật, thầy Duy Na khai thị, dạy nó cầu vãng sanh đừng luyến tiếc cõi đời. Thầy ấy bèn niệm Phật mấy chục tiếng, ngỗng bèn đi nhiễu ba vòng, vỗ hai cánh một cái rồi chết ngay. Do vậy, ông Chuyết Tiên bèn viết bài ký về sự vãng sanh của cặp ngỗng trắng. Ôi, lạ lùng thay! Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Ngỗng còn như thế, há lẽ người chẳng bằng chim ư?

202. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ ba)

Ngày Hai Mươi Sáu tháng Tám, Quang xuống núi đến đất Thân (Thượng Hải), đã nhận được thư ông từ núi chuyển tới, nhưng do bận rộn với chuyện của người khác nên chẳng trả lời được. Nay lại nhận được thư ông, kèm theo bưu phiếu mười đồng, tôi sẽ dùng [món tiền này] để làm chi phí in cuốn Quán Âm Tụng. Quang xuống núi lần này chính là vì lo liệu ấn hành cuốn tụng văn ấy. Nay tôi sẽ gởi cho ông mấy tờ nói

[7] Điện Nhạn Lễ là từ ngữ chỉ chung những lễ phải có trong một cuộc hôn nhân. Theo quy định từ thời Châu đến đời Thanh, kể từ khi nhà trai cậy người mai mối đến khi rước dâu phải có đủ sáu lễ. Ngoại trừ lễ Nạp Chinh (lễ giạm) ra, trong năm lễ kia nhà trai phải mang lễ vật đến biếu nhà gái, trong các món lễ vật luôn có chim bồ câu hay chim nhạn. Nhạn là thứ chim thiên di theo mùa; hễ thấy chim Nhạn bay về Nam là biết trời chuyển sang Đông, chim Nhạn lại chung thủy (khi một con chết, con kia không kết đôi với con khác nữa). Do vậy, cổ nhân cho rằng Nhạn tượng trưng cho lòng trung thực, thủ tín, trung trinh. Bởi thế, lễ vật dành cho đám cưới phải có Nhạn. Về sau, do Nhạn ngày càng hiếm nên người ta thay bằng các loài gia cầm khác có tập tánh sống thành đôi như bồ câu, ngỗng, vịt, gà v.v…

rõ biện pháp, một là để ông biết cặn kẽ nguyên do, lại còn mong ông sẽ thừa cơ khuyên người khác đứng ra in. Sách này đối với thế đạo, nhân tâm lẫn Phật pháp đều có mối quan hệ [mật thiết]. Hiện thời đã có người chịu đứng ra in năm vạn bộ, Quang muốn in mấy chục vạn cuốn để lưu hành khắp trong ngoài nước, sợ chẳng thể cảm ứng được như vậy! Sáu vạn bộ thì có thể in được.

Con người sống trong thế gian trước hết phải có tâm lợi người. Người dì góa, người em dâu góa, đứa cháu mồ côi v.v… của ông đáng thương, đáng xót, họ chính là chỗ ông để vun bồi ruộng phước, chớ nên giữ ý niệm phiền oán thì chính là hành Bồ Tát đạo! Nếu tâm có phiền oán thì chẳng những không hợp với Bồ Tát đạo, mà còn chẳng hợp với thiên chức, tánh phận của chính mình. Đối với chuyện chị em dâu bất hòa, hãy nên đối xử bằng [thái độ] hết sức công bằng, hết sức độ lượng, hãy thương họ thấy biết hẹp hòi mà chỉ dạy, để họ đều cùng được thấm nhuần pháp trạch; đấy chính là thực hành Phật pháp. Nếu coi đó là oán nghiệp, sẽ phải tiếc đau, oán hận. Đối với chuyện không thể ngăn dứt được, hễ có lòng đau tiếc, oán hận thì công đức sẽ thuận theo tâm lượng mà nhỏ bé đi. Trước đây, Tử Tú cũng có gởi thư đến, tôi phúc đáp sau đó không lâu. Ông ta biết chính mình chẳng thể rốt ráo nương cậy, quy hướng Tịnh nghiệp để tu trì được!

Thương Vụ Ấn Thư Quán in Văn Sao bằng loại giấy có độ bóng, bán ở ngoài phố, chẳng in phần Thư Căn[8]. Đợi đến khi sắp chữ xong cuốn Quán Âm Tụng, tôi sẽ bảo Trung Hoa Thư Cục sắp chữ thành bản khác, dùng loại giấy nội địa để lưu hành. Trí Khánh đã quy y Phật pháp, bọn anh ta nhờ ông nuôi nấng, ông hãy trọn chớ nên tỏ ra vẻ [mình đã làm] chuyện nhân đức trước mặt bọn anh ta. Hễ làm ra vẻ nhân đức thì người ta tuy chịu ân, nhưng cái tâm cảm ân mỏng nhẹ lắm! *"Có mà giống như không, thực mà giống như giả, vô cớ bị xúc phạm mà chẳng báo thù"*[9], đấy chính là bí quyết mầu nhiệm để cư xử trong gia đình đấy! Ta đãi

---

[8] Thư Căn là một bộ phận phải có của những loại sách in theo lối cổ, tức phần thường được viết vào chỗ giáp mí của hai trang sách, ghi rõ tên sách, quyển mấy, trang mấy, thiên mấy v.v… tương ứng với phần header của bản in hiện thời. Đến thời tổ Ấn Quang, Thư Căn đã giống như lối in sách chữ Hán hiện thời, Thư Căn ở phía bên phải trang sách (nếu trang số chẵn) và bên trái trang sách (nếu là trang số lẻ).

[9] Đây là câu nói của Tăng Tử (Tăng Sâm) trong thiên Thái Bá sách Luận Ngữ: *"Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả, hữu nhược vô, thực nhược hư, phạm nhi bất giảo"*. Sách Luận Ngữ Giảng Yếu giảng câu nói ấy có nghĩa là: *"Tự mình có tài năng nhưng vẫn học hỏi với kẻ không có tài năng, mình biết nhiều mà vẫn học hỏi với kẻ biết ít. Có tài năng thật sự mà cảm thấy như mình không có tài năng thật sự gì. Ai vô cớ xúc phạm đến mình cũng không mưu tính báo thù"*.

người bằng thái độ khiêm tốn, ắt họ sẽ đối xử hòa hoãn với ta. Phần lớn những gia đình bất hòa đều là do so đo những chuyện nhỏ nhặt không quan trọng mà ra. Buông được cái tâm ta - người xuống thì bất hòa sẽ tự hòa vậy!

203. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ tư)

Thư ngày Hai Mươi Chín tháng trước chắc ông đã nhận được rồi. Nói đến nạn hút sách nghiện ngập thì không chỉ có nha phiến, thuốc lá cũng gây hại thật dữ dội! Trong lúc đại chúng tụ tập, hãy nên đề xướng, khuyên họ đừng hút hay dùng những thứ ấy. Người hút lâu ngày ắt sẽ đoản thọ. Phụ nữ hút thuốc nhiều sẽ không thể sanh nở được. Điều này do một đệ tử của tôi *(Triệu Nguyệt Tu vốn là một quan võ đã sớm đổi nghề, trở thành thương nhân)* đích thân nghe thấy cô giáo ngoại quốc bảo với các nữ học sinh [như vậy]. Hiện thời, Văn Sao đã sắp chữ bản khác, thêm vào mấy chục bài nữa, khoảng Xuân - Hè năm sau sẽ in ra sách. Bản này sẽ để cho Thư Cục vĩnh viễn lưu thông. Bản đầu tiên sẽ in một vạn cuốn, ngoại trừ ba bốn ngàn bộ Quang cần thiết, số còn lại đều để cho họ định giá bán ra.

Trong lá thư hồi tháng Chín, ông đã nói đến chuyện con gà, hơi giống như chuyện Dương Bảo cứu chim sẻ thời Hán[10]. Chúng ta chỉ nên giữ tấm lòng phóng sanh, đừng vương vấn ý niệm mong được hưởng quả

[10] Dương Bảo là người huyện Hoa Âm, sống vào thời Hậu Hán. Lúc bé, Dương Bảo ra ngoài đồng chơi thấy một con sẻ bị cú mèo đuổi đánh bị thương rớt xuống đất. Dương Bảo liền cứu đem về, nuôi đến khi chim lành vết thương bèn thả đi. Đêm ấy, Dương Bảo nằm mộng thấy có một đứa bé trai mặc áo vàng đến biếu bốn chiếc vòng ngọc, tạ ơn, cho biết: "Con cháu ông ta sẽ được vinh hiển đến bốn đời như bốn vòng ngọc này". Về sau, con Dương Bảo là Dương Chấn, cháu là Dương Bỉnh, chắt là Dương Tứ, chút là Dương Bưu, lần lượt kế tiếp nhau làm đến chức Tam Công, được cõi đời xưng tụng là *"tứ thế tam công, đức nghiệp tương kế"* (bốn đời làm Tam Công, kế thừa đức nghiệp).
Theo Tả Truyện, tướng nước Tấn là Ngụy Khỏa đang đánh nhau với tướng Tần là Đỗ Hồi, sắp bị Đỗ Hồi giết, chợt thấy tướng giặc vấp chân, nhìn ra thì thấy có một ông già đang kết cỏ thành khoanh để giật cho tướng giặc vấp ngã. Đến đêm, Ngụy Khỏa nằm mộng thấy ông già kết cỏ hồi sáng cho biết lúc cha Ngụy Khỏa là Ngụy Vũ Tử sắp chết đã bảo con chôn theo người thiếp yêu, nhưng Ngụy Khỏa cho đó là lời mê sảng của kẻ sắp chết nên không làm. Do vậy, cha người thiếp ấy đã theo cứu mạng Ngụy Khỏa. Từ hai câu chuyện này mới có thành ngữ *"kết thảo, hàm hoàn"* (kết cỏ, ngậm vành).

báo Tam Công[11]. Dẫu có quả báo Tam Công, cũng nên đem hết công đức ấy hồi hướng chín phẩm [vãng sanh] thì mới là chân chánh lợi mình lợi vật vậy!

Tăng Bính bị mắc bệnh là do túc nghiệp, khi lâm chung chịu niệm Phật là do túc thiện (điều thiện đã làm trong đời trước). Đã có thể tự niệm, lại được mọi người trợ niệm, chết rồi sắc mặt rạng rỡ. Có được ba điều ấy chắc được vãng sanh Tây Phương, sao lại nói là sẽ đọa vào chỗ nào? Đời người gặp phải các cảnh thiện - ác, mỗi mỗi đều có túc nhân. Đời trước có oán thù, thấy nhau liền ôm lòng giận. Đời trước có ân, thấy nhau liền sanh lòng yêu mến. Phụ nữ vô tri quen tánh buông lung đến nỗi chẳng thể chuyển oán thành thân để tiêu trừ túc nghiệp. Người hiểu rõ lý đã biết "[kẻ] vừa trông thấy liền nổi nóng [là do đời trước có oán thù]" sẽ đối trị sự sân hận này, càng ra sức đối đãi bằng lòng từ ái thì túc nghiệp sẽ được tiêu trừ bởi hiện nghiệp (nghiệp trong hiện tại) *(Thiện tâm cũng gọi là nghiệp).*

Nếu có thể chí thành khẩn thiết trì niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì không chỉ được lành bệnh mà thôi! Nếu có thể chí thành đến cùng cực thì còn có thể liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Cầu vợ được vợ (cầu vợ là mong có được vợ hiền thục, trí huệ), cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam-muội được tam-muội, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn đắc Đại Niết Bàn"*. Đại Niết Bàn chính là cực quả rốt ráo được chứng bởi đức Phật. Nhưng người đời do lòng tin lẫn sự chí thành trì tụng đều chưa thể đạt tới mức cùng cực nên tùy theo lòng Thành của kẻ ấy mà được các thứ lợi ích nhỏ nhoi, đừng nói là [lợi ích] chỉ có thế mà thôi! Hãy nên với trong là người thân trong nhà, ngoài là hết thảy mọi người, đều đem những chuyện chính mình chứng nghiệm và những chuyện cảm ứng được thuật trong bộ Quán Âm Tụng để khuyên bảo, ngõ hầu ai nấy đều được Bồ Tát từ bi che chở, gia bị trong lúc tình thế hoạn nạn này. Đấy chính là cách dự phòng mầu nhiệm nhất!

204. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ năm)

---

[11] Tam Công là ba chức quan cao nhất thời xưa. Vào thời Tây Châu, Tam Công là Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Đời Bắc Ngụy thay Tam Công bằng danh xưng Tam Sư. Đời Tây Hán coi Thừa Tướng (sau đổi thành Đại Tư Đồ), Thái Úy (sau đổi thành Đại Tư Mã), Ngự Sử Đại Phu (sau đổi thành Đại Tư Không) là Tam Công. Đời Đông Hán, lấy Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không làm Tam Công.

Hai lượt thư gởi đến tôi đều nhận được đầy đủ. Lệnh tổ đáng gọi là người đọc sách thật sự, chẳng phụ sở học. Người đời nay đọc sách thánh hiền nhưng làm chuyện cầm thú nhiều khôn xiết! Đấy đáng gọi là thái độ của kép hát, đáng xót, đáng than! Tờ truyền đơn [khuyên mến] tiếc [kính trọng sách vở hay giấy viết] chữ nên đưa tặng những người có nhiệt tâm thông hiểu văn lý để họ sẽ thúc đẩy, khuyên chỉ [người khác]. Văn Sao, [Thọ Khang] Bảo Giám nay đã gởi đến rồi. Đêm Hai Mươi Bốn tháng Chạp năm ngoái, công ty ấn loát bị chập điện, đồ đạc, phòng ốc thuộc căn nhà chánh ở phía trước đều cháy sạch trơn, sổ sách đều chưa thể đem ra được, may là không có ai bị thương. Quang bị tổn thất đến hơn hai ngàn đồng do họ ôm lòng gian dối, chỉ in năm ngàn cuốn *(ấn định một vạn)* Văn Sao, hai ngàn cuốn Bảo Giám *(ấn định ba ngàn)*, nhưng họ nói đã in hết cho Quang rồi, đã giao được một nửa. Giá thành lớn quá, phải trả thêm tiền, đợi cho tiền vào tay họ rồi mới gởi hóa đơn tới, họ chỉ giao ra ba ngàn mấy cuốn Văn Sao, một vạn ba ngàn mấy cuốn Bảo Giám[12]. Tiền đã xài hơn một ngàn mấy, họ nói mùa Xuân năm sau sẽ in. Nào ngờ thiên địa quỷ thần chẳng dung, hôm trước họ gởi hóa đơn tới, hôm sau liền bị hỏa tai.

Chuyện này phó mặc cho lương tâm của họ. Sách của Quang có cuốn để ở chỗ đóng bìa, có cuốn được cất trong căn nhà nhỏ ở phía sau, đều không bị cháy, nhưng bọn họ ôm lòng gian trá, há không thể nào chẳng mượn cớ bị tai nạn để lươn lẹo, chỉ đành mặc cho họ làm sao thì làm! Trong tháng nhuận, tôi sẽ qua Thượng Hải tiếp tục in. Phàm những ai đã bỏ tiền in sẽ chiếu theo số tiền mà giao đủ, chẳng thiếu một đồng nào. Chuyện kết duyên chỉ đành giảm bớt khả năng mà thôi! Xin hãy khuyên mẹ và vợ ông phải sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu "thoát được thế giới khổ sở này, trở thành con người tự tại".

205. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ sáu)

Thư ngày Hai Mươi Mốt đã nhận được rồi. Trong tờ truyền đơn [khuyên mến] tiếc [kính trọng sách vở, giấy viết] chữ, [đối với câu văn] trước câu *"Hiếu - đễ - trung - tín - lễ - nghĩa - liêm - sỉ, nếu chẳng ra sức tận tụy thực hiện tức là đã quên mất tám chữ";* há nên đem sửa chữ

[12] Có lẽ ở đây người sao chép viết nhầm, vì phần trên Tổ nói chỉ ước định in ba ngàn cuốn Bảo Giám. Chẳng lẽ ấn quán lại in đến một vạn ba ngàn cuốn Bảo Giám!

"Tự"[13] (字: chữ) thành "tiểu tử" thì lời lẽ ấy đã trở thành giọng điệu đầu đường xó chợ chửi người khác rồi, mà tám chữ tiếp theo (tức tám chữ "hiếu - đễ - trung - tín - lễ - nghĩa - liêm - sỉ") cũng đã chẳng phù hợp, nối tiếp [ý câu trên] được nữa! Phàm văn tự trong Phật pháp có liên quan đến thế đạo và đại thể, quyết chớ nên tùy ý [sửa đổi] mà cũng chớ nên hoàn toàn đăng y chang theo bản thảo gởi đến. Ngay như [bài tường thuật buổi] khai thị [của Ấn Quang] ở Nam Viên, toàn là những [lời lẽ] không hiểu sự việc của am chủ Vô Úy, thật giống như báng Tăng vậy; thế mà quý báo, Tịnh Nghiệp Nguyệt San và tờ Lâm San của Thiên Tân Cư Sĩ Lâm đều cứ đăng y nguyên như vậy, đáng than quá sức!

Tác giả bài viết ấy nói Quang lễ Phật xong bèn hướng về hai phía Đông -Tây hòa-nam. "Hòa-nam" (Vandanam) chính là dập đầu [đảnh lễ]. Há có vị pháp sư nào sắp nói khai thị mà trước hết lại hướng về kẻ nam người nữ ở phía Đông, phía Tây rập đầu lễ bái ư? Do Quang lễ Phật xong bèn hướng về phía Đông, phía Tây chắp tay [tỏ vẻ chào hỏi], người ấy liền nói là Quang hòa-nam! Thêm nữa, lúc lên tòa ngồi rồi, do [người nghe] ở phía dưới đang lễ bái, còn chưa ngồi xếp bằng, Quang liền khom mình chắp tay tỏ vẻ cung kính, tác giả bài viết ấy bèn nói là Quang đứng cạnh tòa rạp mình lạy trả! Nói như vậy tuy không quá đáng, nhưng cũng rất mất thể thống. Lại còn nói Quang đeo kính lão, chuyện này không ghi cũng đâu có ảnh hưởng gì? Nếu không có chuyện gì [cần thiết], Quang một mực chẳng đeo kính lão. Lần này do giảng đoạn thứ nhất và đoạn thứ ba trong Mộng Đông Ngữ Lục cho đại chúng nên không thể chẳng đeo kính lão vì mắt quáng chẳng đọc được chữ.

Vị am chủ Vô Úy này *(e rằng người này là Tạ Ngâm Tuyết, vốn là nữ nhân mới xuất gia, ngày hôm ấy bà ta cũng đến dự pháp hội)* quá chuộng thể diện, chỉ sợ người khác chẳng biết bà ta viết bài văn ấy, chứ chẳng biết bài văn ấy có khuyết điểm sai lầm! Giống như bài Ấn Quang Pháp Sư Truyện do Mã Khế Tây soạn, đúng là bịa chuyện mù quáng, đem phàm lạm thánh. Báo Hải Triều Âm vừa đăng tải, ông Phan Đối Phù bèn cho in một ngàn bản chữ son. Tờ báo của Phật Quang Xã ở An Huy cũng tính đăng tải, do họ đem bản cảo gởi tới cho Quang, mới chấm dứt được chuyện ấy, nhưng tờ Phật Giáo Tuần San của Thiểm Tây cũng đã đăng rồi! Những

[13] Tờ truyền đơn này được đăng tải trong Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ. Đoạn văn ấy như sau: *"Hơn nữa, không chỉ chẳng nên khinh nhờn, làm dơ, vứt bỏ chữ hữu hình mà đối với chữ vô hình lại càng chẳng nên khinh nhờn, làm bẩn, vứt bỏ! "Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" nếu chẳng tận lực thực hiện, tức là đã quên mất tám chữ vậy. Đã quên tám chữ ấy thì sống là loài cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa trong tam đồ ác đạo, chẳng đáng buồn ư?"*

loại văn chương vừa chẳng ăn nhập gì, lại vừa phá hoại đại thể ấy, đăng tải có ích gì đâu? Hãy nên xem hai lá thư gởi cho Phan Đối Phù và Mã Khế Tây trong Văn Sao quyển một sẽ tự biết. Không phải là Quang quá phiền phức, chỉ là mong sao chẳng bị người khác chê cười mà thôi!

206. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ bảy)

Nhận được thư và hương châu, cảm ơn. Loại châu này để lâu sẽ nứt vỡ. Năm Quang Tự 30 (1904), Quang đã từng mua rồi, chưa được hơn một tháng đã nứt. Thương nhân chỉ cầu lợi, há nên để bị họ lừa gạt! Năm ngoái ông đã gởi [hương châu cho tôi] rồi và những chuỗi ông nhờ gởi cho người khác tôi cũng đã chuyển giao rồi, lại còn nói chuỗi để lâu sẽ bị nứt vỡ để người ta khỏi bực mình. Người cháu dâu là Thuần Cô đáng gọi bậc trượng phu trong nữ giới. Nếu có thể tận hết lòng hiếu, uyển chuyển khuyên ông nội, bố mẹ chồng khiến cho họ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nay tôi đặt pháp danh cho cô ta là Huệ Thuần. Nếu có thể làm được như tôi đã nói *(đã viết tường tận trong Văn Sao)* thì sẽ là khách quý cõi Cực Lạc, là đạo sư trong cõi Sa Bà, nhưng do tôi đang ở chỗ tạm ngụ, bận bịu, chẳng thể nói tường tận được. Hãy bảo cô ta đọc kỹ Văn Sao thì sẽ chẳng khác gì tôi đã nói chi tiết với cô ta. Hãy noi theo pháp tắc của hai bà phi thuở Đường Ngu, ba bà Thái đời Châu và bà mạng phụ Thái Cô *(chữ* 大家 *phải đọc là Thái Cô* 太姑*)*, xin hãy đưa thư này cho cô ta đọc.

207. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ tám)

Đã nhận được hai lá thư, nhưng do bận việc bên ngoài chẳng được rảnh rỗi, nên chưa trả lời. Sách Từ Bi Kính đã gởi đến Phổ Đà, chưa từng chuyển đi, đừng lo. Nay lại nhận được thư của hãng Càn Mậu ở Ninh Ba cho biết ông đã gởi món tiền mười sáu đồng. Từ nay về sau, hễ gởi tiền nên gởi thẳng cho hòa thượng Chân Đạt ở chùa Thái Bình, bến Trần Gia, Thượng Hải, thì không phải qua thủ tục chuyển đi nữa, sao không làm theo cách đã nói trước đây? Nay tôi gởi cho ông mười gói Văn Sao. Sách Thọ Khang Bảo Giám ở Thượng Hải không có nhiều, đợi khi nào sách ở Hàng Châu in xong sẽ lại gởi. Lệnh chánh, lệnh lang[14] đã có thiện căn từ đời trước, hãy nên làm cho họ phát tâm dài lâu, ngõ hầu

[14] Lệnh chánh: Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng vợ cả (chánh thất) của người khác.
Lệnh lang: Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng con trai người khác.

đích thân được hưởng lợi ích thật sự. Thế đạo hiện thời nguy hiểm đến cùng cực, nếu chẳng niệm Phật và niệm Quán Âm sẽ không nương tựa vào đâu được!

208. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ chín)

Do sách Quán Âm Tụng ấn loát chậm trễ, tôi đã sang đất Thân (Thượng Hải) vào mồng Một tháng Tám để đốc thúc ấn hành. Quang chẳng mong muốn hết thảy điều gì, chỉ mong các vị nhất tâm niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện mà thôi! Hôm Hai Mươi Ba trở về núi, do nhọc nhằn bên ngoài, mắt hơi bị bốc hỏa, nhưng vì mọi việc dồn lại, mỗi ngày vẫn gắng gượng trả lời dăm ba bức thư. Muốn cho mắt mau lành bèn bôi thuốc ba bốn lượt, gần như suốt hai mươi ngày chẳng thể xem văn tự được! Bản sắp chữ thử của bộ Văn Sao dồn lại hơn một trăm trang [phải giảo duyệt], đủ mọi thứ bận bịu, hằng ngày không được rảnh rỗi, tuy đã nhận được thư ông nhưng không trả lời. Mẹ và chị dâu ông *(đối với mẹ ông lại càng nên uyển chuyển khuyên cụ sanh lòng tin, phát nguyện thì cách thể hiện lòng hiếu trong thế gian chẳng thể nào sánh bằng được)* đã đều phát lòng tin; hãy nên thường dựa theo những gì Văn Sao đã nói để kể với họ. Lần này tôi không rảnh rỗi để khai thị. Văn Sao chính là một bộ khai thị lớn đấy!

Quán Âm Tụng in sáu vạn bộ trong năm nay, phàm [sách của] những người bỏ tiền ra in và [sách] cần cho chính mình, đều giao sạch hết rồi. Lại có một người bảo Quang muốn kết duyên một vạn sáu bảy ngàn bộ, năm sau sẽ in ra để kết duyên từ từ. Văn Sao năm sau mới có thể in được. Lại còn in sách Bất Khả Lục cùng một lúc. Quán Âm Tụng đã cho khắc ván, ước chừng mùa Thu năm sau sẽ xong. Phí tổn khoảng năm trăm đồng do chỉ riêng một cư sĩ phát tâm để đáp ứng [nhu cầu của những ai] thỉnh sách lặt vặt về đọc sau này.

Thế đạo hiện thời đúng là thế đạo hoạn nạn, mọi người đều ở trong cảnh hoạn nạn, may mắn được nghe Phật pháp hãy nên sốt sắng niệm Phật, ngõ hầu cậy vào Phật từ lực để hễ sống nếu gặp nguy sẽ thành an, nếu chết sẽ vượt thẳng khỏi biển khổ, về ngay Liên Trì. Sự tích [được ông kể] trong lá thư trước, tôi cũng không rảnh rỗi để bàn cặn kẽ. Nay viết thẳng pháp danh đã đặt vào đơn xin quy y, đem gởi lại. Hãy dạy họ ai nấy đều nỗ lực giác ngộ, phản tỉnh. Bảo Cô càng phải nên nỗ lực, vì chúng sanh đang mê thì phải thường giác chiếu, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị trần tình (những tình niệm trong cõi trần) phá hoại tiết tháo trong

sạch. Ngày nào còn chưa chết, ngày ấy chớ nên buông lung, thì mới có thể nhận lãnh trọn vẹn, trở về trọn vẹn. Vì thế, khi lâm chung Tăng Tử bảo các đệ tử: *"Kinh Thi viết: Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi"*. Hết thảy mọi người đều nên như thế, mà quả phụ, trinh nữ càng phải nên gắng sức ngõ hầu trở thành bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giữ vững khuê khổn (chốn khuê các) vậy!

209. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười)

Sách Tân Sanh Cơ Hiệt Yếu (Trích yếu cơ hội sống mới) cũng có thể dùng để dứt trừ giết chóc dần dần, nhưng há nên sao lục những lời phê bình nếp sống cũ vào đấy? Tác giả chỉ thấy cái xấu của lối sống cũ, [chẳng thấy] nam nữ theo lối mới tự do luyến ái, đả đảo luân thường, đả đảo liêm sỉ, con giết cha vẫn được khen thưởng! Trường học Mỹ Thuật bảo mấy đứa con gái trần truồng, mấy chục thằng học trò xúm quanh, tùy theo nhìn từ góc độ nào mà vẽ vời, coi như một môn học. Những phụ nữ vô liêm sỉ ấy còn được coi như giáo viên, mỗi tháng được trả lương bao nhiêu đó. Mới mẻ kiểu đó há có ích gì cho thế đạo nhân tâm? Muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm há nên đăng tải những thứ ngôn luận ấy, cũng chẳng đoái hoài đến tông chỉ của mình. Sau này, phàm những lời lẽ ma mị, mù quáng, nhiễu loạn chớ nên đăng tải, để khỏi bị người sáng mắt chê cười.

[Tác giả bài viết] Tịnh Nghiệp Xã Ký chẳng hiểu sự vụ, nói bừa đạo lý, [người ta] chắp tay mà bảo là "hòa-nam", ngồi xuống chưa xếp bằng liền bảo đứng trước tòa. Quang chán nhất là văn tự ghi chép của người khác, bởi kẻ ghi chép quá nửa chẳng đúng pháp. Thư hôm trước chưa gởi tới, cũng chẳng cần phải gởi nữa. Quang bận rộn quá sức, không rảnh rỗi để xem. Ông yêu cầu gởi năm gói Văn Sao và ba gói Thọ Khang Bảo Giám, đóng sách cẩn thận xong liền gởi đi ngay.

210. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười một)

Mồng Năm tháng nhuận Quang xuống núi, mồng Bảy tới đất Thân. Khoản tiền mua cá ở Tây Hồ như đã nói thì lúc này không cần chi ra nữa. Lúc này, khoản tiền cần gấp nhất là tiền [mua thức ăn để] nuôi chó, do chánh quyền thành phố Hàng Châu sai người đi bắt chó hoang trên đường phố rồi giết bằng cách quăng xuống sông Tiền Đường. Đã dìm

chết một trăm mấy chục con rồi! Hội Phật Giáo xin họ giao cho hội Phật Giáo, nay đã gần đến hai ngàn con. Mỗi ngày tiền thức ăn cho một con chó ăn là một xu năm chinh[15], hai ngàn con thì mỗi ngày cần đến ba chục đồng; lại còn phải cử người trông nom, [những con chết rồi] còn phải tốn tiền hỏa thiêu v.v… Quang cũng quyên tặng một trăm đồng, lại kêu gọi bạn bè quyên tặng được bốn năm trăm đồng. Quý hội muốn giúp đỡ khoản này, hãy nên gởi về Công Đức Lâm ở cầu Long Tường, Chợ Mới, Hàng Châu, giao cho cư sĩ Chung Khang Hầu. Ông ta nhận được tiền sẽ gởi biên lai thông báo.

Hiện thời gió mây biến huyễn, sáng - tối khác nhau, không có chuyện gì cần thiết đừng đến. Nếu có chuyện gì cần đến, xin hãy sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải hỏi thăm; nếu Quang chưa về núi sẽ có thể gặp mặt ở đất Thân. Năm ngoái, công ty ấn loát Chiết Giang bị cháy, nay đã giao cho Đại Trung Thư Cục ở Thượng Hải in năm ngàn bộ Văn Sao *(mỗi bộ bảy cắc)*, sáu ngàn bộ An Sĩ Toàn Thư *(mỗi bộ năm cắc chín xu)*, [xưởng in] Hàng Châu bồi thường chi phí một ngàn sáu trăm đồng, [tôi đem khoản tiền ấy] in hai vạn cuốn Thọ Khang Bảo Giám. [Xưởng in thuộc] nhà giam Tào Hà Kính in Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải hai vạn cuốn *(mỗi cuốn một cắc năm xu)*, hai vạn cuốn Gia Ngôn Lục *(mỗi cuốn một cắc bảy xu năm chinh)*, in một vạn cuốn Cảm Ứng Thiên Trực Giảng *(mới cho sắp chữ, ước chừng năm chục trang)*. Nếu các sách này xong xuôi, năm sau Quang sẽ ẩn lánh ở nơi không có đường bưu điện để chuyên tu Tịnh nghiệp, ngõ hầu khỏi đến nỗi lúc lâm chung chân tay cuống quýt, gây nhục cho pháp môn!

211. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười hai)

Món tiền quyên tặng bốn trăm đồng gởi đến chùa Thái Bình hôm trước, ngày hôm sau tôi giao cho cư sĩ Ngụy Mai Tôn làm chi phí cứu trợ đất Lỗ (Sơn Đông). Ngày hôm sau nữa, ông Mai Tôn liền đưa biên nhận đến. Do ông nói là đến cuối tháng mới trở về; lúc về còn muốn ghé qua nên tôi giữ [biên nhận ở đây] để chờ ông. Đến nay ông chưa tới nên tôi nghĩ ông đã về rồi. Vì thế, đem [biên nhận] gởi đi để trong hội khỏi có chuyện hiềm nghi. Ước chừng đến Rằm Quang sẽ về núi, tháng Bảy

[15] Nguyên văn *"nhất phân ngũ ly"*. Thời ấy, một Nguyên (đồng) là mười Giác, mỗi Giác là mười Phân, mỗi Phân là mười Ly. Ta có những chữ tương ứng như Cắc (hào) và Xu để dịch Giác và Phân, nhưng không có chữ để dịch chữ Ly. Chúng tôi tạm mượn chữ Chinh là một đơn vị tiền cổ (tức đồng Bảo Đại) chỉ thông dụng trong một thời gian ngắn. Một Xu trị giá chừng ba hoặc năm Chinh. Do vậy, dùng chữ Chinh để dịch chữ Ly cũng rất gượng ép!

lại sang đất Hỗ (Thượng Hải) để lo chuyện thỉnh sách, in sách. Di Đà Kinh Bạch Thoại, Gia Ngôn Lục lần này chẳng còn được mấy, đợi đến đợt in lần sau sẽ gởi cho ông. Lần này nếu Văn Sao còn dư sẽ gởi cho ông mấy gói. Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú, Gia Ngôn Lục gởi nhiều lắm là một gói.

212. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười ba)

Nhận được thư vào ngày Rằm tháng Năm, biết ông do qua lại mệt nhọc, hư hỏa bốc lên, chắc là bệnh mắt đã lành từ lâu rồi. Nếu vẫn còn chưa lành, hãy nên chí tâm niệm thánh hiệu Quán Âm, ắt sẽ có công hiệu ngay. Biên nhận khoản tiền quyên tặng bốn trăm đồng tôi đã gởi qua bưu điện hôm mồng Bảy tháng Năm, chắc đã nhận được rồi. Thoạt đầu vì ông nói sẽ trở lại nên tôi đợi. Đến hôm mồng Bảy, biết đã [đến lúc Quang] phải về rồi, nên [đem biên nhận] gởi qua bưu điện. Những người nắm quyền hiện thời giống hệt như đổ từ một khuôn, đối với việc uốn nắn nhân tâm, uốn nắn phong tục v.v… đều bỏ mặc không hỏi tới, phàm những biện pháp chuẩn bị sẵn để đuổi Tăng, đoạt tài sản đều coi như nhiệm vụ quan trọng, không chi lớn bằng, phải thiết thực tiến hành. Đang trong lúc chớ nên thõng tay thờ ơ đứng nhìn này, pháp sư Viên Anh vẫn còn đang ở Tuyền Châu chắc đang tính toán cứu vãn, có lẽ chẳng đến nỗi khốc liệt quá đáng!

213. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười bốn)

Thư tôi viết hôm mồng Năm tháng Sáu chắc ông đã nhận được rồi. Nay nhận được thư ông đề ngày Hai Mươi Mốt tháng Năm, cho biết bệnh mắt vẫn chưa lành, nhưng khí trời nóng bức không chỗ nào tránh né được, lại còn bị dịch thời khí[16]. Đấy là do ác nghiệp đồng phận của chúng sanh chiêu cảm, xin hãy bảo khắp người làng cùng kiêng sát sanh, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, để mong tật dịch tiêu diệt. Nếu có thể khẩn thiết chí thành, chắc chắn có hiệu nghiệm lớn lao. Ngay như bệnh mắt của ông cũng sẽ do tuyên nói rộng rãi lời này mà được lành bệnh. Biển khổ rộng mênh mông, Quán Âm là bậc cứu độ. Nếu ai nấy chí thành trì tụng mà bị chết vì tật dịch thì trời đất cũng sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng cũng sẽ xoay ngược! Nếu hời hợt, hờ hững niệm thầm một hai câu mà muốn được hiệu quả khởi tử hồi sanh ngay, tuy Bồ Tát

[16] Dịch thời khí là những bệnh dịch thường xảy ra ồ ạt vào mùa Hè như dịch tả, dịch hạch…

đại từ [cũng chẳng làm sao được]! Chẳng phải là Ngài không chịu cứu tế, nhưng vì tâm kẻ ấy chẳng chân thật, thiết tha, quyết khó thể cảm thông được! Mong hãy nói cặn kẽ [những điều này] với người làng thì may mắn lắm thay!

214. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười lăm)

[Qua thư ông], biết ông đã nhận được biên lai lần trước rồi, nay lại nhận được đầy đủ cả nguyệt san lẫn báo cáo phóng sanh. Thánh hiệu Quán Âm chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hiện thời, hãy nên khuyên hết thảy mọi người cùng niệm. Nếu là người tu Tịnh nghiệp, hãy nên chuyên niệm [thánh hiệu Quán Thế Âm] ngoài những lúc niệm Phật. Đối với kẻ chưa phát tâm hãy dạy họ chuyên niệm vì họ dốc chí mong được Đại Sĩ che chở, gia bị ngõ hầu tiêu diệt tai họa. Đợi cho đến khi họ đã sanh được lòng tin, lại dạy họ lấy niệm Phật làm chuyện chánh, niệm Quán Âm để phụ trợ; nhưng niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì cũng được như nguyện.

215. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười sáu)

Năm ngoái đã hai lần nhận được thư của ông, nhưng vì bận bịu chưa trả lời được. Hạ tuần tháng Hai năm nay, tôi sẽ sang Thượng Hải lo toan việc in sách, tháng Sáu vẫn trở về núi. Tháng Bảy xuống núi sẽ chẳng quay về nữa. Tháng Tám, tháng Chín, in sách xong xuôi, sẽ giấu kín tung tích, ẩn lánh ở nơi không một ai biết đến để mong sống hết những năm còn sót lại này ngõ hầu chuyên tu Tịnh nghiệp. Nếu không, cứ suốt ngày bận bịu vì người khác, ắt sẽ hỏng đại sự vãng sanh Tây Phương của chính mình. Gần đây, tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày càng nhiều. Nếu chẳng lánh đi, sau này sẽ càng khó thể chống chọi được nữa! Người trong Phật pháp đều cùng mơ màng, chẳng xét đến đại thể, chỉ mong thuận tiện cho chính mình, đến nỗi pháp đạo ngày một suy, kẻ lấn hiếp bên ngoài ngày một đông. May là có những vị cư sĩ hộ vệ, nên còn chưa bị diệt ngay. Nếu không, danh xưng Phật pháp đã sớm chẳng còn được nghe trong cõi đời hiện tại rồi! Gần đây, lòng người bại hoại, bại hoại đến tột cùng, nhưng người có tu trì được cảm ứng khá nhiều, nên vẫn còn duy trì được phần nào. Nếu không, Phật pháp sẽ bị mất tích từ nay, buồn thay!

216. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười bảy)

Thư nhận được đầy đủ. Phong trào hủy Phật chỗ nào cũng có. Nếu không có người chống đỡ, Phật pháp sẽ bị đoạn diệt. Với mười đồng ông đã gởi, tôi sẽ gởi mười bộ Khuê Phạm, mỗi bộ [cộng chung] tiền giấy và tiền công in là tám cắc tám xu. Kèm thêm trong gói sách là hai cuốn Âm Chất Văn Đồ Chứng và hai gói Quán Âm Tụng để kết duyên. Trường nữ sinh Nam Hoa nếu có được sách này để làm khuôn mẫu tốt đẹp thì tất cả nữ sinh sẽ đều có thể trở thành những tấm gương đẹp đẽ trong chốn khuê các, tạo điển hình cho nữ giới. Năm ngoái đã in ba ngàn bộ, năm nay vốn muốn in nhiều hơn, nhưng do thời cuộc không yên, chỉ in được hai ngàn năm trăm cuốn.

Trong tháng Chín, Quang nhất định ẩn kín tung tích, tất cả những sách có Chỉ Bản đều giao cho Cư Sĩ Lâm trông coi. Hễ có ai phát tâm đứng ra in với số lượng lớn thì chẳng ngại gì trao đổi với họ. Khuê Phạm được in bằng lối Thạch Bản, chẳng tiện ấn loát. Nếu có ai in với số lượng lớn như hai ba ngàn cuốn thì phải hỏi Cư Sĩ Lâm xem họ có đảm nhiệm được hay không? Thơ ông Uông và thơ của ông đều hay, nhưng Quang trọn chẳng hiểu thơ, lại còn bận bịu cùng cực, nay đem gởi trả lại kèm theo thư. Không có chuyện gì quan trọng, đừng nên gởi thư đến. Nếu đến tháng Chín thì muôn phần đừng gởi thư tới nữa để khỏi bị hỏng việc.

217. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười tám)

Ông nói lúc Quang sắp ẩn dật hãy ban cho ông một lá thư để làm khuôn phép, vậy thì một bộ Văn Sao đều là lời lẽ thừa thãi ư? Ông Trình nói: *"Tuân sở văn, hành sở tri, hà tất cập môn cầu ngô tai?"* (Tuân theo những điều đã nghe, hành theo những điều đã biết, cần gì phải đến trước cửa cầu ta nữa?) Nay tôi chỉ nói *"đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, chân vị sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dĩ thâm tín nguyện, trì danh hiệu Phật"* (giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật). Nếu có thể y theo tám câu ấy mà hành thì làm bậc hiền thánh, liễu sanh thoát tử đều có dư!

Điều quan trọng mầu nhiệm trong Phật pháp chỉ là ở lòng Thành! Ông giữ được lòng Thành từ đầu đến cuối thì không có gì để nói nữa.

Hãy nên vứt ra ngoài Đông Dương đại hải [những thói] bàn luận điều huyền lẽ diệu, khua môi múa mép, cầu thần thông, thì mới có thể đích thân đạt được lợi ích thật sự, huống hồ những kẻ vẫn coi luyện đan vận khí là đạo ư? Ba bà thủ tiết ấy đều có thể ăn chay, niệm Phật, hãy nên dạy họ quyết định cầu sanh Tây Phương, đừng nên cầu phước báo trời người, ngõ hầu chẳng phụ mấy chục năm giữ tiết tháo băng khiết. Trần Đức Phương pháp danh là Trí Đức, Trương Phổ Đường pháp danh là Trí Phổ, Châu Duyệt Thiền pháp danh là Trí Thiền. Bọn họ đã đều sống trong chùa miếu, hãy nên chí thành cung kính, lễ bái, trì tụng, đừng xen tạp luyện đan, vận khí, hoặc nhập thần phụ quỷ (lên đồng, hầu bóng) v.v… để chèo kéo kẻ vô tri cung kính, cúng dường. Nếu được như thế sẽ đúng là đệ tử Phật thật sự, quyết định sẽ có thể thoát khỏi cõi Sa Bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia ngay trong đời này. Tôi sợ bọn họ không thông hiểu văn lý cho lắm, xin ông hãy phương tiện diễn nói với họ, khiến cho họ hiểu Phật pháp vốn tự sẵn có đạo lý chân thật. Trí Giác hành trì đáng gọi là khó có. Đấy gọi là *"bầu bạn trong pháp môn, bạn bè xuất thế, tại gia học đạo"*. Những người này có thể thay đổi phong tục, may mắn chi hơn?

218. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười chín)

Đã nhận được mười sáu đồng rồi, đừng lo, sẽ dùng làm chi phí gởi sách. Đã nhận được Khai Sĩ Truyện rồi. Hiện thời đang trong tình thế hoạn nạn, trừ Đại Sĩ ra, còn biết nương tựa vào đâu? Nếu có thể chí thành khẩn thiết, quyết định được Ngài ngầm gia bị. Do vậy biết tâm Bồ Tát và tâm chúng sanh về bản thể giống hệt nhau không khác. Chỉ vì chúng sanh mê trái nên đến nỗi cách ngăn; nếu vì gặp lúc hoạn nạn, chuyên tâm ức niệm, sẽ tự có thể lập tức thấy cảm ứng. Ví như kẻ đội chậu úp thường chẳng thấy được mặt trời. Nếu bỏ [cái chậu] che úp ấy đi, cố nhiên mặt trời ở ngay trên đỉnh đầu. Xin hãy nói với hết thảy mọi người về sự linh cảm của Bồ Tát để ai nấy thường niệm. So với những kẻ bàn huyền luận diệu có ích hơn rất nhiều!

219. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai mươi)

Quang vốn tính đến cuối tháng Chín sẽ ẩn mình, nhưng vì nhân duyên ấn hành bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ mà chần chừ. [Các đệ tử ở] Hương Cảng đã sớm gởi thư, đánh điện thôi thúc, tháng Giêng năm

sau sẽ đi. Chuyện sang sống nhờ ở Hạ Môn thôi đừng bàn tới nữa! Mấy bữa nữa sẽ gởi cho ông mấy gói Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Sách này có thể dùng làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Lần này tôi bảo họ làm thành hai bộ Chỉ Bản để mỗi bản sẽ in được hai vạn bộ.

220. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai mươi mốt)

Lệnh từ[17] và Trí Giác khốn khổ bởi Tỳ Ngược[18] đã lâu, may đã lành bệnh. Nay tôi gởi cho một toa thuốc thần diệu chữa bệnh sốt rét, xin hãy ấn tống để mọi người cùng hàng đều được thoát khỏi nỗi khổ này.

*** Toa thuốc thần diệu trị bệnh sốt rét**

Ô mai *(hai quả)*, hồng táo *(hai quả)*, hồ đậu *(một tuổi là một hạt, như người một tuổi liền viết một hạt, mười tuổi liền viết mười hạt, chiếu theo đây mà suy)*

Dùng một tờ giấy trắng viết ba thứ này. [Số lượng] ô mai và hồng táo đều cố định, chỉ có hồ đậu là dựa theo số tuổi [của bệnh nhân] mà viết. Viết xong, gấp lại, xếp thành lớp; trước khi lên cơn một tiếng đồng hồ, buộc chặt vào cổ tay *(tức khoảng giữa phần trên bàn tay, phía dưới khủy tay)*, bệnh sẽ không phát ra nữa. Cũng chẳng cần phải mua ba thứ ấy, chỉ cần viết những chữ ấy là được rồi. Toa thuốc này linh nghiệm chẳng thể nghĩ bàn. Lúc buộc đừng nói cho ai biết, chỉ cần phân biệt nam [buộc] bên trái, nữ [buộc] bên phải.

Ông Tào Tung Kiều ở Tô Châu năm ngoái đã đem toa thuốc này in ra rất nhiều. Ông ta xuống làng thu tô đã bảo họ chia nhau đem tặng. Dân quê dốt nát không biết chữ bèn đem tờ giấy đã in [toa thuốc] ấy quấn vào tay chứ chẳng viết gì khác thì bệnh cũng không phát. Ông chẳng chú ý, bài thuốc này đã chép ở cuối bộ An Sĩ Toàn Thư, hiềm rằng chữ quá nhỏ, người ta không để ý. Hãy nên in ra để biếu tặng rộng rãi thì thật là lợi ích không chi lớn bằng. Tụng kinh Pháp Hoa cũng cần phải đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì mới chẳng khác gì công đức niệm Phật. Nếu chẳng hồi hướng Tây Phương thì chính là tự phân tâm, niệm chẳng quy nhất, lâm chung sẽ khó chắc chắn

[17] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng mẹ người khác.

[18] Tỳ Ngược là bệnh sốt rét cách nhật, do người bệnh cách ngày nổi cơn sốt rét, hoặc vài ngày nổi cơn sốt rét, bụng đầy, ăn uống khó khăn. Cổ nhân cho rằng nguồn gốc bệnh này là do trong tháng nóng bệnh nhân ăn quá nhiều chất lạnh khiến tỳ vị bị tổn thương, nên gọi là Tỳ Ngược.

được vãng sanh. Đây quả thật là điều trọng yếu nhất!

221. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai mươi hai)

Nhận được thư, biết mấy năm gần đây cả nhà yên vui, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Mười đồng ông đã tặng sẽ dùng làm chi phí in sách. Gần đây, Quang mục lực lẫn tinh thần đều không đủ. Mười mấy ngày gần đây bận bịu giảo chánh đối chiếu cho người khác, thư từ chất lại hai mươi mấy bức đều chưa trả lời. Đã cự tuyệt thư từ vào mùa Đông năm ngoái, phàm hễ ai gởi thư đến đều nói "từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa. Gởi đến quyết không trả lời", nhưng thư vẫn cứ cuồn cuộn gởi tới y như cũ do giao thông quá thuận tiện.

222. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai mươi ba)

Thư nhận được đầy đủ. Kinh tế khó khăn, hãy nên sống đơn giản, chất phác, chớ nên gắng gượng chống giữ thể diện. Xin hãy bỏ chuyện sang Nam Dương (Indonesia) đi. Từ năm Dân Quốc 17 (1928), quá nửa số thương gia ở Nam Dương bị phá sản. Có người sang Nam Dương quyên mộ, đều chẳng xin được đủ lộ phí [để trở về]! Nam Dương coi mủ cao-su là sản phẩm xuất cảng bậc nhất, chánh phủ Anh nghiêm cấm bán rẻ [sản phẩm này]. Mỗi gánh [mủ cao-su] giá một trăm sáu mươi mấy đồng. Năm Dân Quốc 17 (1928) bị người nước nọ lừa gạt, nói: "Nếu không bán rẻ thì chưa đầy hai năm, cây [cao-su] trong nước tôi đủ lớn sẽ không ai mua hàng hóa của các ông nữa đâu!" Họ bèn lén lút bán, một nhà bán rồi cả thành phố bán, chưa đầy một tháng có tới mấy chục đại thương gia vỡ nợ, hiện thời giá [mủ cao-su] càng rẻ không thể tưởng tượng được. Một đệ tử của Quang đã kể với Quang tình cảnh ấy.

Vì thế, thầy Tu Viên, đệ tử hòa thượng Hư Vân chùa Vân Thê ở Vân Nam, thấy chùa Vân Thê thiếu hụt, muốn sang Nam Dương hóa duyên, Quang khuyên đừng đi, [thầy ấy] không nghe. Về sau, Vân Nam phải gởi tiền sang, [thầy ấy] mới về nước được! Tiền hóa duyên được ở Nam Dương còn chưa đủ trả tiền tàu xe! Quang gần đây mục lực quá yếu, không có chuyện gì mười phần quan trọng đừng gởi thư tới nhé!

223. Thư trả lời cư sĩ Tạ Tử Hậu

Ông Từ X… chịu đề xướng Tịnh Độ rất tốt. Năm trước, ông ta đã gởi cho tôi một cuốn Tỉnh Mê Lục xin ấn hành, trong năm trước tôi đã cho in vào sau cuốn Tọa Hoa Chí Quả. Tháng Chạp năm ngoái, ông ta cùng với một vị Tăng người Tứ Xuyên đến chùa Báo Quốc, ở lại nhiều ngày, ăn Tết. Vị Tăng ấy áo tràng cũng không mang theo. Sau Tết, Quang quở trách: "Ông là Tăng, đang lúc cuối năm [cũ bước sang] đầu năm [mới, Tăng sĩ đều tụng niệm] cầu chúc cho đất nước, nhân dân, ông đi xa ăn Tết mà áo tràng cũng không mang theo, đủ biết ông suốt năm cũng không có chuyện lễ tụng, trì niệm! May là ông cùng đến với Từ cư sĩ. Nếu không, chùa Báo Quốc cũng chẳng cho ông trú ngụ đâu!" Ông Từ đã kết bạn với vị Tăng ấy từ Chi Na Nội Học Viện, vậy thì ông Từ cũng chỉ là người nói xuông, chẳng chú trọng thực hành. Nếu không, sao lại chịu kết bạn với ông Tăng [lười nhác lễ tụng] ấy để ông ta làm nhục lây đến mình ư? Đức Như Lai gọi hạng người như vậy là "những kẻ đáng thương xót!"

224. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ nhất)

Năm ngoái, Quang do lo liệu chuyện khắc kinh nên vào ngày Hai Mươi Sáu tháng Bảy bèn xuống núi, sang Dương Châu. Nhân tiện, ghé qua Thượng Hải, Tô Châu, Kim Lăng; đến mồng Năm tháng Chín từ Dương Châu trở về Thượng Hải. Bạn bè mời sang Hàng Châu, rồi từ Hàng Châu quay lại Thượng Hải. Do ấn hành bộ An Sĩ Toàn Thư dạng rút nhỏ nên phải lần khân mấy hôm, đến ngày Hai Mươi Bốn mới về đến Pháp Vũ, thấy hai lá thư các hạ gởi hôm Hai Mươi Sáu, Hai Mươi Bảy tháng Bảy và hai cuốn Đàn Kinh và Thiên Nhạc Minh Không (nhạc trời rền vang hư không). Do không có mặt trên núi đã hơn cả tháng, thư từ bên ngoài [gởi đến Phổ Đà] rất nhiều, trong một lúc chẳng thể đọc hết được. Đến mồng Ba tháng Mười mới phúc đáp thư các hạ được. Lại gởi cho các hạ năm bộ Văn Sao do Thương Vụ Ấn Thư Quán in ra, một cuốn Duyên Khởi Khắc In Đại Tạng Kinh mới được ấn hành, bỏ chung trong một bưu kiện giao cho bưu điện, chắc là đã chuyển đến quý phủ rồi.

An Sĩ Toàn Thư là thiện thư bậc nhất xưa nay trong thiên hạ. Năm Quang Tự thứ bảy (1881), cha của tiên sinh Trương Phụng Trì[19] là tiên sinh Phổ Trai tên là Thủ Ân đã cho khắc in tại Tàng Kinh Viện ở Dương Châu. Bản khắc ấy nét bút quá nhỏ nên in chưa được bao nhiêu, nét chữ đã nhòe nhoẹt, lại còn bị sai ngoa quá nhiều. Mười mấy năm trước, do muốn sớm khắc bản khác, Quang đã giảo chánh tường tận. Đến năm Dân Quốc thứ bảy (1918), được một người bạn là ông Lưu Cần Phủ bỏ tiền in nên mới được thỏa chí. Năm Dân Quốc thứ tám (1919) mới khắc in thành sách. Trong một hai năm qua đã in được hai ba ngàn bộ.

Mùa Thu năm ngoái, một người bạn vì thấy rằng: "Do thế đạo nhân tâm đã suy hãm cùng cực nên thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống", liền khuyên Quang in An Sĩ Toàn Thư bản rút nhỏ để lưu truyền rộng khắp, ngõ hầu làm phương kế vãn hồi. Quang liền chẳng nề hà nông cạn, kém cỏi, đứng ra đề xướng, được các giới chánh khách, thương nhân tán trợ, tính đến tháng Chạp đã có người chịu bỏ tiền in hai vạn bộ. Ngày Mười Bảy, nhận được chương trình của Trùng Khánh Phật Học Xã, biết lão pháp sư Phật Nguyên được quan viên, thân sĩ đề cử hoằng dương pháp hóa ở chùa Trường An. Do vậy, tôi gởi thư đến ngài Phật Nguyên, xin Sư hãy bảo đạo tràng ấn tống An Sĩ Toàn Thư hơn một vạn bộ, phát cho mỗi huyện thuộc tỉnh Tứ Xuyên một trăm bộ. So với việc giảng diễn tại một nơi sẽ đạt được lợi ích rộng lớn hơn, vì sách này lý sâu lẽ cạn đều có đủ, Chân lẫn Tục cùng giảng. Người sâu xa sẽ thấy sách sâu xa, người nông cạn sẽ thấy sách nông cạn, trọn không một ai chẳng thể lãnh hội, chẳng được lợi ích!

---

[19] Cư sĩ Trương Nguyên Ngọc (1866-1920), tự Thức Như, hiệu Phụng Trì, là người huyện Thuận Đức, tỉnh Quảng Đông, đỗ cùng một khoa với Khang Hữu Vi. Do cha ông ưa thích Thiền Tông nên từ nhỏ đã tìm hiểu Thiền Tông, có chỗ lãnh ngộ. Ông từng làm Huyện Lệnh tỉnh Hà Nam, được tiếng là cai trị nhân từ. Khi Sử Di Nhân dấy loạn, đem quân đánh vào cửa thành trong khi ông đang xét án, mọi người đều kinh hoảng, riêng ông bình tĩnh thống lãnh quân binh dùng mưu đánh bại Sử Di Nhân khiến hắn phải tháo chạy mấy chục dặm. Đánh giặc xong, ông quay về tiếp tục phê duyệt công văn như không có chuyện gì xảy ra. Về già, ông cáo quan, sang Quế Hồ thuộc đất Thục sống ẩn dật, thanh bạch cho đến khi mất. Ông tuy thích Thiền nhưng vẫn niệm Phật không ngừng. Có một linh mục người Pháp nghe tiếng ông, tìm đến tranh biện, toan khuất phục, cuối cùng lại rất kính ngưỡng, hâm mộ ông. Ông để lại cuốn Phiến Hương Tập được lưu hành trong cõi đời.

Lại sợ ở đất Du[20] (Trùng Khánh) in sách chắc sẽ tốn kém lớn, khó thể lo trọn được, nên tôi lại gởi thư cho các hạ, xin các hạ nói với quan viên, thân sĩ đang sống tại Thành Đô cùng giúp sức hoàn thành công việc này thì món tiền tám chín ngàn đồng chẳng đến nỗi quá tốn công [quyên góp]. Mồng Bảy tháng Giêng năm nay, nhận được Phiến Hương Tập do các hạ gởi tới. Vì quá bận bịu, chỉ giở xem đại lược đôi chút rồi để đó. Đến ngày Mười Chín mới nhận được thư các hạ nói về chuyện gởi Phiến Hương Tập, mới biết các hạ đã ở Trùng Khánh Học Xã. Các hạ nói tháng Tám đã ra đi thì thư và sách Quang gởi hồi tháng Mười đã gởi đến nhà ông và thư gởi hồi tháng Chạp cũng đang chờ ông đọc. Phương pháp để thực hiện chuyện này của Quang khá nghiêm minh, trọn không có khuyết điểm hay khinh nhờn. Nếu các hạ chẳng cho Quang là cuồng vọng, mạo phạm, xin hãy nói với cấp trên, xin ông ta tìm cách lưu hành rộng rãi, thì sẽ là điều phước chưa bao giờ có cho quốc dân! Nếu chẳng thể phát cho mỗi huyện một trăm bộ thì giảm bớt con số cũng không sao! Xin hãy đọc kỹ chương trình biện pháp sẽ tự biết, ở đây không ghi cặn kẽ.

Phiến Hương Tập đã nhờ người có danh vọng kiểm chứng để mong được lưu thông, chắc là không nên chỉ gởi tới một bản. Quang mục lực không đủ, chẳng thể đọc nhiều, liền gởi cho Từ Úy Như *(tên là Văn Úy).* Đối với cư sĩ Lý Chứng Cương *(tên là Dực Chước)* hãy nên gởi bản khác. Chứng Cương chưa hề gởi thư cho Quang, nhưng Quang biết chỗ ông ta ở. Lưu Viên Lâm Xuyên Lý Trạch ở ngõ Tùng Bách, phủ Nam Xương, Giang Tây chính là nhà ông ta đấy. Lưu Thù Nguyên văn lý rất sâu, xem hành trạng của ông Trương khôn ngăn cảm kích, bội phục. Vùng Xuyên Trung đã có cao nhân lại được đề xướng, quả thật là dân tỉnh Tứ Xuyên may mắn mà pháp đạo cũng may mắn lắm!

Đối với chuyện hoằng pháp, hãy nên xét thời cơ. Đang trong lúc nước nhà thái bình, nhân tâm thuần thiện thì phần nhiều hãy nên dựa theo Thật Tế để uốn nắn, hoằng dương. Đang trong thời đại thê thảm từ trước đến nay chưa từng có này, trước hết hãy nên đem nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v… để giáo hóa những kẻ ương ngạnh, khích lệ và công kích gián tiếp, hầu đánh động lương tâm của họ. Sau khi họ đã

---

[20] Du (渝) là tên xưa của Trùng Khánh. Trùng Khánh được đổi tên nhiều lần, thời cổ gọi là Ba, đời Tần gọi là Giang Châu, đến đời Tùy là Du Châu, đến thời Bắc Tống đổi thành Cung Châu. Trùng Khánh là tên được vua Tống Quang Tông đặt từ năm 1190. Khi còn là hoàng tử, vua được phong làm Cung Vương, thái ấp ở Cung Châu. Do đó khi lên ngôi đã đổi Cung Châu thành Trùng Khánh Phủ với ngụ ý sự vui sướng xảy ra dồn dập.

biết pháp tắc, những điều răn nhắc, mới lại uốn nắn, hoằng dương; đấy mới là đạo duy nhất không hai vậy! *(ngày Hai Mươi Mốt tháng Giêng)*

225. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Trùng Khánh Phật Học Xã đã do Thư Thứ Phạm chịu trách nhiệm chánh thì sẽ chẳng đến nỗi bị sai lầm. Khắc in hai bộ Văn Sao thật chẳng dễ dàng vì hiện thời tiền công khắc chữ rất đắt; nếu khắc trọn bộ Văn Sao sẽ phải khắc hơn chín trăm trang, mỗi trang nếu không tốn tới một đồng sẽ không thể nào khắc được! Trước kia, Quang đã khắc một bộ ở Tàng Kinh Viện Dương Châu, hơn bốn trăm trang, chia thành bốn cuốn, đây chính là bản được Thương Vụ [Ấn Thư Quán] in thành hai cuốn vào năm Dân Quốc thứ 10 (1921). Bộ Tăng Quảng Văn Sao lần này được chế thành bốn bức Chỉ Bản, hai bức giao cho Trung Hoa Thư Cục, hai bức trả về cho Quang. Năm ngoái, [xưởng in kinh] Hàng Châu làm cháy mất một bức, chỉ còn lại một bức. Nếu muốn lưu thông rộng rãi, có lẽ nên chiếu theo cách thức trình bày đó để tạo ra một bức nữa, rồi cho tạo ra nhiều Chỉ Bản chắc sẽ thuận tiện hơn. Tiền công sắp chữ của [xưởng in thuộc] nhà giam Tào Hà Kính ở Thượng Hải rẻ hơn Thư Cục một nửa. Bốn trăm mười lăm mười sáu trang chưa đến hai trăm đồng *(mỗi trang chưa đến năm cắc, Trung Hoa Thư Cục tính hơn một đồng)*. Tạo ra Chỉ Bản cũng thuận tiện hơn.

Chuyện uốn nắn cho lòng người chân thành, thiện lương thì ngay cả thánh hiền cũng chẳng thể làm được chuyện ấy! Trong gia đình, làng xóm, đề xướng nhân quả, báo ứng và giáo dục trong gia đình, rất cần phải chú trọng dạy dỗ con gái sao cho nhà nhà đều răn dạy, thông hiểu và cũng nhờ vào đó để uốn nắn cái tâm của thiên hạ mà thôi! Đối với Tứ Thư, Ngũ Kinh, [kẻ học Nho] do thiếu con mắt thông suốt nên thường trái nghịch lời thánh hiền dạy. Chỉ có kẻ hiểu biết bản tâm của chính mình mới có thể nêu tỏ tông chỉ của thánh hiền, chẳng đến nỗi làm cho người khác bị lầm lạc. Nhà Nho coi lý nhân quả là dị đoan! Trái nghịch thánh đạo, khơi ra chiến tranh cho đời sau đều do bọn Lý Học gây ra.

Ông đã muốn quy y, đành dùng cách "đem lầm đáp lạc", nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Lâm. Ấy là vì nhà lửa nóng hừng hực, chẳng có mưa dầm trí huệ[21] sẽ chẳng thể dập tắt được. Tự hành, dạy người đều nên như thế. Đừng nói "tôi đâu có sức lớn lao ấy!" Một mai đánh đổ

[21] Chữ Lâm (霖) có nghĩa là mưa dầm.

thứ hai (1913), pháp sư Đạo Giai[175] ở chùa Pháp Nguyên, Bắc Kinh, lập Hội Kỷ Niệm Phật Đản, lấy tượng Phật Thích Ca làm huy chương, Quang trọn chẳng biết chuyện đó. Xong chuyện, sư Đạo Giai đến Phổ Đà, tặng Quang một huy chương, Quang thống trách ông ta khinh nhờn, nhưng đến năm Dân Quốc 12 (1923) vẫn làm như thế. Ở Thượng Hải cũng bắt chước làm theo, nay cư sĩ cũng bắt chước làm theo. Đầu sỏ gây tội bắt nguồn từ sư Đạo Giai. Đạo Giai còn biết giảng kinh, nhưng cung kính, tôn trọng hoàn toàn chẳng nói tới, cũng đáng than thở thay! Hết thảy nhân viên tham dự hội ấy mỗi người đều phải đeo một huy chương. Nếu đeo để lễ Phật thì vẫn chẳng hợp lý. Đeo để lễ người khác thì đôi bên đều bị tổn phước. Nhưng hiện thời do Đạo Giai đề xướng đã trở thành quy định chung rồi, Quang cũng biết chuyện ấy chẳng dễ gì dẹp bỏ được, nhưng do cư sĩ quá yêu mến nên chẳng thể không nói một lời!

Chuyện phóng sanh ngay như một xứ Thượng Hải cũng khó thể lo liệu được, há nên phô phang cái danh lớn lao là "toàn quốc?" Nhân dân cả nước đều đang ở trong cảnh nước sâu lửa nóng, không cách nào cứu được, huống là "hội phóng sanh toàn quốc" ư? Quang cho rằng: "Khuyên người khác ăn chay là phóng sanh thật sự". Những sanh vật được nuôi trong những cơ sở [phóng sanh] lớn lao trước kia, một khi có lính đóng, liền biến thành thức ăn cho quân đội. Nếu sau này vĩnh viễn không có chiến tranh thì được. Nếu không, [những con vật được nuôi trong cơ sở phóng sanh] ấy sẽ đều là thức ăn được trữ sẵn cho quân đội!

Cư sĩ nhiệt tâm bảo vệ loài vật, có thể nói là bậc nhất, nhưng phải xét kỹ tình lý thì mới được lợi ích thật sự. Pháp sư Đế Nhàn hâm mộ thanh danh của Từ Vân Sám Chủ, xin ông Lư Tử Gia biến Tây Hồ thành ao phóng sanh, mọi người đều đến phóng sanh; kẻ xấu lén lút đánh bắt, chánh phủ phải nhiều lần mua lại, các cư sĩ phải nhiều lần chuộc, tốn đến

---

[175] Đạo Giai (1866-1932), người ở Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam, pháp danh Thường Tiễn, pháp hiệu Hiểu Chung, còn có biệt hiệu là Bát Bất Đầu Đà. Xuất gia với ngài Chân Tế chùa Trí Thắng ở Hành Dương năm 19 tuổi. Năm sau, thọ Cụ Túc Giới ở chùa Báo Ân tại Lỗi Dương. Sư bế quan tại chùa Nhị Đoan ở Giáp Sơn suốt ba năm, chuyên chí tham Thiền. Lại theo học với hòa thượng Mặc Am chùa Chúc Thánh tại Nam Nhạc, xem đọc Đại Tạng Kinh. Sau đó đi giảng kinh tại nhiều ngôi cổ tự nổi tiếng như Tây Thiền, Thiên Đồng, Thanh Lương, Hải Hội v.v… Năm 1906, Sư du hóa khắp các xứ Singapore, Mã Lai, Miến Điện, Indonesia. Sau về nước, làm Trụ Trì chùa Pháp Nguyên, nhận chức vụ đặc trách nội vụ cho Trung Hoa Phật Giáo Tổng Hội. Đồng thời, đề xướng tu chỉnh bộ Tân Tục Cao Tăng Truyện gồm 61 quyển, chép tiểu sử các danh Tăng từ thời Bắc Tống đến thời Tuyên Thống nhà Thanh. Về sau, do chùa Pháp Nguyên xảy ra tranh chấp, Sư bèn dẫn học trò là Đức Ngọc sang Ấn Độ trùng tu chùa Trung Hoa ở vườn Lộc Dã. Năm 1932, Sư du hóa các tỉnh thành thuộc Mã Lai như Penang, Kuala Lumpur rồi thị tịch trong tháng Ba năm ấy tại Mã Lai.

mấy ngàn đồng rồi vẫn phải dời đi nơi khác. Đấy chính là tấm gương tày liếp mà ông vẫn chưa biết, cứ mong phô trương tạo danh tiếng cho to ư? (*Ngày Rằm tháng Năm năm Ất Hợi - 1935)*

423. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ nhất)

Bà nói *"dùng văn tự, thư họa, âm nhạc để tiếp dẫn kẻ sơ cơ vào trong biển Phật pháp"*, đấy chính là đại nguyện của Bồ Tát, nhưng cần phải xét xem chính mình có định lực chẳng bị cảnh duyên xoay chuyển thì đối với mình lẫn người mới đều có lợi ích lớn lao. Nếu không, cứ một mực dụng tâm nơi chuyện bên ngoài, sợ rằng sẽ khó thể thành tựu chuyện liễu sanh tử được! Người học Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Hãy nên chú ý nơi hai bài tựa trước sau trong Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ tự biết sự vi diệu rộng lớn của pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu chẳng bị dao động, mê hoặc bởi tri thức của các tông khác.

Bà nói đến chuyện nằm mộng [thấy Quang hiện thân thuyết pháp trong giấc mộng] thì đấy chính là cảnh do lòng Thành của bà biến hiện, chứ Quang không có khả năng hiện thân trong giấc mộng ấy! Quang là phàm phu sát đất, nhưng thường có kẻ nói nằm mộng thấy Quang, đôi khi còn thấy Quang răn dạy nữa. Đấy đều là do lòng Thành của bọn họ cảm Quán Thế Âm Bồ Tát ứng theo căn cơ thị hiện, đấy đúng là *"nên hiện thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"*. Bồ Tát còn có thể hiện thành sông, núi, đại địa, lầu, đài, điện, gác, cầu, bến, đường sá, đồ đạc, vật dụng, huống là thân người ư? Mắt Quang không bị bệnh tật gì, xin hãy sáng suốt suy xét! *(Mồng Năm tháng Bảy năm Dân Quốc 25 - 1936)*

424. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ hai)

Thư bà gởi đến tôi nhận được đầy đủ. Nay đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi cho bà bốn tờ tượng bán thân, bốn tờ tượng vẽ. Phía dưới tượng vẽ ấy có một phong thư dài, khá quan trọng đối với người mới phát tâm. Người vẽ tượng ấy chính là một người ở Vô Tích, Quang vốn không quen biết. Vẽ xong, giao cho một đệ tử quy y. Người ấy liền chụp bức thư dài [đem ghép vào], tặng cho Hoằng Hóa Xã mấy tấm.

425. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ ba)

Bà nói ảnh chụp giống như [hình Quang bà được thấy] trong giấc mộng, ở chỗ này có ý nghĩa sâu xa, chớ nên cậy vào ý mình rồi hiểu lầm. Quang là nghiệp lực phàm phu, sao có thể hiện thân trong giấc mộng cho được? Ấy là do lòng Thành của bà cảm Quán Thế Âm Bồ Tát biến hiện hình tướng của Quang để khiến bà sanh lòng chánh tín. Ấy chính là *"nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"*! Cầu bến, đường sá, lầu, đài, điện, gác, núi, sông, cây cỏ, không một thứ nào chẳng hiện. Nên biết: Thần thông diệu dụng ở nơi người hiện được cảnh, chứ không phải ở nơi cảnh được hiện. Bà coi tớ là chủ, chẳng khỏi đem phàm lạm thánh, khiến cho Quang lẫn bà đều cùng mắc tội lỗi không chi lớn hơn, cô phụ tấm lòng Đại Sĩ vì bà hiện hình tướng quá lắm! Ngàn vạn phần chớ nên vẽ, mà cũng đừng nên ghi chép để những kẻ ham làm chuyện giả dối nhằm lôi cuốn [người khác] sẽ bắt chước làm theo! Loại giấc mộng như vậy thường hay xảy ra. Ấy là vì trong Phật môn không có người, Bồ Tát muốn cho bà tăng trưởng tín tâm nên mới lấy tướng gỗ chạm, đất đắp làm tướng thần thông diệu dụng để phát khởi tâm chánh tín, khiến cho tâm ấy chẳng bị lui sụt. Suy nghĩ sâu xa, cặn kẽ thì sẽ thấy Bồ Tát từ bi chỉ dạy không gì chẳng xét đến vậy *(Ngày Mười Tám tháng Tám năm Dân Quốc 25 - 1936)*

426. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tư)

Đối với chuyện vẽ hình tượng [Ấn Quang] toàn thân hay tượng đứng cũng không quan trọng. Chỉ có điều chớ nên đem phàm lạm thánh, lầm lạc suy tôn, ngõ hầu người đời sau chẳng đến nỗi ngờ là tiếm việt, mà cũng chẳng đến nỗi lầm lạc bắt chước theo *(Ngày mồng Tám tháng Chín năm Dân Quốc 25 - 1936)*

427. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ năm)

Quang vốn là hình hài gỗ - đất, bị bà tô vẽ trở thành vàng ngọc huy hoàng. Tuy có thể sướng tai khoái mắt mọi người, nhưng thật ra đã khiến tôi thường phải ôm lòng hổ thẹn *(Năm Dân Quốc 25 - 1936)*

428. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ sáu)

Thư trước gởi đến nhằm lúc tôi đang phải gọt giũa bản Hộ Quốc Pháp Hội Khai Thị Lục, chẳng rảnh rỗi để phúc đáp. Tượng Phật lẫn hình Quang đều đẹp. Hôm trước, tôi đã bảo đem tượng Tam Thánh và hình Quang mỗi loại chụp thành mười hai tấm, họ cho biết phải trả mỗi tấm hai cắc. Nay lại gởi đi mười tấm. Đôi liễn [bà viết] bên cạnh hình Quang văn lẫn ý đều hay. Sẽ đem gởi cho nơi xa *(gởi về quê tôi)* là chỗ chẳng dễ có được!

429. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ bảy)

Hôm qua nhận được thư và nhận được mọi thứ đầy đủ. Chuyện vẽ tượng là do thầy Đương Gia chùa Linh Nham tính vẽ hình của mười hai vị Tổ Sư Liên Tông, bảo Quang làm một bài tán sáu câu để dùng trong ngày kỷ niệm các vị ấy quy Tây. Lại làm một bài tụng theo thể loại Thất Ngôn Bát Cú, tính viết vào hình vẽ ấy. Do Quang thấy thơ Đường Luật quá bó buộc, liền bắt chước cổ nhân viết bừa cho xong trách nhiệm. Thầy ấy vốn muốn thỉnh cư sĩ vẽ một hai bức, Quang nói: "Bà ấy tỵ nạn, ở đậu nhà người ta, sợ chẳng thể vẽ được. Nếu có thể vẽ được thì hãy nên bảo một người vẽ thôi, để khỏi bị khuyết điểm thể cách bất nhất". Nay đọc thư trả lời, tôi thấy nên bỏ chuyện ấy đi, tùy thầy Đương Gia thỉnh ai vẽ thì thỉnh.

Theo ý Quang, chuyện này cũng chẳng đáng tán thành. Vì sao vậy? Phương Nam ẩm thấp, chẳng được mười mấy năm lại phải vẽ bức khác. Khoản tiền chi tiêu ấy chẳng phải nhỏ đâu! Nếu thờ bằng bài vị thì một hai trăm năm sau vẫn còn tốt. Do thầy ấy chuyện gì cũng muốn cho tốt đẹp, nên vẫn chẳng tiếc công nhiều lần cầu cạnh người khác. Về mặt trang nghiêm đạo tràng thì dường như có ích, nhưng trong thời cuộc, tình thế này, cũng có thể do vậy mà chuốc họa. Xét đến cùng, mọi chuyện thật chẳng nên làm cho lắm. Xin hãy gác lại chuyện này, nhất tâm niệm Phật để mong được lợi ích thật sự. Xin đem hai bức tượng vẽ gởi tới bằng thư bảo đảm *(Ngày Mười Hai tháng Hai năm Kỷ Mão - 1939)*

430. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tám)

Từ lão thái do [uống] nước pha tro hương [được gia trì bằng chú Đại Bi] mà căn bệnh nguy hiểm được bớt hẳn, đấy cũng là do lòng Thành của gia quyến cảm nên. Hà Đức Mục thích nói chuyện thơ ca, chẳng chú trọng niệm Phật là do bị nghiệp lực mê hoặc, nên chẳng biết phân biệt

điều khinh lẽ trọng! Ví như trẻ thơ cho nó đồng tiền thì ưa thích, cho bảo châu Ma Ni bèn chẳng nhận. Đem tiền dụ kẻ ăn mày, hắn chịu niệm Phật là cũng đã gieo thiện căn không chi lớn bằng. Năm Quang Tự 18 (1892), Quang sống tại chùa Viên Quảng ở ngoài cửa Phụ Thành của thành phố Bắc Kinh. Một hôm cùng một vị Tăng từ phía ngoài [cửa thành] Tây Trực đi về chùa Viên Quảng. Một đứa ăn mày mười lăm, mười sáu tuổi, chẳng thấy có vẻ đói khát, đi theo xin tiền. Quang bảo nó: "Niệm Phật một câu, ta sẽ cho con một đồng"; nó không niệm. Quang nói: "Niệm Phật mười câu ta sẽ cho con mười đồng!" Vẫn chẳng niệm. Quang lôi túi đựng tiền ra cho nó thấy, ước chừng hơn bốn trăm đồng, bảo nó: "Con niệm Phật một câu ta sẽ cho con một đồng. Con tận lực niệm, ta sẽ cho đến khi hết túi tiền này mới thôi". Nó vẫn không niệm, khóc ầm lên; do vậy bèn quăng nó một đồng tiền rồi bỏ đi. Đứa ăn mày ấy quá thiếu thiện căn, đem tiền dụ cũng không chịu niệm. Nếu trẻ ăn mày phát thiện tâm mà niệm sẽ được lợi ích lớn lao. Dẫu là bị dụ tiền mà niệm Phật vẫn gieo được thiện căn lớn lao.

Trước kia, Quang chẳng trì chú Đại Bi. Năm Dân Quốc 21 (1932), Quang bế quan tại chùa Báo Quốc, mẹ ông Ngô Hằng Tôn ở ngõ cầu Tây Hoa bệnh tình nguy cấp. Ông Hằng Tôn đang ở Bắc Kinh, [người nhà] vội đánh điện gọi ông về. Vợ ông ta sai người đến chùa Báo Quốc xin Quang tụng cho một chén nước Đại Bi, Quang liền niệm ba biến, bảo cầm về. Uống vào, bà cụ liền tỉnh lại, không còn trong tình trạng nguy hiểm nữa. Sợ Hằng Tôn lo lắng, họ bèn đánh điện nói "bệnh đã không còn nguy ngập nữa"; Hằng Tôn bèn không về. [Có một] đứa bé chín tuổi khi sanh ra chưa đầy hai tháng, khắp mình sanh đầy mụt lở nhỏ, Xuân đến càng thêm đau đớn. Trải nhiều năm vẫn không hết, uống thuốc cũng vô hiệu; do vậy bèn xin nước Đại Bi, uống vào liền lành. Vì thế, thường có người đến xin, hằng ngày nói chung phải niệm mấy biến.

Về sau, người đến xin càng nhiều, liền dùng một đồ đựng lớn. Năm trước tỵ nạn đến Linh Nham, thầy Đương Gia nói vẫn cần phải trì chú Đại Bi vào nước. Quang nói: "Hiện thời không mua được bình, mà cũng không có tiền mua bình. Hãy nên dùng gạo để thay!" [Trì chú Đại Bi vào] tro hương thì trước kia ở Báo Quốc đã từng làm rồi, bởi lẽ đường xa chẳng thể gởi nước đi được, còn tro thì mọi lẽ đều không trở ngại gì! Nếu ở ngay địa phương này thì không dùng tro. Ông Tần Hiệu Lỗ ở Vô Tích bị ba thứ bệnh, chữa không lành, vừa uống vừa bôi nước Đại Bi liền được lành, bèn quy y.

Toa thuốc trị bệnh sốt rét trọn chẳng phải là điều bí mật gì, phàm ai biết chữ đều có thể dựa theo đó mà viết. Một cựu quân nhân tánh tình

xấu xa ở Vô Tích, từng làm thân binh cho Viên Tổng Thống[176] (Viên

[176] Viên Thế Khải (1859-1916), tự là Úy Đình, hiệu Dung Am, người Hạng Thành, tỉnh Hà Nam, là một tay quân phiệt thời đầu Dân Quốc. Do không đỗ đạt, năm 22 tuổi y bèn xung quân phục vụ dưới trướng của Ngô Trường Khánh. Năm 1882, khi Triều Tiên gặp nội loạn, cầu viện triều đình nhà Thanh giúp đỡ. Viên Thế Khải theo Ngô Trường Khánh tấn công Triều Tiên, dẹp tan nội loạn, đưa Triều Tiên vào vòng lệ thuộc Trung Quốc. Họ Viên được cử giữ chức vụ Triều Tiên Tổng Đốc, đặc trách huấn luyện quân đội Triều Tiên, kiêm trông coi nội vụ nước này. Khi đảng Khai Hóa của Triều Tiên đứng lên lật đổ hoàng gia Triều Tiên với sự trợ giúp của quân Nhật, Viên Thế Khải đã dẹp tan cuộc nội loạn này, khiến Triều Tiên càng bị lệ thuộc chặt hơn vào nhà Thanh. Tuy vậy, năm 1894, quân kháng chiến Triều Tiên vùng lên lần nữa, quân Thanh đại bại, Viên Thế Khải phải bỏ Triều Tiên tháo chạy về Thiên Tân, nhưng tài cầm quân của ông ta đã được Đại Học Sĩ Lý Hồng Chương biết đến, nên họ Viên được rút về phục vụ dưới trướng họ Lý. Trong cuộc Mậu Tuất Chánh Biến (1898), phe Duy Tân mưu toan lật đổ Từ Hy thái hậu, lãnh tụ Đàm Tự Đồng đã nhờ Viên Thế Khải bao vây tiêu diệt Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phỉ). Họ Viên liền mật báo cho tay chân thân cận của Từ Hy là Vĩnh Lộc biết trước. Kết quả phe Duy Tân của vua Quang Tự thất bại thê thảm, vua bị giam lỏng, họ Viên được thăng chức, lần lượt leo lên các chức vụ cao hơn. Khi Lý Hồng Chương mất vào năm 1901, họ Viên được Thanh Triều cử làm Tổng Đốc tỉnh Trực Lệ, trở thành thủ lãnh cả vùng biên giới phía Bắc rồi được thăng lên thành Quân Cơ Đại Thần. Khi Phổ Nghi lên kế vị Quang Tự, Thuần Thân Vương (Tải Phong) nhiếp chánh, do Viên Thế Khải và Thuần Thân Vương đã có mâu thuẫn từ trước nên Viên Thế Khải bị Thuần Thân Vương chèn ép, phải cáo bệnh rút về Hà Nam chờ thời. Khi cách mạng Tân Hợi (1911) nổ ra, Thanh Triều tuyên bố giải tán Nội Các, cử Viên Thế Khải làm Nội Các Tổng Lý Đại Thần, thống lãnh quân đội chống cự lại các thế lực cách mạng ở phương Nam. Họ Viên vừa dùng vũ lực đàn áp quân cách mạng, vừa ngầm đàm phán với lực lượng cách mạng. Ngày mồng Một tháng Giêng năm 1912, Dân Quốc thành lập, Viên Thế Khải vừa thuyết phục vừa ép hoàng đế nhà Thanh thoái vị vào ngày 12 tháng Hai năm ấy. Ngày 15 tháng Hai, nhân thấy thế lực của Viên Thế Khải quá mạnh, chánh quyền Dân Quốc ở Nam Kinh đã phải cử Viên Thế Khải làm Lâm Thời Đại Tổng Thống, nhưng sửa đổi chánh thể từ Tổng Thống Chế thành Nội Các Chế để giảm bớt quyền lực của họ Viên. Năm 1913, khi tổng tuyển cử lần thứ nhất được tiến hành, Quốc Dân Đảng đắc cử đa số nên Lý Sự Trưởng của đảng là Tống Giáo Nhân được cử làm Nội Các Tổng Lý (Thủ Tướng). Tuy vậy, ông ta bị đâm chết ngày 20 tháng Ba năm ấy tại Thượng Hải, họ Viên phủ nhận trách nhiệm. Tôn Văn tổ chức Trung Hoa Cách Mạng Đảng, toan dùng vũ lực đánh gục họ Viên nhưng thất bại. Tháng Mười năm ấy, Quốc Hội lại phải suy cử họ Viên làm Tổng Thống chánh thức. Họ Viên ra lệnh giải tán Quốc Dân Đảng vào tháng Mười Một, phế trừ Ước Pháp Lâm Thời của chánh quyền Dân Quốc, sửa đổi nhiệm kỳ Tổng Thống thành vô hạn định. Với tham vọng nắm trọn quyền, họ Viên cho bọn tay chân như Dương Độ tổ chức Trù An Hội, dùng thế lực, tiền bạc mua chuộc ép buộc các nghị viên tán thành chế độ quân chủ lập hiến, tôn Viên Thế Khải làm vua. Năm 1916, dưới danh nghĩa tiếp nhận thư thỉnh cầu của quốc dân, họ Viên xưng đế, đổi năm ấy thành Hồng Hiến nguyên niên, đổi Tổng Thống Phủ thành Tân Hoa Cung, trọng dụng kẻ tâm phúc như Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy v.v… vào những chức vụ trọng yếu. Tuy vậy, các tỉnh liên tiếp nổi lên tuyên bố độc lập, các tướng lãnh quân phiệt thừa cơ cát cứ, chống lại chánh quyền họ Viên. Thế cô lực kiệt, họ Viên phải tuyên bố giải tán đế chế, khai trừ đế hiệu vào ngày 22 tháng Ba năm 1916, tức là chỉ xưng đế được vỏn vẹn 83 ngày. Họ Viên muốn tiếp tục làm Tổng Thống Dân Quốc cũng không được, đành ôm hận chết vì bệnh tiểu đường vào ngày mồng Sáu tháng Sáu năm ấy.

Thế Khải) nên tập quen thành tánh xấu, ăn nhậu, cờ bạc, chơi bời đủ cả, nghiện thuốc phiện rất nặng. Đến khi đói rách, mắt đã không thấy đường, tuổi đã năm mươi bảy hay năm mươi tám. Người anh [ông ta] chết đi, Tần Hiệu Lỗ đến phúng điếu, trông thấy tình huống khổ sở ấy, bèn cực lực khuyên răn. Ngay hôm ấy, ông ta bèn chừa sạch thuốc phiện, rượu, thịt, hằng ngày thường niệm Phật, mắt liền sáng hơn, nghiễm nhiên thành một vị thiện nhân đề xướng niệm Phật. [Trước kia] người làng chẳng dám qua lại [với ông ta]. Sau này, bệnh sốt rét bùng phát, ông ta trị cho từng người một đều được lành bệnh. Từ đấy, người làng đều nghe theo. Trong tháng Tư, từng dẫn mười mấy người đến quy y, nghiễm nhiên là một vị cư sĩ tu hành đã lâu! Người này họ Hoa, tên Quán Thiên, đã sáu mươi bốn tuổi. Như người này có thể gọi là "dũng mãnh sửa ác hướng lành".

Nay gởi cho bà một gói tro hương để tiện sử dụng cho mình lẫn người khi cần. Lại gởi cho bà năm cuốn Học Sinh Tu Dưỡng Đức Mục (những điều để học sinh tu dưỡng đức hạnh) để dùng dạy trẻ nhỏ, hai cuốn Tang Tế Tu Tri (những điều cần biết về tang ma, cúng giỗ) bởi lẽ cậu, cô của bà, mẹ của Hà Đức Mục và Từ lão thái đều già rồi, có được quyển sách này cũng có thể dùng để tùy duyên chỉ dạy, đừng để họ thuận theo tập tục trong đời mà gây thêm tội lỗi cho cha mẹ, người thân, bạn bè. Hiện tại, người ta vứt bỏ cổ lễ, trong đám tang lại dùng rượu thịt, diễn tuồng, đúng là chẳng ra sự thể gì! Nghe nói thương nhân X… trong lúc làm lễ Đại Liệm[177] cho mẹ, người con cả và khách đến viếng uống rượu ăn thịt, đấu quyền làm trò vui, cái tâm đã chết mất rồi! Nếu còn có chút thiên lương, quyết chẳng thể như thế! Thật có thể nói là "thực hành chuyện biến con người thành cầm thú!" Thỏ chết cáo buồn, đâm ra những kẻ ấy chẳng bằng dị loại vậy!

431. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ chín)

[177] Đại Liệm (còn gọi là Nhập Liệm, Nhập Quan, Nhập Mộc, Lạc Tài) là lễ đặt thân thể người đã chết vào quan tài, sau khi đã bó vải cẩn thận. Theo cổ lễ của Trung Hoa, sau khi đã bọc và quấn kín người chết trong vải liệm nhưng chừa mặt ra, dùng giấy hay vải đậy mặt người chết, người con trưởng phải nâng đầu người chết, ngoài ra còn phải có bốn đến sáu người, nâng xác chết lên, đưa chân đi trước, đầu đi sau. Trước tiên hạ xác chết người hết xuống sát đất với hy vọng nhờ âm khí người chết sẽ sống lại. Lúc đặt vào quan tài, phải đặt một miếng ván có đục hình sao Bắc Đẩu để yểm xuống dưới đáy hòm (có thể kèm theo một số bùa chú khác), rồi mới theo quy cách giống như trên, đưa chân vào hòm trước, đầu vào sau. Khi đặt xong, dùng vải đỏ phủ kín từ đầu đến chân, tấm vải ấy phải do người con gái đã gả chồng phủ lên. Khi đã đóng chặt nắp hòm, phát tang rồi mới đồng loạt "cử ai" (cất tiếng gào khóc).

Nhận được thư hôm Rằm, biết bệnh của Từ lão thái đã đỡ rất nhiều. Phàm người lâm chung thần thức hôn loạn; nếu uống nước Đại Bi hoặc nước pha từ tro hương [Đại Bi], hay nước nấu từ gạo Đại Bi, thần thức đều có thể sáng suốt. Nếu lại có người trợ niệm thì chắc chắn sẽ niệm Phật qua đời. Một hai năm qua, đã có ba người được như thế. Hôm Mười Bảy tôi đã gởi cho bà một bao tro hương, kể cả bao bì và toa thuốc nặng bốn lạng, chia làm tám bức thư gởi đi, chắc đã nhận được rồi.

Chuyện niệm Phật, ước về mặt được lợi ích ngay trong đời này thì cần phải chí thành khẩn thiết thường niệm. Nếu [chỉ để] gieo thiện căn, dẫu đùa bỡn niệm một câu cũng nhất định sẽ trong đời sau nhờ vào thiện căn ấy phát khởi mà tu trì. Vì thế, cổ nhân dựng nhiều tháp miếu to lớn là vì muốn cho hết thảy mọi người trông thấy đều gieo thiện căn. Một câu Phật hiệu này đã gieo vào trong tám thức điền sẽ vĩnh cửu chẳng diệt. Lúc đức Phật tại thế, một cụ già muốn xuất gia đầu Phật, năm trăm vị thánh chúng quán sát, thấy từ tám vạn kiếp đến nay, ông cụ trọn chẳng có một mảy may thiện căn nào, bèn cự tuyệt chẳng thâu nhận. Ông cụ liền gào khóc ở phía ngoài Kỳ Viên, Phật cho gọi vào, thuyết pháp cho ông cụ, cụ liền chứng đạo quả. Năm trăm vị thánh chúng đều chẳng hiểu được nguyên nhân, hỏi Phật, Phật dạy: *"Người này trong vô lượng kiếp trước, do bị hổ đuổi phải trèo lên cây, niệm một câu Nam Mô Phật, gặp ta bèn đắc đạo. Đạo nhãn của hàng Thanh Văn các ông chẳng thể thấy được!"*

Do vậy biết rằng: Chịu niệm Phật cố nhiên là tốt. Nếu [người ta] không chịu niệm, hãy bảo người ấy: "Chịu nghe niệm Phật hiệu cũng gieo được thiện căn, nghe lâu ngày cũng có công đức lớn lao". Gần đây, ở Vô Tích người niệm Phật rất đông; có một người biết nấu món chay. Hễ mở Phật thất đều gọi người ấy đến nấu. Người ấy hằng ngày nghe tiếng niệm Phật; về sau đứa con ông ta sắp chết, liền nói: "Con sắp chết, nhưng chẳng thể đến được chỗ tốt lành. Cha hãy cho con Phật của cha, con sẽ đến được chỗ tốt lành". Người cha nói: "Cha chẳng niệm Phật, làm sao có Phật được?" Đứa con nói: "Phật của cha nhiều lắm. Chỉ cần cha nói một tiếng, con sẽ chết an lành". Người cha nói: "Vậy thì tùy con, muốn bao nhiêu cứ lấy bấy nhiêu". Đứa con liền chết. Ông ta tự nhủ: "Mình chẳng hề niệm Phật, sao lại có Phật?" Người hiểu biết bảo: "Lúc ông nấu cỗ chay ở trong căn nhà gần chỗ niệm Phật, hằng ngày thường nghe mọi người niệm Phật. Cho nên cũng có công đức lớn". Đấy là kẻ vô tâm nghe; chứ nếu lưu tâm nghe thì công đức càng lớn hơn! Niệm

kinh thì không có câu văn được lập lại, chẳng thể [nghe] từng câu rõ ràng, minh bạch được. Dẫu lưu tâm lắng nghe cũng khó thể nghe cho rõ ràng, huống là kẻ vô tâm ư? Đủ biết công đức niệm Phật thù thắng!

432. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười)

Hôm qua, lúc tôi sắp đem thư gởi cho bưu điện, thầy Đương Gia Linh Nham đến nói: "Nhờ Trương cư sĩ vẽ mấy bức hình mười hai vị Tổ trong Liên Tông, chẳng biết bà ta có thời gian, sức lực để làm được hay chăng?" Nếu bà tâm tình phân vân, chẳng thể cất bút thì cũng không sao. Nếu vẫn có thể vận dụng ngòi bút khéo léo như trước đây, xin hãy vẽ trước một bức, gởi tới [Linh Nham] bằng thư bảo đảm rồi mới châm chước quy tắc. Bức thứ hai thứ ba sẽ vẽ giống như vậy, dùng loại giấy Tuyên[178] rộng bốn thước, phía trên viết bài thơ ca tụng theo Cổ Thể Thất Ngôn Bát Cú. Trước hết, đề tên Tổ Sư, kế đến ghi niên đại, ghi trong một tờ giấy khác, gắn lên đầu bức tranh. Tên bài tụng, tên họa sĩ đều viết phía dưới bức chân dung, ngõ hầu chẳng đến nỗi mắc lỗi "tên của phàm phu được đặt phía trên tượng Tổ Sư". Về giấy, xin cư sĩ hãy mua giùm, để khỏi bị nhăn gãy khi gởi tới. Mười hai vị Tổ, chính là những vị thường được cõi đời gọi là Liên Tông Cửu Tổ (chín vị tổ của Liên Tông), phía dưới vị Tổ thứ tám là Liên Trì đại sư, thêm ngài Ngẫu Ích vào thành vị Tổ thứ chín, nên ngài Triệt Lưu thành Tổ thứ mười. Do vậy, ngài Tư Tề [Thật] Hiền từ vị Tổ thứ chín trở thành vị Tổ thứ mười một, tiếp đó lại thêm Triệt Ngộ thiền sư thành vị Tổ thứ mười hai.

Phía sau ảnh tượng của Phật, của Tổ, phụ thêm tượng chín vị tổ. Chỉ có các ngài Ngẫu Ích và Triệt Lưu không có tượng (nay đều đã có), ngài Triệt Ngộ thì ở Hồng Loa có hình chụp. Trộm nghĩ hình tượng thời cổ đều từ ý tưởng của người đời sau vẽ ra. Theo đúng lý, chư Tổ không để râu, chỉ có ngài Thiện Đạo là râu dài, tóc dài, sợ rằng cũng là do tưởng tượng, chưa thấy có chỗ nào đề cập đến chuyện Ngài để râu dài tóc dài.

---

[178] Tuyên chỉ (giấy Tuyên) là một loại giấy nổi tiếng chuyên dùng trong hội họa cổ của Trung Quốc. Đây là một sản phẩm đặc thù của huyện Kính tỉnh An Huy, có những tính chất rất quý như không giòn gẫy khi để lâu ngày, giữ được màu sắc không phai, và không dễ bị hoen ố bởi thời tiết. Đến thời Tống, các xứ Huy Châu, Trì Châu, Tuyên Châu v.v… đều chế được loại giấy này. Do trong thời ấy, những vùng này đều thuộc về Tuyên Châu Phủ nên loại giấy này được gọi chung là Tuyên Chỉ (giấy Tuyên). Giấy Tuyên được chế bằng vỏ cây Thanh Đàn, pha lẫn với bột của một loại cỏ có tên là Thủy Đạo. Từ đời Tống - Nguyên trở đi, bột giấy còn được pha thêm các loại bột gỗ dó, dâu, tre, hay đay để tạo thành các loại giấy Tuyên khác nhau nhằm tạo hiệu quả sống động cao nhất cho tranh vẽ.

Cũng có tượng vẽ Ngài râu ngắn củn. Chỉ có ngài Triệt Ngộ râu vừa thanh tú vừa dài. Nếu luận theo giới cấm của Phật thì có lẽ chẳng để râu mới nên, nhưng luận theo phương diện thế gian thì cũng chẳng trở ngại gì. Chỉ có ngài Thiện Đạo để râu dài tóc dài là đáng nghi. Chuyện này hãy để từ từ, đợi sau này quyết định. Xin hãy sáng suốt suy xét rồi trả lời như thế nào *(Tháng Giêng năm Kỷ Mão - 1939)*

433. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười một)

Nay gởi cho bà một bức tượng bán thân của Sơ Tổ, một bức tượng ngồi toàn thân của thiền sư Triệt Ngộ. [Tượng của] mười hai vị Tổ đều lấy tượng của ngài Triệt Ngộ làm chuẩn, nhưng chỉ y theo dáng ngồi mà thôi, bất tất đều phải vẽ đắp y. Cái vòng treo y của ngài Triệt Ngộ quá thấp, cần phải vẽ cao lên hai ba phân mới nên. Đối với những thứ trang nghiêm được vẽ thêm bên cạnh tượng chẳng cần phải vẽ quá nhiều, càng đơn giản càng hay, đều vẽ sao cho nhất trí. Nếu tượng này được vẽ ra, chắc sẽ được chụp ra để truyền bá. Không nhất định phải viết bài Tán của Quang vào tranh, do chư Tổ đều có một bài tụng theo lối Thất Ngôn Bát Cú đề vào phần giấy ở phía trên tượng như cách thường làm trong cõi đời. Xin hãy tận hết tâm lực vẽ trước hai bức tượng này gởi tới [Linh Nham] để [chúng tôi] xem thử rồi mới lại quyết định, cân nhắc. Nếu bà chịu vẽ hết mười hai bức thì cũng hay lắm, nhưng không cần gấp. Dẫu phải mất mấy tháng cũng không sao cả. Nếu chẳng thể vẽ hết, thì vẽ hai ba bức cũng được; [chúng tôi] sẽ đem cách thức bà đã vẽ để cầu người biết vẽ vẽ tiếp *(ngày Hai Mươi Sáu tháng Giêng năm Kỷ Mão - 1939)*

434. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ nhất)

Chúng ta từ bao kiếp đến nay cố nhiên đã có lúc gieo thiện căn, nhưng chưa gặp được pháp môn cậy vào Phật lực để liễu thoát ngay trong một đời, cho nên vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, chẳng thể tự thoát được. Ông thuở bé theo mẹ tin Phật, ấy là thiên tánh. Về sau, lậm nặng chất độc của Âu - Hàn, đấy chính là tập thói xấu ác. Còn những cảnh được thấy trong giấc mộng thì cũng là do thiện căn từ đời trước mà ra, nhưng mê đã quá sâu, cho nên trong nhất thời chẳng thể lập tức quay đầu lại được. Sự quan hệ này hết sức nguy hiểm! Nếu chẳng tự chấn chỉnh, sẽ mê muội dài lâu, sợ rằng ngay cả danh hiệu Phật cũng không cách gì nghe được! Nay đã biết rồi, hãy nên nỗ lực!

Hơn nữa, pháp môn Tịnh Độ khác với các pháp môn khác. Các thứ pháp môn khác đều cậy vào tự lực, chỉ có pháp môn này hoàn toàn cậy vào Phật lực. Phương Nam, Tông môn khá nhiều, chớ nên xen nhập Tông môn, mong được cái danh đẹp đẽ là "Thiền - Tịnh song tu". Nói chung, Tông môn lấy việc khán câu *"người niệm Phật là ai"* để được khai ngộ, tuyệt chẳng nói đến "tín nguyện cầu sanh". Đừng nói chưa ngộ, dẫu khán đến mức thấy được diện mục vốn có của người niệm Phật thì chỉ được kể là Ngộ, còn cách liễu sanh tử rất xa! Nếu chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận, tình không", chắc chắn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được!

Thêm nữa, chẳng chú trọng tín nguyện, cầu sanh Tây Phương là trái nghịch với Phật, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử được! Vì thế, người niệm Phật hễ xen kèm hơi hướng Tông môn thì chỗ được lợi ích ít ỏi mà chỗ mất lợi ích lại nhiều. Giáo lại càng khó đắc lực hơn nữa! Mật Tông ăn nói quá lớn lối, nguy hiểm cùng cực[179]. Ông hãy nên chuyên chú một môn tín nguyện niệm Phật, kèm thêm là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy người, chắc chắn sẽ được vãng sanh. Phàm suy nghĩ, động niệm, cư xử đều phải lấy chân thật chẳng dối làm chánh, ngõ hầu chẳng luống uổng cuộc đời này, chẳng phí dịp gặp gỡ này! Hãy đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ. Quang già rồi, không có sức để thù tiếp, xin đừng thường gởi thư đến *(Ngày Hai Mươi tháng Sáu năm Dân Quốc 20 - 1931)*

435. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ hai)

Đang trong thời thế này chỉ nên giữ bổn phận, mặc kệ những kẻ mất trí điên cuồng làm gì thì làm, trọn chẳng tranh luận hoặc bắt bẻ bọn chúng. Bởi lẽ, người hiểu lý thì ít, kẻ hồ đồ thì nhiều. Nếu có tranh biện xảy ra, do bọn ma thế mạnh, sẽ đâm ra càng làm tăng thế lực của chúng. Đối với người biết tốt - xấu, hãy gắng khuyên họ đừng theo bọn chúng.

---

[179] Xin chú ý ở đây Tổ không có ý đả kích Mật Tông mà chỉ quở trách những kẻ không học hiểu giáo nghĩa Mật Tông đến nơi đến chốn, được truyền thụ vài ấn quyết, đọc một số kinh sách Mật Tông rồi ngạo nghễ coi thường các tông khác, cũng như không hiểu rõ ý nghĩa "hiện thân thành Phật", tự xưng là đã đắc đạo, tự xưng là Thượng Sư, thâu nhận đồ chúng tràn lan, cũng như chuyên chú trọng thần thông, không hiểu mục tiêu cuối cùng của mọi pháp môn trong Phật giáo là hướng tới mục đích liễu sanh thoát tử, tấn tu cho đến khi thành Phật Quả.

Nếu là kẻ chẳng biết tà - chánh thì chỉ đành bỏ mặc. Ví như con chó ăn phân cho là thơm ngon. Nếu bảo là hôi thối, ngăn trở nó đừng ăn, ắt nó sẽ ôm lòng giận dữ, cho là muốn đoạt món ăn ngon lành của nó! Chẳng những vô ích mà còn có thể chuốc lấy họa lớn!

Pháp của ngoại đạo bí mật chẳng truyền. Muốn nói ra sợ bẩn miệng tôi, muốn viết ra sợ bẩn tay tôi. Chỉ nên dùng lòng chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để xoay chuyển pháp của bọn chúng. Dẫu chẳng thể chuyển được, há để bị bọn chúng xoay chuyển ta ư? Sở dĩ ngoại đạo được truyền khắp cả thế giới là do dùng hai thứ [biện pháp] bí mật và thốt lời thề độc! Nếu bỏ hai cách ấy đi, ắt sẽ băng tan, ngói vỡ liền! Quang vốn muốn nói sơ lược, nhưng sợ kẻ đố kỵ giáng họa, nên chỉ nói tóm tắt mà thôi! Lũ ma rất đông đảo, không tìm được cách nào [ngăn chặn]. Nay gởi cho ông bài tựa về Cư Sĩ Lâm ở Triều Dương, xin hãy chép lại treo trong Lâm để những ai hiểu văn lý xem đến ắt sẽ sanh lòng chánh tín rồi hộ trì. Quang già rồi, sáng chẳng bảo đảm được tối, từ nay đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, bởi tôi không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp vậy.

436. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết chuyện Thái Vũ Thanh quy y. [Ông nói] đã gởi thư đến trong hạ tuần tháng trước, nhưng tôi chưa từng nhận được thư ấy. Xét cảnh ngộ của ông Thái, đáng gọi là "khổ sở đến cùng cực". Nhưng khổ - vui, họa - phước, vốn chẳng nhất định; người khéo dụng tâm có thể biến khổ thành vui, biến họa thành phước. Kẻ chẳng khéo dụng tâm, phần nhiều do vui mà bị khổ, do phước mà mắc họa! Vũ Thanh đã biết tướng thế gian vô thường, gấp muốn quy y Tam Bảo để tu trì Tịnh nghiệp, để cầu nương vào Phật từ lực hòng liễu sanh thoát tử. Đây có thể nói là: "Cảnh khổ là cơ hội quý báu để thành tựu đại thiện căn liễu thoát sanh tử cho ông ta". Nếu không, con cháu đầy nhà, gia đình hòa thuận, chỉ biết những sự sung sướng trước mắt, ai tính đến chuyện sau khi chết sẽ đi về đâu!

Ông ta đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Tông Tịnh, nghĩa là chuyên chú trọng nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nhưng cần phải cởi gỡ những điều canh cánh trong lòng, đừng nên thường ngậm ngùi "tuổi già xộc đến mà con chết, cháu mất", càng thêm sanh lòng oán trời hận người, chỉ nên tự oán, tự phản tỉnh: "Chính mình đời trước ít vun bồi thiện căn đến nỗi đời này bị kết quả ấy!" Lại

hãy nên thường sanh lòng hoan hỷ: "Nếu chẳng vì bọn họ chết mất, ta quyết khó thể phát tâm xuất thế. Tâm này chẳng phát, dẫu cho chết đi vẫn được tái sanh trong loài người, quyết khó thể vĩnh viễn chẳng tạo ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, sẽ đọa trong tam ác đạo, chịu các sự khổ lâu dài cả kiếp trong súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Nay do cái chết của bọn họ khiến cho ta phát tâm xuất thế, đúng là trời dùng cái chết của bọn chúng để hoàn thành tốt đẹp thiện quả xuất thế cho ta. Ấy chính là thiện căn đời trước của ta phát hiện".

Hãy giữ yên bổn phận, chẳng sanh oán hờn, cùng với người con dâu góa bụa, cháu gái đều tu Tịnh nghiệp để mong cùng sanh Tây Phương. Nếu làm được như vậy thì chẳng những chính mình, dâu, cháu được sanh về Tây Phương mà người vợ đã khuất, hai đứa con, hai đứa cháu, một đứa dâu đều sẽ nhờ vào pháp ích ấy mà cũng được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Chớ nên mang tri kiến ngu si vô tri, thường ôm lòng sầu lo, than thở, đến nỗi tuy niệm Phật mà tâm đâm ra bị chướng ngại, đến nỗi chẳng tương ứng với Phật, làm hỏng đại sự của chính mình!

Nay gởi thêm cho ông ta hai tờ Một Lá Thư Trả Lời Khắp, xin hãy nương theo đó để tự hành, lại dùng những điều ấy để giáo hóa người khác, ắt người ta sẽ biết mình tri thức cao minh, tu trì tinh tấn, sẽ vui vẻ thuận theo, công đức ấy lớn lắm. Tất cả phương pháp tu trì sợ ông ta chưa hiểu rõ, nay gởi cho ông ta một cuốn Gia Ngôn Lục, xin hãy lắng lòng đọc kỹ thì sự mầu nhiệm thù thắng nơi cõi Tây Phương, pháp tắc tu hành, trợ niệm khi lâm chung, giáo dục trong gia đình sẽ đều biết rõ phương hướng vậy! Cháu gái còn thơ ấu, hãy nên nghiêm túc răn dạy, vun bồi tư cách hiền huệ lương thiện cho nó, ngõ hầu nó sẽ trở thành bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới trong mai sau. Ấy chính là rạng mày nở mặt, cao trỗi hơn chuyện con cháu làm quan to, giàu có lớn rất nhiều. Vì sao vậy? Do hiền nữ ắt sẽ có thể là hiền thê, hiền mẫu của người khác, khiến cho cả chồng lẫn con cháu đều thành hiền nhân. Xin hãy đưa những điều này cho ông ta coi để ông ta làm theo đó thì may mắn thay!

437. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết trong một năm nay, ông đã du lịch mấy vạn dặm, khai thông tri kiến và tu trì Tịnh nghiệp, chiết phục ngã mạn; so với trước kia, tâm gấp cầu sanh Tây Phương càng chân thật thiết tha gấp trăm lần. Nỗi khổ trong Sa Bà chẳng thể chịu đựng được một buổi, hãy

nên toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật và khuyên quyến thuộc nhất tâm niệm Phật. Sự nghiệp trước kia là giấc mộng, nay chẳng nên làm nữa, hãy chuyên thực hiện giấc mộng vãng sanh Tây Phương. Đến khi giấc mộng ấy đã thành, lại nương vào Phật từ, trở lại Sa Bà, phổ độ oán thân đều cùng sanh Tịnh Độ, ngõ hầu chẳng phụ cuộc đời này và dịp gặp gỡ này.

Nếu chẳng buông xuống được thì sau này chỉ có ác mộng, quyết chẳng có hảo mộng. Loại ác mộng ấy còn chẳng muốn nghe, huống là mộng thấy ư? Nếu vẫn muốn mộng thấy thì chính là gã điên! May mắn là quyến thuộc bình yên, hãy nên suất lãnh mọi người cùng thực hiện giấc mộng vãng sanh Tây Phương để mong được cùng với các vị thượng thiện nhân cùng hội ngộ nơi liên trì! *(Ngày Mười Hai tháng Bảy năm Dân Quốc 28 - 1939)*

438. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ hai)

Năm ngoái nhận được thư ông, ông ngờ Quang không gởi thư. Biết ông học nghiệp tăng tấn lớn lao, thấy được chỗ người khác chưa thể thấy, vì thế chẳng muốn trả lời. Còn như hòa thượng X… nói Quang đã chết, đấy là lời thật đó, bởi nhân cách đã mất, chỉ là sống trộm. Nay lại nghĩ đến, chẳng nói gì khác. Niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, so với những kẻ sanh lên trời Đâu Suất, khó - dễ, an ổn - nguy hiểm sẽ khác biệt gấp trăm ngàn vạn ức lần sự cách biệt vời vợi giữa trời và vực! Ông tên là Mộ Nho, Quang tuy theo đạo Thích vẫn còn có khí phận của Nho, chỉ hai câu nói ấy đã chính là lời mổ tim vẩy máu rồi! Những điều khác đều chẳng nói tới nữa! *(Ngày Hai Mươi Ba tháng Tám năm Dân Quốc 29 - 1940)*

439. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Minh

Từ quý ấp có ông Tống và Trụ Trì chùa Cụ Giác là sư Nguyên Tràng đến núi thăm viếng, cho biết cư sĩ gảy đàn[180] trong ấp ấy, gió nhân dịu mát, cả vùng ca tụng. Quang nghe vậy khôn ngăn hoan hỷ, an ủi. Người học Phật đều phải nên dùng tâm Bồ Tát để làm chuyện thánh hiền.

---

[180] Đây là một cách nói dựa theo điển tích *"minh cầm nhi trị"* (gảy đàn cai trị). Điển tích này xuất phát từ bộ Lã Thị Xuân Thu, phần Sát Hiền: *"Mật Tử tiện trị Đơn Phụ, đản minh cầm, thân bất hạ đường, nhi Đơn Phụ trị"* (Mật Tử bị đày về trông xứ Đơn Phụ, chỉ đánh đàn, chẳng phải ra công đường xét án mà Đơn Phụ được bình trị). Do vậy, đời sau thường dùng từ ngữ *"minh cầm nhi trị"* để chỉ người có đức độ, dùng lễ nhạc, đạo nghĩa cảm hóa dân. Về sau, từ ngữ này trở thành một lối nói khách sáo nhằm ca ngợi một ông quan có tài cai trị.

Huống chi ông thân làm Ấp Trưởng, làm cha mẹ của dân ư? Cư sĩ đã có thể dùng tâm Bồ Đề để cai trị bằng lòng nhân, thật đáng gọi là đệ tử chân thật của đức Phật, may mắn chi hơn? Sư Nguyên Tràng nói: "Xây cửa chùa mới, tính thỉnh cư sĩ đề một tấm biển ngạch hòng rạng rỡ pháp đạo, tăng lòng tín ngưỡng cho người khác", cậy Quang báo cho ông biết, chắc là ông chẳng đến nỗi tiếc công múa bút vậy. Do vậy bèn kèm theo thư, trình lên ông kích thước vừa vặn nhất để khắc lên bia đá. Trên tấm biển ngạch, hoặc đề *"Bất Nhị pháp môn"* hoặc *"đồng đăng giác lộ"* (cùng lên đường giác), hoặc *"nhất siêu trực nhập"*, hoặc *"tam giải thoát môn"* *(ngày mồng Một tháng Chín).*

440. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ nhất)

[Nhận được] thư ông từ núi chuyển đến, do tôi phải sắp đặt in bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ nên hằng ngày chẳng rảnh rỗi, tất cả thư từ đều nhất loạt chẳng thể trả lời được. Các hạ đã sanh lòng tin sâu xa nơi Phật pháp và pháp môn Tịnh Độ, lẽ ra phải nên bái bậc cao minh làm thầy; còn kẻ tầm thường, hèn kém như Quang chẳng được mấy ai coi trọng, nếu thờ làm thầy sẽ thành ra bị khuất lấp, nhục nhã vậy! Tuy nhiên, đã là hữu duyên, chẳng ngại gì đãi nhau bằng tình đạo. Nay đem những sách như Văn Sao… gởi tới, để làm căn cứ "tự hành, dạy người" trong mai sau.

Lệnh lang Ấu Điển muốn tiêu diệt tai chướng, tăng trưởng phước huệ, hãy nên hằng ngày lễ bái trì niệm thánh hiệu Quán Âm, đấy chính là *"tự cầu nhiều phước, phải sửa đức mình"*, há nên bắt chước lệ cũ của kẻ ngu tục, đem đãy đeo vào tay [của tượng] Bồ Tát để cầu Ngài ngầm che chở ư? Hãy đối trước Bồ Tát bẩm rõ rồi đem cái đãy ấy đốt đi để sau này khỏi phải vứt bỏ.

Nếu vợ chồng các hạ và lệnh lang thường niệm Quán Âm thì tâm buộc nơi đức Quán Âm. Tâm buộc nơi đức Quán Âm sẽ tự được đức Quán Âm che chở, gia hộ, do tâm Bồ Tát và tâm chúng sanh tương thông trong từng hơi thở. Chỉ vì chúng sanh mê trái, tự hình thành chướng ngại, nên chẳng được che chở, gia hộ. Lỗi nơi chính mình, nào phải Bồ Tát có lòng thiên vị, riêng tư! Quang sẽ diệt tung tích, ẩn dật lâu dài, tất cả những vật chẳng khẩn yếu đã gác bỏ hết. Ông nói đến ảnh chụp của ông, sợ bạn bè ở Phổ Đà biết ý này nên giữ lại cũng không biết chừng! Sau này đừng đến Phổ Đà nữa, cũng chẳng thể nói rõ Quang sẽ ẩn dật tung tích ở chỗ nào để khỏi phải bị phiền nhiễu thù tiếp thư từ.

Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do thợ in chẳng cẩn thận, khi giảo đối để làm Chỉ Bản lần thứ hai, do những chữ đã được xếp khuôn phải được lèn thật chặt, hễ có chữ nào chênh vênh, hoặc trồi lên, họ đều thuận tay cắm bừa lại, đến nỗi sai ngoa quá nhiều. Mười mấy ngày sau nữa sẽ có bản đính chánh được in ra, ông sẽ biết chi tiết! Phổ Môn Phẩm Đồ Chứng đáng để làm phương tiện khơi gợi lòng ngưỡng cầu đức Quán Âm. Văn Sao, Gia Ngôn Lục, văn tuy chất phác, vụng về, nhưng [qua những sách ấy] những điều trọng yếu để giữ thân xử thế, trị gia, trị quốc, tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo đều có thể biết rõ. Nếu có thể thực hành thì tốt lành chi hơn? Nếu chẳng thực hành, chỉ muốn bàn nói điều huyền lẽ diệu cho trơn mồm bóng miệng thì lợi ích đạt được cũng chỉ là ăn nói lưu loát mà thôi! *(Mồng Tám tháng Chạp)*

441. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết Từ tâm khá sâu; vì thế chẳng tiếc nhiều tiền, hễ thấy [con vật sắp bị giết] liền mua để thả, tôi cảm kích, bội phục cùng cực. Nếu nói niệm Đa Bảo Như Lai hoặc Thất Như Lai[181], hoặc Vãng Sanh Chú, hoặc Chuẩn Đề Chú, hoặc Đại Bi Chú thì đều được, há nên tụng chú do người đời soạn ra? Quang chẳng cho như vậy là đúng lắm! Các hạ đã hiểu sâu xa Phật lý, sao vẫn nghĩ những chú văn [do người đời soạn ra] ấy là hữu ích, còn những chú do đức Phật nói đâm ra chẳng có ích gì? Đấy cũng là tập khí trong đời trước tin đạo chẳng chuyên dốc mà ra. Khi tập khí hãy còn mà chính mình chẳng biết, [chẳng hạn] như tập khí của thói quan liêu, chỉ những ai không có thói ấy mới biết! Tự mình có thói tập khí ấy dẫu người khác có nói thì chính mình vẫn chẳng nhận biết những điều đã được chỉ ra.

Người học đạo cần phải trừ tập khí. Tập khí ngạo mạn quả thật là chướng ngại cho sự nhập đạo. Các hạ hãy xét kỹ, quan sát lời nói, hành vi chắc sẽ biết được! Hễ biết thì còn có được lợi ích thù thắng. Lời lẽ này không ai chịu nói, Quang một mực lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, chẳng nề hà kiêng kỵ, muốn cho các hạ thật sự được lợi ích chân

---

[181] Đây là danh hiệu của bảy đức Như Lai thường được xướng tụng trong khi thí thực hoặc cúng dường. Danh hiệu của bảy vị này xuất phát từ Diệm Khẩu Du Già Đà La Ni Kinh, gồm: Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Thế Gian Quảng Đại Oai Đức Tự Tại Quang Minh Như Lai và A Di Đà Như Lai. Nhưng theo nghi thức phổ biến hiện thời, danh hiệu của bảy vị Như Lai là Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Cam Lộ Vương Như Lai và A Di Đà Như Lai.

thật cho nên lược thuật nguyên do.

442. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết ông hằng ngày tụng niệm tinh ròng, siêng năng, tôi mừng rỡ, an ủi không chi bằng. Ông nói đến bóng đen thì đấy chẳng phải là ảnh của Phật, Bồ Tát, cũng chẳng phải là hình ảnh của oán thân đối đầu hiện ra. Do Phật, Bồ Tát đã hiện thì ắt phải có diện mục v.v… rõ ràng có thể thấy được, còn oán thân sẽ hiện ra tướng đáng sợ. Hình ảnh ấy chính là những cô hồn có duyên với ông trong đời trước, mong được nhờ vào sức niệm Phật tụng kinh để được siêu sanh vào đường lành. Sau khi hồi hướng cho họ trong khóa tụng, ông lại chuyên hồi hướng cho họ, khiến họ tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì sẽ hữu ích cho họ, ngõ hầu chẳng phụ một phen khổ tâm hiện bóng ấy.

Hơn nữa, phàm là người tu hành tâm phải có chủ ý, thấy cảnh giới tốt chẳng sanh hoan hỷ, thấy cảnh giới chẳng tốt đẹp không sanh lòng kinh sợ. Làm được như thế thì những cảnh giới đã thấy đều trở thành duyên trợ đạo. Nếu không, chúng đều trở thành duyên chướng đạo. Thêm nữa, phàm là người tu hành, hãy nên lấy chí thành, cung kính làm gốc, giữ lòng từ bi khiêm tốn. Tâm giữ được, thân hành được, tuy chẳng thể hoàn toàn tương ứng với Phật, nhưng phải nỗ lực cố gắng để mong chẳng trái tâm Phật, hạnh Phật, sẽ đáng gọi là người tu hành chân thật, là đệ tử thật sự của đức Phật vậy! *(Ngày Mười Chín tháng Bảy năm Mậu Thìn - 1928)*

443. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ nhất)

Pháp danh của cha con và em gái (Chí Tiên), vợ chồng ông Trương, mẹ con ông Phạm được viết trong một tờ giấy khác. U Minh Giới[182] sẽ

[182] U Minh Giới: Truyền giới Bồ Tát cho người đã mất. Hòa thượng Tuyên Hóa giảng về ý nghĩa U Minh Giới như sau: *"U Minh Giới chính là giới được thọ trì bởi hết thảy cô hồn, vong linh. Phàm ai mong vì người đã khuất cầu cho người ấy được thọ U Minh Giới, phải dốc lòng kiền thành, thay mặt cho người ấy cầu giới thì mới được Phật, Bồ Tát, thánh hiền giáng lâm pháp hội, chứng minh thọ giới. Người thay mặt người đã khuất cầu giới phải phát tâm rộng lớn, nguyện cho hết thảy chúng sanh trong cõi U Minh được hưởng lợi ích nơi Phật pháp, thoát lìa mọi nỗi khổ trong chốn U Minh, sanh về đường lành. Lại phải quán tưởng dung mạo của người đã khuất, phát lòng tin thiết tha thay cho người ấy đảnh lễ Tam Bảo. Có như vậy thì mới cảm được người đã khuất phát lòng chí thành, cầu thọ trì mười giới Đại Thừa Bồ Tát"*.

truyền vào lúc bảy giờ tối hôm Rằm. Con muốn hoằng dương Tịnh Độ để báo ơn cha mẹ, sao chỉ ăn chay ba năm? Chẳng biết sát kiếp trong mấy năm gần đây đều là do sát sanh ăn thịt dấy lên. Con muốn giảng pháp môn Tịnh Độ cho hết thảy mọi người mà chính mình vẫn chưa thôi ăn thịt thì người ta cũng bắt chước ăn thịt theo!

Quang già rồi, sáng chiều sẽ chết, từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y bởi không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Nay gởi cho con một tờ Một Bức Thư Trả Lời Khắp, dùng đó để tự lợi, lợi tha thì sẽ là đệ tử chân thật của đức Phật. Chẳng cần phải gởi bù tiền hương kính, nơi đây chẳng theo lệ mua hàng hóa ở ngoài chợ búa! Từ nay về sau hễ gởi thư tới nữa, quyết chẳng phúc đáp! *(Ngày Mười Một tháng Chín)*

444. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ hai)

Thư con gởi đến đã mấy ngày, do bận bịu chẳng rảnh rỗi để lo đến. Hôm trước mới đem phiếu thỉnh sách giao cho Hoằng Hóa Xã, chắc họ đã gởi đến rồi. Con đã mười tám tuổi, sao chẳng sốt sắng học chữ? Thêm nữa, cách xưng hô trong khi viết thư đều chẳng hợp lẽ cho lắm. Con người sống trong thế gian, hễ siêng năng ắt có thành tựu. Nếu lười nhác thì một chuyện cũng chẳng thành! Đừng nói là "kẻ tài năng chẳng hơn ai, vẫn còn có gia nghiệp để trông cậy!" Cần biết rằng: Càng phú quý, càng phải siêng học! Con em nhà phú quý phần nhiều bại hoại ít có kẻ thành chánh khí đều vì ỷ vào gia nghiệp! Rốt cuộc cái để ỷ vào lại chẳng đủ để ỷ y, tài đức của chính mình mới là cái có thể nương dựa được thì lại chẳng thành tựu gì! Đến nỗi cái có thể trông cậy lại chẳng đủ để trông mong được, mà tài đức của chính mình lại chẳng có gì, chẳng trở thành hạng làm thuê nghèo hèn, há có được chăng?

Con đã phát tâm quy y Phật pháp, ắt phải làm người tốt trước đã. Giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp, nhất cử nhất động dẫu ở trong nhà tối vẫn chẳng buông lung, chăm chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền người thiện trong thế gian. Làm được như thế thì mới đáng là đệ tử đức Phật! Đối với những kinh sách đã thỉnh, phải đặc biệt cung kính. Hiện thời hãy nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, đừng bắt chước thói [đọc sách lướt qua như] cưỡi ngựa xem đèn thì sẽ được lợi ích. Văn Sao, Gia Ngôn Lục chính là khai thị. Từ nay trở đi đừng nên gởi thư tới nữa,

do Quang tuổi già mắt quáng, chẳng thể thù tiếp được. Sách gởi lần này là do ta tặng. Sau này muốn thỉnh nữa, hãy chiếu theo bảng giá [của Hoằng Hóa Xã] mà thỉnh. Nếu cứ theo lệ [tặng sách] này, ta chẳng có tài lực ấy đâu! *(Ngày Mười Tám tháng Mười)*

445. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ nhất)

Con người quý ở chỗ tự biết, chớ nên nói năng lớn lối quá phận bừa bãi. Đọc những lời bàn luận nghi ngờ của ông, thấy rõ [ông cho rằng] dịch kinh trọn chẳng phải là việc khó khăn, chỉ cần biết tiếng ngoại quốc là có thể trở thành một dịch giả giỏi rồi! Nếu [chỉ là một] dịch giả [thông thường, thiếu căn bản Phật học vững chắc], bảo người ấy dịch kinh thì anh ta vẫn giống như kẻ không hiểu tiếng ngoại quốc! Ông cần phải dựa theo Phạn bản, Phạn bản chẳng phải là bất di bất dịch, cần phải có con mắt trí huệ để phân biệt văn nghĩa trong Phạn bản là đích xác, hoặc là do truyền thừa lâu đời bị sai ngoa thì mới có thể dịch kinh được![183] Do một người không thể làm được, nên trong một đạo tràng dịch kinh có nhiều vị thông gia (người hiểu biết sâu rộng). Có vị dịch kinh văn, có vị chứng nghĩa. Những vị tham dự dịch trường đều chẳng phải toàn là những người không thông hiểu Phật pháp.

Ông hoàn toàn tưởng rằng [dịch kinh] giống như dịch lời nói của người ngoại quốc, [như vậy] thì giống hệt như kẻ đọc sách chỉ nhận biết mặt chữ, chứ trọn chẳng hiểu ý nghĩa những lời văn sâu xa, uyên áo của thánh nhân ra sao! Chớ nên thốt lời xằng bậy ấy nữa! Cứ nói thì sẽ khiến cho kẻ chẳng hiểu biết gì bèn lầm lẫn bội phục ông, chứ khó khỏi bị người có chánh kiến đau tiếc sâu xa! Quang một mực chẳng vì muốn làm sướng tai khoái mắt kẻ khác mà gây lầm lẫn cho người ta. Nếu chẳng coi lời Quang là sai thì hãy giữ phận tu trì. Nếu không, đường ai nấy đi, chẳng sao cả! Mai kia đi đường gặp nhau sẽ vòng tay chào rồi đi, chẳng cần phải hỏi ông là ai, tôi là ai nữa!

---

[183] Cũng xin nói thêm: Để dịch kinh, tối thiểu người dịch phải thông hiểu những thuật ngữ trong Phật pháp mới không hiểu sai. Theo một bài viết đăng trên nguyệt báo Lắng Nghe của trường Gia Giáo chùa Viên Giác, ngay cả những vị mang tiếng là học giả Hán - Nôm nhưng không chú tâm nghiên cứu Phật giáo vẫn mắc phải những sai lầm ấu trĩ, khó thể chấp nhận khi dịch những văn bản Phật giáo từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Chẳng hạn, họ không biết Nê Hoàn là cách phiên âm khác của chữ Niết Bàn, Điều Đạt là cách gọi rút gọn tên Đề Bà Đạt Đa, không biết Thiện Thệ là một trong mười hiệu của đức Phật nên dịch thành "khéo đi" v.v…

446. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ hai)

Một kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch. Bản dịch đầu tiên là do ngài Chi Lâu Ca Sấm[184] người xứ Nhục Chi dịch vào đời Hậu Hán, gồm ba quyển, văn từ rườm rà, với tựa đề là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Bản dịch kế tiếp do ngài Chi Khiêm[185] người xứ Nhục Chi dịch vào đời Ngô gồm hai quyển, với tựa đề Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Do trong kinh nhật tụng cũng có bản kinh tên Phật Thuyết A Di Đà Kinh, nên phía ngoài thêm vào một chữ Đại để phân biệt.

Lại vào đời Triệu Tống[186] có cư sĩ Vương Long Thư sao lục những chỗ trọng yếu trong bốn bộ, tức hai bản dịch đầu tiên (tức bản của ngài Chi Lâu Ca Sấm và Chi Khiêm dịch) và bản dịch thứ ba (tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải) cũng như bản dịch thứ năm vào đời Triệu Tống (tức bản dịch của ngài Pháp Hiền) [thành một bản hội tập] đặt tên là Đại A Di Đà Kinh. Thuở ấy, bản này được lưu truyền mạnh mẽ, sau vì Liên Trì đại sư chỉ ra khuyết điểm "[khi hội tập, ông Vương] chẳng y theo kinh văn [của các bản dịch]"[187] nên từ đấy không có ai thọ trì nữa. Trong Đại Tạng có bản kinh này. Các chỗ lưu thông đều chẳng lưu

---

[184] Chi Lâu Ca Sấm (Lokasema) sanh năm 147, không rõ năm mất, đôi khi còn được gọi tắt là Chi Sấm, người xứ Đại Nhục Chi (Kusana), tới kinh đô Lạc Dương vào thời Hán Hoàn Đế. Ngài dịch được các bộ kinh Đạo Hành Bát Nhã, Ban Châu Tam Muội, A Xà Thế Vương Kinh, Tạp Thí Dụ Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh và hơn hai mươi hội thuộc kinh Bảo Tích. Ngài là vị dịch kinh Bát Nhã sớm nhất tại Trung Hoa, gây nên hứng thú nghiên cứu kinh Bát Nhã suốt thời Ngụy - Tấn. Sơ Tổ Huệ Viễn của tông Tịnh Độ đã căn cứ vào kinh Ban Châu Tam Muội mà lập ra pháp Ban Châu Niệm Phật, lập Liên Xã, và khởi xướng truyền thống niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

[185] Chi Khiêm, cũng là người xứ Đại Nhục Chi, sống vào cuối thế kỷ thứ ba. Ngài vốn là một vị cư sĩ tên Cung Minh theo mọi người trong bộ tộc di cư sang Đông, sống tại Hà Nam. Ngài thông hiểu ngôn ngữ của sáu nước Thiên Trúc, theo học với một đệ tử ngài Chi Lâu Ca Sấm là Chi Lượng, do thông hiểu các kinh điển nên được người đời tặng mỹ hiệu Trí Nang (cái túi trí huệ). Về sau, do tỵ loạn, Ngài dời sang sống tại Đông Ngô, được Ngô Vương Tôn Quyền rất tôn trọng, phong chức quan Bác Sĩ để dạy Thái Tử Tôn Lượng học. Suốt thời gian 31 năm từ 222 đến 253 năm, Ngài dốc sức dịch các bộ Duy Ma Cật Kinh, Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi Kinh, Đại Minh Độ Kinh v.v… tổng cộng hơn 129 bộ kinh. Ngoài ra, Ngài còn soạn Tán Bồ Tát Liên Cú, Phạm Bái Tam Khế, chú giải Liễu Bản Sanh Tử Kinh. Khi Thái Tử lên ngôi, Ngài ẩn cư tại núi Khung Ải, thọ giới với ngài Trúc Pháp Lan, trở thành Tăng sĩ, lắng lòng tu niệm, viên tịch năm sáu mươi tuổi.

[186] Triệu Tống là nhà Tống (927-1279) được sáng lập bởi Triệu Khuông Dẫn, gọi như vậy để phân biệt với nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dụ sáng lập.

[187] Xin xem thêm chi tiết về lời phê của tổ Liên Trì trong cuốn Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ.

thông. Có người bảo [kinh Vô Lượng Thọ, ngoài năm bản dịch] còn có một loại nữa, tức là bản kinh [hội tập] này vậy.

Bản dịch thứ ba chính là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ kinh, gồm hai quyển, hiện thời ai nấy đều thọ trì bản kinh này, tức là bản do ngài Khang *(tên nước)* Tăng Khải[188] dịch vào đời Tào Ngụy[189]. Bản thứ tư chính là hội thứ mười bảy của kinh Đại Bảo Tích, tức Vô Lượng Thọ Như Lai Hội. Bản kinh này ông Vương Long Thư chưa từng thấy, do

---

[188] Khang Tăng Khải (Samghavarman), còn được phiên là Tăng Già Bạt Ma, sống vào thời Tam Quốc, người xứ Khang Cư (Sogdian), đến Lạc Dương vào năm Gia Bình thứ tư (252) nhà Tào Ngụy (nhằm đời vua Tào Phương, tức Ngụy Phế Đế), trụ tại chùa Bạch Mã, dịch các bộ Úc Già Trưởng Giả Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Tứ Phần Tạp Yết Ma v.v… Ngoài ra, trong Vạn Tục Tạng còn có một bản kinh khác cũng đề tên Ngài dịch là Vô Lượng Thọ Phật Danh Hiệu Lợi Ích Đại Sự Nhân Duyên Kinh.

[189] Ngoại trừ nước Ngụy thời Xuân Thu Chiến Quốc ra, trong lịch sử Trung Hoa có rất nhiều vương triều lấy quốc hiệu là Ngụy như:

1) Tào Ngụy (222-260) là nước Ngụy đời Tam Quốc do Tào Phi, con trai Tào Tháo, sáng lập. Tuy Tào Phi xưng đế, nhưng chỉ là người thừa hưởng thành quả từ những thủ đoạn mưu bá đồ vương của Tào Tháo nên Tào Tháo mới là người sáng lập triều đại Tào Ngụy thật sự. Khi lên ngôi, Tào Phi đã truy phong thụy hiệu cho Tào Tháo là Ngụy Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

2) Nhiễm Ngụy (350-352) do Nhiễm Mẫn (con nuôi của Thạch Hổ nhà Hậu Triệu) thừa dịp các con của Thạch Hổ tranh giành ngôi báu đã soán đoạt chánh quyền nhà Hậu Triệu, xưng đế, đổi tên nước thành Ngụy, nhưng chỉ hai năm sau lại bị nhà Tiền Yên diệt quốc.

3) Địch Ngụy (330-392) do Địch Liêu thuộc tộc người Đinh Linh chiếm cứ phía nam tỉnh Hà Nam sáng lập. Do lãnh thổ bị vây hãm giữa các nước Đông Tấn, Hậu Yên, Tây Yên nên suốt đời Địch Liêu phải luôn giao tranh. Cuối cùng phải bỏ kinh đô Hoạt Đài vượt sông trốn về Bắc, nhưng rốt cuộc vẫn bị Mộ Dung Thùy nhà Hậu Yên diệt quốc vào năm 392.

4) Bắc Ngụy (386-534), còn gọi là Hậu Ngụy hoặc Thác Bạt Ngụy, hoặc Nguyên Ngụy, do Thác Bạt Khuê thuộc sắc tộc Tiên Ty sáng lập. Năm 493, Thác Bạt Hoằng dời đô từ Bình Thành sang Lạc Dương, đổi họ thành Nguyên, nên sử thường gọi triều đại này là Nguyên Ngụy.

5) Tây Ngụy (535-557): Sau khi Hiếu Vũ Đế nhà Bắc Ngụy bị Cao Hoan đánh bại phải chạy vào Quan Trung nương nhờ Vũ Văn Thái. Vũ Văn Thái bèn lập mưu giết chết Hiếu Vũ Đế, đưa cháu nội của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Bảo Cự lên ngôi, đóng đô tại Trường An. Nhưng đến năm 557, Vũ Văn Giác (con trai Vũ Văn Thái) bức vua Cung Đế nhà Tây Ngụy thoái vị, tự mình xưng đế, lập ra nhà Bắc Châu.

6) Đông Ngụy (534-550): Khi Cao Hoan đánh bại Bắc Ngụy Hiếu Vũ Đế, vua phải chạy vào Quan Trung nhờ cậy thế lực của Vũ Văn Thái, Cao Hoan bèn lập đứa chắt mới mười một tuổi của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Thiện Kiến lên ngôi, lấy hiệu là Ngụy Hiếu Tịnh Đế, rồi tự mình làm Phụ Chánh Đại Thần, đóng đô tại Nghiệp Thành, nhằm đối kháng với nhà Tây Ngụy. Do Cao Hoan chỉ rắp tâm soán đoạt nên nước Đông Ngụy yếu thế hơn Tây Ngụy, nhiều lần bị Tây Ngụy đánh bại. Rốt cuộc, Cao Tường (con trai thứ của Cao Hoan) soán ngôi, lập ra nhà Bắc Tề (Sử thường gọi là nhà Cao Tề).

ngài Bồ Đề Lưu Chí[190] dịch. Trước đó, vào thời Nguyên Ngụy có ngài Bồ Đề Lưu Chi[191], không phải người đời Đường; người đời thường viết sai tên [ngài Lưu Chí] thành Lưu Chi.

Bản dịch thứ năm tên là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, do ngài Pháp Hiền[192] dịch vào đời Triệu Tống. Nguyên bản gồm hai quyển, do người đời Tống lấy số lượng kinh dịch được

---

[190] Bồ Đề Lưu Chí (Bodhiruci 562-727), dịch nghĩa là Giác Ái, vốn có tên là Đàm Ma Lưu Chi (Dharmaruci) người Nam Thiên Trúc, xuất thân từ dòng Bà La Môn, thiên tư thông duệ, xuất gia năm 12 tuổi, theo học với ngoại đạo Bà La Xà La, thông hiểu Thanh Minh, Số Luận, lịch số, địa lý, thiên văn, chú thuật, y phương v.v… Mãi tới năm sáu mươi tuổi mới ngộ được chỗ cao sâu của Phật pháp bèn ẩn cư trong rừng núi tu hạnh Đầu Đà. Sau đó, theo học Tam Tạng với ngài Da Xá Cù Sa, chưa đầy năm năm đã thông đạt tất cả, danh tiếng còn trỗi hơn thầy. Vua Đường Cao Tông nghe tiếng, sai sứ sang thỉnh. Năm Trường Thọ thứ hai (693), Sư chống tích trượng đến Trường An, được Vũ Tắc Thiên cực kỳ tôn trọng, thỉnh Sư trụ tích tại chùa Phật Thọ Ký, đồng thời dâng mỹ hiệu Bồ Đề Lưu Chí. Chỉ trong năm ấy, Sư đã dịch được mười một bộ kinh như Phật Cảnh Giới, Vũ Bảo v.v… Tới năm Thần Long thứ hai (706) Sư dịch thêm được các bộ Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh, Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương Kinh. Công trình lớn nhất của Sư là dịch bộ Bảo Tích kinh ròng rã tám năm, dịch hai mươi sáu hội mới, tu chỉnh hai mươi ba hội của các vị dịch kinh đời trước, tạo thành bộ kinh Đại Tích gồm 49 hội, tổng cộng 120 quyển. Dịch xong, Sư chuyên tu Thiền Quán. Tới năm Khai Nguyên thứ 15 (727), Sư tuyệt thực nhưng thần sắc vẫn tươi đẹp như cũ. Tới ngày mồng Năm tháng Mười Một năm ấy bèn thị tịch, thọ 166 tuổi. Vua thương tiếc, truy tặng quan chức Hồng Lô Đại Khanh, thụy hiệu Khai Nguyên Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng. Điểm lại, Sư đã dịch tổng cộng 53 bộ kinh, là vị dịch giả nổi tiếng ngang ngửa với ngài Huyền Trang.

[191] Bồ Đề Lưu Chi, dịch nghĩa là Đạo Hy, người xứ Bắc Ấn Độ, cao tăng học giả thuộc học phái Du Già (Duy Thức), là đệ tử thuộc đời thứ tư của ngài Thiên Thân Bồ Tát. Ngài cũng rất tinh thông Mật Giáo, đến Lạc Dương vào năm Vĩnh Bình nguyên niên (508) nhà Nguyên Ngụy, được Ngụy Tuyên Vũ Đế rất trọng vọng. Cùng với các vị cao tăng học giả thời ấy như Lặc Na Ma Đề (Bảo Ý), Phật Đà Phiến Đa (Giác Định) v.v… cùng dịch kinh điển. Các bộ luận nổi tiếng được các Ngài dịch gồm Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, Bảo Tích Kinh Luận, Pháp Hoa Kinh Luận, Thập Địa Kinh Luận. Khi nhà Nguyên Ngụy bị tách thành Đông Ngụy và Tây Ngụy, dời đô về Nghiệp Thành, Ngài ở lại Lạc Dương, đơn độc dịch kinh đến năm Thiên Bình thứ hai (535) mới thôi, không rõ mất năm nào. Căn cứ theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục, Ngài dịch được ba mươi bộ kinh, quan trọng nhất là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh, Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn Kinh, Thâm Mật Giải Thoát Kinh, Nhập Lăng Già Kinh, Đại Tát Độ Ni Càn Tử Sở Thuyết Kinh, Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh Luận, Văn Thù Vấn Bồ Đề Kinh Luận, Vô Lượng Thọ Kinh Luận, Bách Tự Luận, Duy Thức Luận...

[192] Pháp Hiền (không rõ năm sanh, mất năm 1001), là danh tăng xuất thân từ học viện Na Lan Đà ở Thiên Trúc. Thoạt đầu Sư có tên là Pháp Thiên, đến Trung Quốc vào năm Khai Bảo thứ sáu (973). Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980), nhận lời thỉnh của sư Pháp Tấn chùa Khai Nguyên cùng dịch kinh. Năm sau được ban tặng mỹ hiệu Truyền Giáo Đại Sư. Khi mất Sư được ban thụy hiệu là Huyền Giác đại sư. Sư dịch được 120 bộ kinh, những bộ nổi tiếng nhất là Thánh Vô Lượng Thọ Kinh Thất Phật Tán, Vô Lượng Quyết Định Quang Minh Vương Kinh, Cát Tường Trì Thế Kinh v.v…

nhiều làm điều vinh dự nên chia thành hai quyển. Ở chỗ trọn chẳng nên chia ra lại chia, [do vậy] bản khắc hiện thời chỉ gồm một quyển. Trong những bản dịch ấy, Vô Lượng Thọ Như Lai Hội văn lẫn lý đều hay, nhưng phần kinh văn khuyên đời ở cuối kinh lại chẳng sao lục. Vì thế, người đời đều lấy bản Vô Lượng Thọ Kinh của ngài Khang Tăng Khải làm chuẩn vậy.

447. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ ba)

Trong kinh Vô Lượng Thọ, có ba bậc (tam bối), Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có chín phẩm. Ba phẩm Hạ đều là kẻ tạo ác nghiệp, lâm chung gặp thiện tri thức khai thị niệm Phật liền được vãng sanh. Vương Long Thư chấp chết cứng "ba bậc chính là chín phẩm". Đấy chính là lầm lẫn căn bản cho nên coi bậc Hạ [trong kinh Vô Lượng Thọ] chính là ba phẩm Hạ [trong Quán Kinh], sai lầm quá đỗi!

Do vậy [trong bản hội tập Đại A Di Đà Kinh của ông Vương Long Thư] bậc Thượng chẳng nói có phát Bồ Đề tâm, bậc Trung có phát Bồ Đề tâm, bậc Hạ thì nói "chẳng phát Bồ Đề tâm". [Thật ra, theo bản Ngụy dịch], ba bậc trong kinh Vô Lượng Thọ đều có phát Bồ Đề tâm. Ý Vương cư sĩ cho rằng bậc Hạ tội nghiệp sâu nặng, làm sao có thể phát Bồ Đề tâm cho được? Ông ta chẳng nghĩ [trong phần kinh văn giảng về] bậc Hạ [của kinh Vô Lượng Thọ] trọn chẳng có một chữ nào nói họ tạo nghiệp, họ vẫn là thiện nhân, nên [bậc Hạ trong kinh Vô Lượng Thọ] chỉ có thể thuộc vào ba phẩm Trung trong chín phẩm [của Quán kinh]. [Ông Vương] ương ngạnh gán ghép bậc Hạ [của kinh Vô Lượng Thọ] vào ba phẩm Hạ [của Quán Kinh], nghịch kinh, trái lý, rốt cuộc trở thành tùy tiện sửa kinh, mắc lỗi lớn lắm!

Ý ông ta cho rằng "Phật nhất định thâu nhiếp trọn hết thảy chúng sanh", nhưng không biết Phật chỉ [có thể] thâu nhiếp người lành, chứ không thể thâu nhiếp kẻ ác[193]. Ông ta đã coi người lành là kẻ ác, cho nên mới nói "chẳng phát Bồ Đề tâm"; chấp chết cứng bậc Hạ là ba phẩm Hạ, nên tưởng người lành là kẻ ác! Chẳng biết ba phẩm Hạ trong chín phẩm lúc lâm chung khổ sở cùng cực, vừa nghe được danh hiệu Phật liền quy mạng gieo lòng Thành, tâm cầu Phật rủ lòng Từ cứu vớt, dũng mãnh cảm kích, so với cái tâm lúc sắp bị hành hình mong được tha còn sâu

[193] Không phải là đức Phật thiếu lòng Từ mà là Ngài không thể độ kẻ vô duyên. Kẻ ác nếu có thể cải hối, thống thiết phát nguyện cầu sanh vẫn được vãng sanh vì do tâm niệm ấy đã có duyên với Phật nên Phật độ được.

đậm hơn gấp ngàn vạn lần! Tuy [Quán Kinh] chưa nói là họ phát Bồ Đề tâm, nhưng tâm niệm ấy thiết tha, thành kính, quả thật đã đầy đủ Bồ Đề tâm!

Tiếc cho họ Vương chẳng dựa theo văn nghĩa của bản kinh gốc mà cứ dựa theo [cách hiểu] Quán Kinh [qua lăng kính thiên kiến, ức đoán của ông ta] để rồi ương ngạnh vu báng, miệt thị người hiền là kẻ ác, rốt cuộc phán đoán họ như kẻ ác! Họ Vương còn mắc phải khuyết điểm ấy, huống là người đời sau dối xưng là bậc thông gia ư? Đã có Vô Lượng Thọ Kinh rồi thì cần gì phải vô sự lại sanh sự. Họ Vương phạm lầm lẫn, Liên Trì đại sư đã chỉ ra, nhưng Ngài vẫn chưa nói vì sao lại như vậy. Nay tôi nói rõ nguyên do, ấy là vì [ông Vương] chấp chết cứng ba bậc chính là chín phẩm. Viết ra điều này để thấy hội tập khó khăn, nhằm ngăn ngừa người đời sau làm càn. Ngụy Mặc Thâm[194] lại càng chẳng đáng nói tới! Gan to, tâm thô, chẳng đáng để noi theo *(Ngày Hai Mươi tháng Tám năm Dân Quốc 29 - 1940)*

448. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ nhất)

Cha ông đã cho phép ông xuất gia, hãy nên phát tâm chí thành khẩn thiết, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong lục đạo không nghiệp nào chẳng tạo. Nếu không có tâm tu hành, sẽ đâm ra chẳng cảm thấy có những ác niệm cổ quái, hiếm lạ ấy. Nếu phát tâm tu hành [sẽ cảm thấy] những thứ ý niệm ấy càng nhiều hơn thêm *(Đây chính là do chân - vọng soi lẫn nhau mà hiển hiện, chứ không phải là trước kia không có, chỉ là do chúng chẳng hiện rõ mà thôi).* Lúc ấy, hãy nên tưởng A Di Đà Phật ở trước mặt ta,

---

[194] Ngụy Nguyên (1794-1857), còn có tên là Nguyên Đạt, tự là Mặc Thâm, hiệu Lương Đồ, đến già đổi tên là Thừa Quán, người làng Kim Đàm, huyện Thiệu Dương, đỗ thứ hai trong kỳ thi Hương vào năm Đạo Quang thứ hai (1822). Năm Đạo Quang thứ năm (1825), vâng lệnh Bố Chánh Sứ tỉnh Giang Tô biên tập bộ sách Hoàng Triều Kinh Thế Văn Biên gồm 120 quyển, rất được tán thưởng. Năm Đạo Quang thứ sáu (1826) lên kinh thi Hội, nhưng không đậu. Khi Lưu Phùng Lộc đọc quyển thi bị loại ra, đã than thở quốc gia bỏ mất tài năng. Năm sau lại đi thi Hội nữa, vẫn không đậu, Ngụy Nguyên bèn bỏ tiền mua chức quan Trung Thư Xá Nhân. Ông từng theo Lâm Tắc Từ làm công tác phiên dịch khi cuộc chiến Nha Phiến nổ ra. Về sau, do thấy các đại thần trong triều khiếp nhược, chủ bại, hôn ám, ông bèn từ quan về nhà, chuyên soạn sách, dạy học, chủ trương "dùng người ngoại quốc để chế ngự ngoại quốc, lợi dụng kỹ thuật Tây Dương, đem quyền lợi nhử các nước Tây Phương đánh lẫn nhau". Ông để lại rất nhiều trước tác; tuy vậy, những trước tác về Phật giáo của ông không được đánh giá cao vì ông nghiên cứu kinh điển theo kiểu một học giả nghiên cứu văn bản thay vì là một hành giả Phật giáo nên có rất nhiều ý kiến vũ đoán, cực đoan, chấp trước văn tự, tùy ý diễn dịch, phê phán theo thiên kiến và sự ức đoán của chính mình.

chẳng dám có một tạp niệm vọng tưởng, chí thành, khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật *(hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm)*, ắt phải sao cho từng câu từng chữ trong tâm niệm rõ ràng phân minh, miệng niệm rõ ràng phân minh, tai nghe rõ ràng phân minh. Thường niệm được như thế thì hết thảy tạp niệm tự nhiên tiêu diệt.

Khi tạp niệm khởi lên, hãy đặc biệt đề khởi toàn bộ tinh thần niệm Phật, chẳng để cho nó tác quái trong tâm ta. Nếu có thể thường niệm được như thế thì ý địa tự nhiên thanh tịnh; lúc tạp niệm vừa mới dấy sẽ giống như một người chống lại vạn người, tâm chẳng thể có chút [ý niệm] thong thả, dễ dãi nào. Nếu không, nó sẽ thành chủ của ta, ta sẽ bị nó hại. Nếu liều hết tánh mạng chống lại nó, nó sẽ bị ta xoay chuyển, đấy gọi là *"chuyển phiền não thành Bồ Đề"*. Hiện thời ông có thể thường đem vạn đức hồng danh của Như Lai để cực lực kháng cự thì lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tự thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh rồi, vẫn cứ niệm y như cũ chẳng buông lung, thì nghiệp chướng tiêu, trí huệ mở mang.

Chớ nên sanh lòng gấp rút, vọng động, bất luận ở tại nhà hay ở nơi am đều phải kính trên, hòa dưới, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những chuyện người khác chẳng thể làm, chịu nhọc nhằn thay cho người khác, thành tựu sự tốt đẹp cho người ta. Khi tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình, lúc chuyện gẫu chẳng bàn lỗi của kẻ khác, đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm, từ sáng tới tối, từ tối tới sáng, một câu Phật hiệu chẳng để gián đoạn, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm, trừ niệm Phật ra, chẳng khởi lên niệm nào khác.

Nếu lỡ vọng niệm dấy lên, hãy lập tức làm cho nó tiêu diệt. Thường sanh lòng hổ thẹn và sanh lòng sám hối. Dẫu có tu trì, luôn cảm thấy mình công phu rất cạn, chẳng tự khoe khoang, kiêu căng, chỉ bận tâm đến chuyện trong nhà của chính mình, chẳng dính tới chuyện nhà người khác, chỉ thấy những gương tốt, chẳng thấy những gương xấu. Thấy hết thảy mọi người đều là Bồ Tát, chỉ có mình ta quả thật là phàm phu. Nếu ông có thể làm theo những điều tôi đã nói, chắc chắn sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Thế giới Cực Lạc không có nữ nhân. Nữ nhân, súc sanh hễ sanh về thế giới ấy đều mang tướng đồng nam (trẻ trai), liên hoa hóa sanh. Vừa từ trong hoa sen ra đều giống hệt như người trong thế giới Cực Lạc, chứ không phải là trước hết bé nhỏ rồi sau đấy mới dần dần khôn lớn. Người trong thế giới ấy không có phiền não, không có vọng tưởng, không có chuyện tạo nghiệp. Do cậy vào Phật từ lực nên hết sức dễ sanh, nhưng

phải lấy niệm Phật làm nhân; đã vãng sanh rồi thấy Phật nghe pháp, nhất định viên thành Phật đạo. Mười phương thế giới chỉ có cõi này là thù thắng vượt trội nhất. Trong hết thảy pháp môn tu trì, chỉ có pháp này dễ tu nhất mà công đức lại lớn nhất. Ông đừng nghe lời người khác thì sẽ tự đạt được lợi ích tối thắng này!

449. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ hai)

Ngày hôm qua, thầy Đương Gia đưa thư của ông cho Quang. Quang đọc xong, biết tuy cường đạo đến cướp đồ vật mà ông chẳng bị mất vật nào, còn bà cụ ở phòng đối diện bị cướp mất một cái rương và các thứ quần áo. Đấy chính là chứng cớ rõ ràng Tam Bảo gia hộ [cho ông]. Chỉ nên gắng sức niệm Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, há nên lầm lạc sanh lòng sợ hãi, muốn dời đi chỗ khác! Ông xem có chỗ nào là nơi yên vui đâu? May mắn là chỗ ấy nghèo nàn nên vẫn còn chưa gặp họa lớn. Nếu ở nơi am giàu có, sợ sẽ càng nguy hiểm hơn!

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Quách Chấn Thanh, chủ tiệm giấy Hợp Phát ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, theo một người già trong nhà ông ta đến quy y, Quang bảo ông ta: "Hiện thời là tình thế hoạn nạn, hãy nên chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm, liền có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn mà được hên". Tháng Chạp năm sau, ông ta qua Thượng Hải. Chiến sự Thượng Hải nổ ra, chẳng thể trở về đất Tô được. Đến mùa Xuân năm Dân Quốc 21 (1932), chẳng thể không trở về, do đường xe lửa bị cắt đứt, liền ngồi tàu thủy nhỏ đi vòng theo ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Nhưng thuyền bè qua lại thường bị cường đạo cướp bóc; Chấn Thanh sợ bị cướp, trong tâm thầm niệm thánh hiệu Quán Âm. Không lâu sau cường đạo kéo đến, cả thuyền đều bị cướp sạch sành sanh. Chấn Thanh là một người mập mạp, mặc một cái áo da, nhưng giữa bao người, bọn cường đạo trọn chẳng thèm hỏi tới ông ta! Đủ biết niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát quyết định được Bồ Tát gia bị, chẳng đến nỗi gặp tai họa ngoài ý muốn.

Quang đọc qua thư ông, nay muốn phúc đáp, nhưng tìm khắp nơi không thấy [lá thư ấy]; do vậy nghĩ đấy là do Bồ Tát thị hiện cho ông một dấu hiệu để nhất tâm niệm Phật, niệm Bồ Tát hòng ngừa họa giữ thân. Nếu ông chí thành, cường đạo thấy ông mà như không thấy, hoặc thấy những đồ đạc của ông là thứ chúng chẳng cần, chẳng đến nỗi gây tổn thương cho ông. Hiện thời bất luận là ai, đều phải niệm A Di Đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm quả núi nương tựa. Chỉ nhất

tâm thường niệm, chẳng cần phải sợ hãi!

450. Thư trả lời cư sĩ Diệp Sính Thần

Phật nghĩ đến chúng sanh tha thiết hơn chúng sanh nghĩ tới Phật trăm ngàn vạn lần. Nếu ai chịu y theo lời Phật dạy, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn chẳng đến nỗi vẫn ở trong cõi Sa Bà, chứ nào phải chỉ có riêng mình Quang ư? Nói đến nghĩa "Tịch - Chiếu bất nhị, Chân - Tục viên dung" thì phần kinh văn tiếp theo đó đã hết sức giảng rành chỉ rõ, sao chẳng suy xét nhận hiểu để cầu liễu giải vậy? Nay trước hết tôi giảng rõ ý nghĩa của bốn chữ ấy, [ông hiểu rõ rồi] thì sẽ tự như thế chẻ tre, một điều đã hiểu rõ thì mọi điều đều rõ.

Trên đây là nói về cái đạo tâm ta sẵn có và pháp sẵn có trong tâm ta, vốn là Tịch - Chiếu không hai, Chân - Tục viên dung. Thế nào là Tịch? Chính là tâm thể bất sanh bất diệt của ta; hễ có sanh diệt thì chẳng gọi là Tịch. Thế nào là Chiếu? Chính là tâm tướng thường nhận biết rõ ràng của ta; chẳng thường nhận biết rõ ràng thì chẳng gọi là Chiếu. Thế nào Chân? Chính là tâm thể thường tịch, thường chiếu; vốn là chân không, vô tướng, một pháp chẳng lập. Thế nào là Tục? Tục có nghĩa là giả, tuy nói "một pháp chẳng lập", nhưng "vạn pháp lại đều có đủ", vạn đức phô bày trọn vẹn *(Vạn pháp vạn đức chính là sự tướng. Do là Sự nên gọi là Tục)*.

Tịch chính là Thể, Chiếu là tướng trạng và lực dụng của Thể. Ba thứ Thể - Tướng - Dụng này vốn là một pháp; có đủ ba nghĩa này nên gọi là "Tịch - Chiếu bất nhị". Chân chính là Lý Tánh, Tục chính là Sự Tu. Lý Tánh ấy sẵn đủ đạo Sự Tu. Do Sự Tu ấy mới hiển lộ được đức của Lý Tánh *(đấy gọi là "toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh")*. Vì thế nói là "Chân - Tục viên dung" vậy.

Tiếp đó, [kinh văn nói] *"ly niệm, ly tình; bất sanh, bất diệt"* nghĩa là *"thể tướng, sự lý Tịch - Chiếu, Chân - Tục ấy đều rời khỏi niệm, lìa khỏi tình, chẳng sanh, chẳng diệt"*. Xin hãy đọc kỹ thí dụ tiếp theo đó và mấy câu quyết đoán sẽ có thể hiểu rõ được tâm. Nếu vẫn không hiểu thì chính là đời trước thiếu tu tập, chỉ nên chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, đợi khi nghiệp chướng tiêu rồi, sẽ thấy rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa sáng, ắt sẽ có buổi nhìn vào mà bật cười.

Con chim Anh Vũ (két, vẹt) do gặp ngài A Nan giảng cho pháp Tứ Đế bèn sanh lòng hoan hỷ, cũng như công đức do lúc bình thường trông thấy Tăng bèn hoan hỷ, báo trước cho người nhà biết, nên được bảy lần

sanh lên Lục Dục Thiên[195], rồi mới sanh trong loài người, chứng A La Hán. Do vậy, biết liễu sanh tử khó khăn, chẳng thể tính toán được năm tháng của bảy lần sanh trong Lục Dục Thiên! *(Nhân gian năm mươi năm bằng một ngày đêm nơi trời Tứ Vương, cứ lên một tầng trời là tính gấp đôi lên, [chẳng hạn như] cõi trời Đao Lợi [một ngày đêm] bằng một trăm năm trong nhân gian, trời Dạ Ma bằng hai trăm năm, Đâu Suất bằng bốn trăm năm, Hóa Lạc tám trăm năm, Tha Hóa một ngàn sáu trăm năm, tuổi thọ cũng tăng gấp bội. Tứ Vương thọ năm trăm tuổi, Đao Lợi một ngàn tuổi, càng lên trên càng tăng gấp bội)*. Đấy là pháp Tiểu Thừa, mặc sức nhờ vào tự lực để liễu sanh tử.

Nếu sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì không có ai chẳng trong đời này liền được sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương thì sanh tử đã xong. Hãy nên phát tâm khẩn thiết! Pháp môn Niệm Phật này quả thật là đạo trọng yếu vô thượng đại từ bi của đức Phật nhằm phổ độ hết thảy chúng sanh khiến cho họ là những kẻ không có sức liễu sanh tử sẽ có thể mau liễu sanh tử ngay trong đời này.

Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bốn pháp này đều chân thật chẳng dối, vì thế gọi là Đế. Đế (諦) có nghĩa là chân thật. Lại có khi coi Lý là Đế, nên gọi là "lý chân thật chẳng dối". Khổ chỉ cho cái sắc thân mà chúng ta có và quốc độ để nương trụ, không gì chẳng phải là khổ! Tập là mọi thứ nhóm họp, nghĩa là do chẳng hiểu Chân Không, đối với các cảnh giới sanh khởi tham - sân - si. Diệt là diệt trừ phiền não, chứng đắc Lý Tánh bất sanh bất diệt. Đạo có nghĩa là thông suốt, ý nói tu đạo Giới - Định - Huệ liền có thể đoạn được tham - sân - si Tập (tham - sân - si nhóm họp), chứng được Lý Tánh bất sanh bất diệt để thoát khỏi thế giới khổ não này và thoát lìa cái thân khổ báo này. Bốn điều này đều là nêu "quả trước, nhân sau": Tập là nhân của Khổ, Khổ là quả của Tập; Đạo là nhân của Diệt, Diệt là quả của Đạo. Nói như vậy để biết Khổ mà đoạn Tập, hâm mộ Diệt mà tu Đạo.

Hòa thượng Chân Đạt muốn in sách Tây Phương Công Cứ, chính thầy ấy tự biên tập, không theo đúng nguyên văn cho lắm. Phàm những đoạn trong Văn Sao nói về Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện v.v… đều sao lục. Lại sai Quang giải thích đại lược ý nghĩa Tam Chuyển Tứ Đế

---

[195] Lục Dục Thiên, hiểu theo nghĩa rộng là sáu tầng trời trong cõi Dục từ Tứ Vương Thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên (tức Tứ Thiên Vương Thiên, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại). Hiểu theo nghĩa hẹp, Lục Dục Thiên chỉ là tầng trời Tha Hóa Tự Tại (Paranirmita-vaśa-vartin). Cõi trời này còn được dịch là Tha Hóa Tự Chuyển Thiên, Tha Hóa Lạc Thiên, Tha Ứng Thanh Thiên, Ba La Ni Mật Thiên, do Tự Tại Thiên Vương (Vaśavartti-devarāja) làm chúa tể. Trong Dục giới, cõi trời này tự tại khoái lạc nhất, do có thể thụ hưởng những sự khoái lạc do người khác biến hóa ra.

Pháp Luân, gần hai ngàn chữ. Lại có phần Lâm Chung Tam Đại Yếu (ba điều trọng yếu lúc lâm chung), cũng hơn hai ngàn chữ. Không lâu nữa sẽ cho sắp chữ, ấn hành, biếu tặng. Đợi lúc sách được in ra, đọc rồi sẽ hiểu rõ ràng. Hiện thời đang sắp chữ bộ Tăng Tu Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, Nam Kinh lại cho khắc ván, hễ sắp chữ thì có thể ra sách trong năm nay, chứ khắc ván thì phải đợi đến cuối năm sau; lại còn cho sắp chữ nguyên bản bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Những chuyện này tuy có người lo liệu, nhưng cũng chẳng thể không ghé mắt vào và bàn bạc với họ. Vì thế hết sức bận rộn *(Ngày mồng Hai tháng Mười).*

451. Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy

Nhận được thư, biết ông tập khí đời trước sâu dầy chẳng dễ tiêu diệt. Nhưng người học đạo phải lấy đối trị tập khí làm bước thứ nhất trong công phu tu hành. Nếu có thể trừ khử được một phần tập khí thì công phu mới thật sự đạt được một phần. Nếu không, chỉ có nhân, không có quả, khó được tương ứng với Phật! Ông đã biết [chính mình] tánh tình hung bạo, hãy nên luôn luôn nghĩ "ta chuyện gì cũng chẳng bằng người khác"; dẫu cho người ta phụ bạc ân đức của chính mình, vẫn thường nghĩ mình đã phụ bạc ân đức của người khác! Cảm thấy đối với hết thảy mọi người, ta đều đáng hổ thẹn, thiếu sót khôn cùng, thì tánh khí hung bạo sẽ không còn do đâu phát sanh được nữa! Phàm tánh khí hung bạo đều là do ngạo mạn mà dấy lên. Đã biết chính mình chỗ nào cũng có lỗi, tự nhiên tánh khí sẽ hòa hoãn, tâm bình lặng, chẳng tự ngã mạn, cao ngạo, lấn hiếp người khác!

Người học Phật hãy nên có con mắt chọn lựa pháp. Trong Phật pháp, pháp nào cũng hay, nhưng cần phải biết có tự lực và Phật lực khác nhau. Các tông Thiền, Giáo, Mật v.v… đều cần phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới liễu sanh tử được. Đoạn Hoặc chứng Chân há nói dễ dàng ư? Mật Tông tuy có nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân hiện tại), nhưng không phải ai cũng có thể làm như thế được! Huống chi Mật Tông thường dùng thần thông để thu hút, lay động người khác. Thầy đã dùng chuyện ấy để hấp dẫn người khác, đệ tử sẽ chẳng thể không dốc chí hâm mộ thần thông. Nếu cái tâm hâm mộ, hy vọng thần thông thật thiết tha, thật tột bực, sẽ rất nguy hiểm chẳng thể nào kể xiết! Xin đừng chú trọng thần thông thì may mắn lắm thay!

Lời lẽ trong Tông môn ý nằm ngoài lời. Vì thế, phải vứt sạch hết thảy để chuyên ròng tham cứu. Nếu chỉ đọc được mấy cuốn sách Thiền,

liền học đòi tung hứng những lời cơ phong, tội sẽ cực nặng. Ví như khẩu lệnh trong quân đội người ngoài doanh trại chẳng thể biết được. Nếu chỉ thuận theo mặt chữ mà giảng giải cơ phong, sẽ như kẻ ở ngoài doanh trại lầm lạc mưu toan đoán mò ý nghĩa của khẩu lệnh trong quân doanh rồi tự trà trộn vào, há chẳng nộp mạng ngay nơi ấy hay sao?

Ông hãy dựa theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao mà tu, cũng như khuyên thê thiếp, con cái hãy đều dựa theo đó để thực hiện sự giáo dục trong gia đình thì ông cùng với thê thiếp, con cái đều có thể dự vào bậc thánh hiền trong khi còn sống, lên cõi Cực Lạc sau khi khuất bóng. Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì nền tảng đã chẳng lập, dẫu có thể tu tập theo pháp môn Tịnh Độ như đã nói, rốt cuộc khó đạt được lợi ích thật sự, bởi lẽ tâm chẳng tương ứng với Phật nên chẳng thể đạt được lợi ích chân thật.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Hậu, chỉ có đức dày thì mới chẳng thấy "người sai, ta đúng; người hèn kém, ta cao trội; ta có thể lấn hiếp người, người chẳng lấn hiếp được ta". Như thế thì tánh hung bạo sẽ tự nhiên tiêu diệt không còn chi nữa! Lệnh thê pháp danh là Đức Ôn, Ôn (溫) là khoan dung, nhân hậu, nhu hòa. Có thể khoan dung, nhân hậu, nhu hòa thì sẽ giúp chồng, dạy con, cai quản kẻ dưới chẳng đến nỗi hà khắc, dữ dằn, bạo ngược, cũng như nuông chiều con mù quáng v.v… đủ mọi khuyết điểm! Lệnh thiếp pháp danh là Đức Cung, cẩn thận giúp đỡ, vâng thuận ý chồng và vợ cả thì gia đình êm ấm, hòa thuận, con cái bắt chước theo. Lại dùng lòng chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng có một tâm niệm lười nhác, đấy gọi là Đức Cung. Ý nghĩa của Đức Cung là như thế đấy.

Nay gởi cho ông bốn gói sách để làm hướng dẫn tốt lành cho tiền đồ. Còn chuyện có ảnh chụp của Quang hay không đều chẳng quan hệ gì. Quang già rồi, đã sống uổng sáu mươi chín năm, trong năm nay sẽ diệt tung tích, ẩn dật lâu dài. Từ rày chẳng cần phải gởi thư tới nữa, sợ sau khi Quang ẩn dật rồi, ông sẽ mất công vô ích. Hiện nay muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm mà chẳng đề xướng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng, sẽ trọn chẳng thể được! Xin hãy thường nói với mọi người về hai chuyện này. Giáo dục trong gia đình phải bắt đầu từ lúc con mới vừa hiểu biết; lại phải chú trọng dạy dỗ con gái, nếu con gái hiền thì sau này chồng và con cái cũng như con cháu của con cái sẽ đều là hiền thiện cả!

452. Thư trả lời cư sĩ Lưu Nguyên Nhân

Muốn cầu siêu cho cha mẹ được vãng sanh Tây Phương, hãy nên suất lãnh người nhà, thân thuộc cùng niệm Phật hiệu thì mới là chân thật tu trì. Quán Thế Âm Kinh, Tâm Kinh công đức chẳng thể nghĩ bàn, nhưng cần phải hồi hướng công đức ấy cho cha mẹ. Pháp môn Niệm Phật là pháp môn thường tu suốt đời, nhưng sao sau khi mẹ qua đời lại ngược ngạo chẳng chú trọng đến pháp tu này? Ông đã làm khách trọ tại thành Hàng Châu đã lâu, sao trọn chẳng biết có thể niệm Phật để cầu siêu cho cha mẹ vãng sanh Tây Phương vậy? Người biết Phật pháp chẳng nói đến kinh của Đạo giáo. Vì sao vậy? Do kinh của Đạo giáo là pháp để cầu phước báo nhân thiên, trọn chẳng phải là pháp liễu sanh thoát tử.

Còn như ông nói niệm kinh còn thiếu phương pháp thay đổi hơi thở [để giữ được nhịp] là vì ông vốn chẳng biết quy củ niệm kinh. Niệm kinh chính là cứ một mực mà niệm, trọn chẳng cần tới cách thay đổi hơi thở đặc biệt [để niệm], cứ thuận theo hơi thở ra vào, sao lại đến nỗi hụt hơi? Nhưng cậy người bình thường thiếu đạo tâm niệm kinh, dẫu cho kẻ ấy niệm từ đầu đến cuối hoàn toàn chẳng sót một chữ nào thì công đức vẫn rất hữu hạn, vẫn chẳng tốt bằng chính mình chí thành niệm Phật. Ngay như thỉnh Tăng [đến tụng niệm] vẫn là bày vẽ phô trương, niệm Phật vẫn tốt hơn.

Chương trình niệm Phật thì trước hết tụng một biến A Di Đà Kinh, rồi niệm ba biến chú Vãng Sanh, hoặc bảy biến, hay hai mươi mốt biến, tiếp đến niệm kệ tán Phật. Rồi niệm Phật, trước hết nhiễu niệm, kế đó ngồi niệm, rồi quỳ niệm danh hiệu ba vị Bồ Tát. Tiếp đấy, niệm bài văn phát nguyện, rồi niệm Tam Quy Y xong, lễ Phật ba lạy, lui ra. Đây là pháp tắc lễ niệm cho lần thứ nhất; lần kế tiếp chiếu theo đây cũng được; hoặc chẳng niệm kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, chỉ đốt hương lễ Phật xong liền niệm kệ tán Phật, sau đấy đều niệm giống như lần đầu. Nếu không biết, hãy nên hỏi cư sĩ Niệm Phật sẽ tự biết rõ. Ông muốn cho cha mẹ đạt được lợi ích chân thật, hãy nên nghe theo lời tôi!

453. Thư trả lời cư sĩ Ngô Quế Thu

Pháp danh được viết riêng trong một tờ giấy khác. Đã biết Đồng Thiện Xã vô ích có hại, hãy nên triệt để vứt bỏ tất cả những học thuyết,

công phu [của bọn chúng], nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Cần phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn khuyên cha mẹ, anh em, các quyến thuộc và những người cùng hàng trong xóm giềng làng nước đều cùng tu Tịnh nghiệp. Hiện nay khoa học phát minh đủ mọi cách khéo léo để giết người chẳng thể kể xiết! Nếu chẳng sanh Tây Phương, đời sau lại làm người, so với lúc này sẽ càng khổ sở hơn gấp trăm lần!

Lời văn trong Văn Sao tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ các kinh luận Tịnh Độ. Đọc Văn Sao rồi đọc các kinh luận Tịnh Độ sẽ đều được hướng dẫn thuận dòng, thế như chẻ tre vậy. Chớ nên xen tạp ý kiến nhà Thiền vào đấy! Hễ bị xen tạp thì Thiền cũng chẳng phải là Thiền, mà Tịnh cũng không ra Tịnh, hai môn đều bị phá, vô ích cả đôi bề! *(Ngày Hai Mươi Bốn tháng Bảy năm Dân Quốc 26 - 1937)*

454. Thư trả lời cư sĩ Thí Trí Phù

Cổ đức nói: *"Chẳng làm tướng giỏi, sẽ làm thầy thuốc giỏi"* bởi sẽ có thể giúp đời cứu người vậy. Kẻ vô tri chuyên dốc chí cầu lợi, chẳng để ý đến kẻ nghèo, còn với kẻ giàu thì chẳng chữa cho lành bệnh để mong được [gia chủ] tạ lễ nhiều tiền. Do giữ tấm lòng ấy, ắt bị trời giảm phước thọ, con cháu ắt khó thể phát đạt; đời sau nếu chẳng bị đọa trong ác đạo cũng là may mắn lớn, nhưng chắc chắn sẽ vừa nghèo vừa bệnh, không thuốc chữa được! Nếu có thể coi bệnh của người khác như bệnh của chính mình, kiêm khuyên bệnh nhân ăn chay niệm Phật để tiêu nghiệp chướng thì người ta sẽ cảm lòng Thành, ắt sẽ tin nhận. Như vậy là do chữa thân bệnh mà chữa luôn tâm bệnh, cũng như đại bệnh sanh tử. Đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh sẽ có thể vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, cao đăng chín phẩm. Ảnh chụp [của Quang] chớ nên treo cạnh ảnh Phật, hãy nên treo cách xa chỗ thờ Phật để khỏi mắc tội, tổn phước *(Ngày mồng Ba tháng Năm)*

455. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Tịnh Tín

Trúc Lâm Niệm Phật Xã cũng hay, mà Tịnh Nghiệp Từ Thiện xã càng hay hơn. Vợ ông bất hiếu, hãy nên vì bà ta sám hối nghiệp chướng; khi nghiệp tiêu bà ta sẽ tự hiếu thuận. Đừng nên kết oán với bà ta! Thời

cuộc không tốt, hãy khuyên mẹ ông đừng tới [chùa Báo Quốc]. Ở nhà nhất tâm niệm Phật còn hơn gặp mặt Quang rất nhiều.

Tất cả kinh sách khó thể chẳng chép sai một chữ nào; bất quá nghiêm túc giảo chánh, đối chiếu cho ít sai ngoa. *"An ẩn"* (安隱) là chữ dùng trong hết thảy kinh[196] còn *"an ổn"* (安穩) chính là chữ [được dùng] ở nơi đây (Trung Hoa). Người chưa từng xem kinh sẽ bảo là sai, chớ nên sửa bừa! Ông chẳng phải là bậc thông gia, đừng nghe lời kẻ mạo nhận thông gia. Phàm trong các kinh sách, chẳng dám nói là không có một chữ nào [bị chép] lầm, nhưng cũng không nhiều, sao lại phải quá lo như thế? Khang Hy Tự Điển là sách do chính hoàng đế biên tập, những chữ chánh yếu thì không bị sai, nhưng vẫn có những chữ nét bút chẳng thích đáng cho lắm, chứ chữ không quan trọng (chữ hiếm gặp, ít dùng) thì bị sai lạc đến cả mấy trăm chữ, đủ biết giảo đối khó khăn lắm!

Ông muốn mở Phật thất để hộ quốc tức tai (bảo vệ đất nước, tiêu diệt tai nạn) thì gọi là Hộ Quốc Tức Tai Phật Thất. Một thất cho đến bảy thất, dẫu mấy chục thất, mấy chục nơi đều có thể gọi bằng tên ấy. Chớ nên lầm lạc đặt tên cho Phật thất, đâm ra vùi lấp ý nghĩa lý chánh yếu của việc hộ quốc tức tai. Đối với quy củ dùng trong Phật thất, hãy tùy theo sức mình mà lập, Quang đâu thể lập thay! Phải sao cho mọi người mọi việc đều ổn thỏa thích hợp thì mới nên!

Nay gởi cho ông Pháp Ngữ trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai tại Thượng Hải vào năm ngoái, Chân An Bút Ký, mỗi thứ một gói, Phổ Khuyến Niệm Quán Âm Văn và Một Lá Thư Trả Lời Khắp, gộp thành một gói. Xin hãy đưa cho những người có tín tâm, hiểu văn lý, biết cung kính. Trong [Hộ Quốc Tức Tai] Phật thất chuyên chiếu theo cách thức đả thất thông thường cũng được. Hoặc sáng dậy niệm Đại Bi, Thập Tiểu Chú, niệm thánh hiệu Quán Âm, sau đấy mỗi lần [niệm Phật] liền dùng Quán Âm Kệ để bắt đầu niệm danh hiệu Quán Âm, đến khóa tối niệm kinh Di Đà, niệm Phật hồi hướng là xong công khóa một ngày thì cũng được! *(Ngày Mười Tám tháng Chín)*

456. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ nhất)

---

[196] Để diễn tả ý "an ổn", trong kinh thường dùng chữ An Ẩn (安隱), thay vì phải viết là An Ổn (安穩), nhưng vẫn đọc là An Ổn, người không quen sẽ tưởng là chữ Ổn bị viết sai thành Ẩn.

Đối với chữ Niệm (念) trong Niệm Phật (念佛), muôn phần chớ nên thêm chữ Khẩu (口), có rất nhiều người viết là Niệm (唸), đánh mất ý nghĩa đến tột cùng! Một pháp Trì Danh Niệm Phật lợi khắp ba căn, còn Quán Tượng, Quán Tưởng thì chỉ có người thấu hiểu pháp môn tâm địa mới tu tập được. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi khởi lên các ma sự. Trì danh niệm Phật lại thêm lắng tai nghe kỹ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận thượng - trung - hạ căn đều có lợi ích, đều không bị khuyết điểm. Ông thích niệm kinh Kim Cang, hãy nên đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì đấy chính là Trợ Hạnh cho Tịnh Độ. Nhưng Tịnh Độ Ngũ Kinh công đức cũng chẳng kém gì kinh Kim Cang. Đối với những kinh sách đã gởi, hãy nên đọc kỹ lời Tựa do Quang viết, sẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩa chánh yếu. Tiếp đó, lắng lòng cung kính đọc thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích *(Ngày mồng Sáu tháng Bảy)*

457. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ hai)

Viết thư hãy nên dùng tên họ, chớ nên chỉ dùng pháp danh. Quang già rồi, làm sao có thể nhớ được là ai? Ông làm nghề Y chịu phát tâm lợi người quả thật là tiện lợi. Người ta đang lúc thân mang bệnh khổ, hễ nghe có cách được yên vui không ai chẳng sanh lòng tin. Với người mang chứng bệnh nguy hiểm ngặt nghèo, hãy dạy họ niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt sẽ có hiệu quả. Dẫu mạng hết sắp chết, cũng có hiệu quả chuyển nguy thành an rồi mới qua đời. Tôi thường nói: *"Thế gian có hai hạng người dễ khuyên người ta làm lành niệm Phật. Thứ nhất là người xem tướng, thấy có tướng tốt bèn khuyên họ cực lực tu trì để giữ gìn tướng tốt; nếu không, chắc tướng sẽ bị biến đổi. Thấy tướng xấu bèn khuyên họ cực lực tu trì thì tướng ấy sẽ biến đổi thành tốt"*. Thầy thuốc còn phải đợi người ta mời rồi mới nói được, chứ thầy xem tướng bất luận là ai vừa thấy mặt đều nói được. Tiếc cho thầy xem tướng không có bản lãnh thật sự, chỉ biết cầu lợi, đến nỗi cả đời trọn chẳng thành tựu được gì, chẳng đáng tiếc sao! *(Ngày Hai Mươi Chín tháng Tám)*

458. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ ba)

Trang Tử nói: *"Hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng giả, đốc ư thời dã. Tỉnh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả, câu ư khư dã. Khúc sĩ bất khả dĩ ngữ ư đạo giả, thúc ư giáo dã"* (Với loài trùng chỉ sống trong mùa hạ chẳng thể nói đến băng do bị thời gian hạn chế; với con ếch ngồi đáy giếng

chẳng thể nói đến biển cả vì nó bị hạn cuộc vào chỗ hẹp hòi. Với kẻ hiểu biết cong quẹo, lệch lạc, chẳng thể nói đến đạo [chân chánh] vì hắn bị trói buộc bởi những giáo điều). Nho giáo, Đạo giáo, Gia Tô giáo và Hồi giáo đều là giáo pháp Nhân Thiên Thừa trong thế gian, chỉ có đạo Phật bao gồm các giáo, lại còn là đại giáo liễu sanh thoát tử xuất thế gian, hiểu tâm, rõ gốc, rốt ráo thành Phật!

Nho giáo dễ giáo hóa nhất, nên Phật pháp truyền vào Trung Quốc hơn hai ngàn năm qua, những bậc thông đạt nương theo Phật pháp tu trì chẳng biết bao nhiêu! Nhưng Đạo giáo thường trộm lấy những câu văn trong kinh Phật rồi thay đầu đổi mặt, ngụy tạo thành kinh của Đạo giáo! Lại còn phần nhiều hủy báng Phật pháp. Giáo đồ Gia Tô giáo và Hồi giáo có sức đoàn kết rất lớn, chẳng dễ gì chuyển hóa được! Nhưng nay thì tại các nước Tây Phương cũng có nghiên cứu Phật giáo, tạo dựng chùa miếu Phật giáo.

Rất ít người Hồi giáo tín phụng [Phật pháp]; mười mấy năm trước, ông Mã Thuấn Khanh ở Hồ Nam thích tặng sách Phật. Thoạt đầu, ông ta đem những sách do chính mình in gởi cho Quang, phần nhiều là những văn tự có được từ những đàn cầu cơ. Quang đem những sách An Sĩ Toàn Thư, Văn Sao được in trước đây tặng cho ông ta. Ông ta đã tin tưởng sâu xa, bèn lắng lòng nghiên cứu. Hai vợ chồng họ và năm đứa con đều quy y. Mùa Thu năm Dân Quốc 18 (1929), ông ta gởi thư đến nói: "Vợ con sanh được năm đứa con, hai đứa đầu còn đỡ, chứ đứa thứ ba bị băng huyết, đứa thứ tư càng nguy kịch hơn. Sanh đứa thứ năm càng nguy kịch hơn nữa. Nay chẳng lâu nữa sẽ sanh; nếu bị băng huyết nữa, sợ không còn mạng. Xin thầy rủ lòng cứu vớt và đặt pháp danh cho đứa con chưa sanh". Quang dạy họ niệm thánh hiệu Quán Âm, đến khi đang sanh vẫn niệm ắt sẽ không bị nguy hiểm gì. Họ nhận được thư hôm trước, liền niệm ngay, bữa hôm sau [bà vợ] liền sanh hết sức an lạc.

Trong bộ Văn Sao có mấy lá thư gởi cho Mã Thuấn Khanh là do vào năm Dân Quốc 15 (1926) ông ta biết Trung Hoa Thư Cục in riêng bộ sách ấy liền gởi thư đến cho họ kèm thêm vào. Quang một mực chẳng giữ lại bản nháp thư từ. Hiện thời thế đạo nguy hiểm, không ai chẳng mong an lạc. Cha mẹ ông cũng chẳng thể không động tâm trước cảnh nguy hiểm; nếu bảo họ niệm Phật, chắc họ sẽ bảo là "phản giáo!" Nếu nghe nói niệm Phật có thể tiêu tai tăng phước, gặp dữ hóa lành, chết đi sẽ vượt khỏi tam giới, do vậy tu dần dần cho đến khi thành Phật. Nếu có chuyện chứng nghiệm nhỏ, họ sẽ dần dần sanh lòng chánh tín. Nếu chẳng uyển chuyển bày cách [khuyên nhủ], tức là bỏ mặc cha mẹ vậy!

Có thể dùng lời lẽ để giáo hóa thì rất tốt. Nếu không, hãy đối trước Phật và Quán Âm Bồ Tát để sám hối tội nghiệp thay cho cha mẹ. Nếu ông chí thành, ắt cha mẹ sẽ hồi tâm hướng đạo *(Ngày Hai Mươi Chín tháng Tám)*

459. Thư trả lời cư sĩ Đường Đào Dung

Chồng bà chết vì bệnh phổi, lại còn bị mù, sợ rằng trong khi bị bệnh chẳng chịu thôi ân ái mà ra! Bất luận bệnh gì, đều phải lấy chuyện ngưng ân ái làm cách trị căn bản. Nếu không, thần y cũng khó có hiệu quả được! Bà đã làm nghề Y, hãy nên coi chuyện "trong lúc bệnh chưa được mười phần bình phục, vạn phần chớ nên ân ái" là chuyện cực trọng bậc nhất trong hết thảy những điều quan trọng. Bệnh phổi nên tịnh dưỡng, nhất là phải thường niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, sẽ có thể mau lành bệnh. Chồng bà hành nghề Y mà trong khi bệnh chẳng chú trọng niệm Phật thì cũng là người hờ hững, hời hợt, không có tín tâm chân thật. Do vậy, một nhà mấy người nếu không có bà sẽ chẳng thể sống được!

Do ông ta chưa gặp được người thật sự biết pháp môn Niệm Phật nên nhất tâm tham Thiền. Nếu nhất tâm niệm Phật, chắc chẳng đến nỗi bệnh phổi không lành, lại còn bị mù nữa! Nếu bà chết theo chồng, chắc sẽ có nhiều người không được ai nuôi dưỡng, lỗi ấy lớn lắm! Nay do Long cư sĩ dẫn dắt bà nhập đạo, hãy nên dẫn dắt người khác cải tà quy chánh, niệm Phật cầu sanh Tây Phương để báo ân Phật và ân thiện tri thức, lấy tu Tịnh nghiệp cầu sanh Tây Phương làm chuyện quan trọng bậc nhất. Bà hãy nên nương tựa vào Văn Sao, cần gì phải mạo hiểm đi xa đến gặp Quang? Gặp Quang thì Quang cũng chỉ nói những gì đã được thuật trong Văn Sao! Trong Phật pháp, trọn chẳng có chuyện bí mật chẳng truyền, cũng chẳng có chuyện phải "miệng truyền, tâm dạy". Ngoại đạo tà đồ vốn chẳng có đạo lý gì, dùng bí mật bất truyền để dụ người khác theo đạo của họ. Nếu công khai chẳng bí truyền thì ai nấy đều biết đạo ấy hèn tệ, sẽ không có ai nương theo chúng nó cả!

Bà hãy nên chú trọng hành nghề Y, đừng kiêm thêm dạy học. Bởi nếu có thể thật sự tận tâm nơi nghề Y, thời gian hằng ngày còn chẳng đủ, sao còn có thể dạy học cho được? Hễ nghiêm túc [giảng dạy] sẽ phải hao tốn tinh thần. Nếu không, sợ rằng sẽ làm hỏng con cái người ta. Hãy nghe theo lời tôi, chuyên coi trọng một môn, cần phải chú trọng niệm Phật, do nương vào Phật lực mà Y đạo ắt được tiến triển lớn lao, nhưng chỉ nên lấy chuyện lợi người làm chí hướng sự nghiệp, đừng mong

mỏi phát tài lớn lao! Nếu Y đạo không sai lầm thì ai nấy đều tin phục; khuyên người ta ăn chay niệm Phật, người ta sẽ vui vẻ nghe theo. Như vậy là cũng do nghề nghiệp mà đạo được tăng tấn vậy! Đấy là chương trình dùng Y thuật để hoằng pháp. Với bệnh nào cũng khuyên bệnh nhân thôi ân ái, trong mỗi năm chẳng biết sẽ làm cho bao nhiêu người đỡ phải chết! Công đức ấy chỉ riêng đức Phật là biết được mà thôi!

Hơn nữa, nữ nhân sanh nở niệm thánh hiệu Quán Thế Âm chắc chắn không bị đau khổ. Dẫu khó sanh gần chết mà hễ niệm liền được an nhiên sanh nở. Huống hồ kẻ thường niệm từ nhỏ ư? Thêm nữa, con gái từ nhỏ cha mẹ phải dạy nó đừng nổi nóng, tập thành tánh chất nhu hòa, từ thiện thì những sự tốt đẹp trong cả một đời nó sẽ chẳng thể kể hết được! Nếu tánh tình nóng nảy, bộp chộp, chưa lấy chồng thì cũng gặp phải chuyện khổ, nhưng vẫn còn chưa nhiều. Nếu đang có kinh mà nổi nóng, chắc sẽ bặt kinh, hoặc bị băng huyết. Lấy chồng rồi mà nổi nóng, sẽ bị xảy thai, hoặc thai nhi sẽ thừa hưởng tánh tình nóng nảy, bộp chộp. Lúc sanh xong, đang cho con bú mà nổi nóng đùng đùng, trẻ bú sữa vào sẽ chết ngay. Không nóng nảy dữ dội cho lắm thì hoặc nửa ngày hoặc một ngày mới chết, không có đứa nào chẳng chết. Nổi nóng nho nhỏ thì con không chết cũng nhất định ngã bệnh. Nếu nhiều ngày liên tiếp thường nổi nóng vừa vừa thì chất độc khi trước chưa tiêu, chất độc lúc sau lại thêm vào, sẽ nguy hiểm đến cùng cực! Chuyện này danh y, thần y nước ta đều chưa nhắc đến, nay đã sáng tỏ, hãy nên nói với hết thảy mọi người sẽ cứu mạng được những đứa trẻ chưa sanh, công đức lớn lắm. Các thầy thuốc hãy nên chú ý! Chớ nên ăn trứng gà, kẻ tà kiến nói: "Trứng không có cồ thì ăn được!" Đừng nghe, đừng tin lời nói ấy! Hơn nữa, trứng có chất độc, do gà thường ăn trùng độc vậy!

460. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Ông vì Thần Chung Sơn mà thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh đời Tống in theo lối Ảnh Ấn, công đức rất lớn. Hiện thời còn có thể ước định để thỉnh, chứ để trễ hơn nữa, chắc sẽ không còn! Tịnh Độ Ngũ Kinh mới in ra sách, nay viết một chữ, sai người đến chùa Thái Bình thỉnh hai gói để chia cho lệnh từ (mẹ), lệnh di trượng (dượng), lệnh di (dì), và những người tu trì chân thật. Những vị như dì Năm v.v… muốn quy y, nay tôi viết pháp danh cho mỗi người, xin hãy giao lại cho họ. Nói đến tiền hương kính thì chẳng cần phải gởi đến, hãy dùng tiền đó để đóng góp một phần vạn vào chi phí thỉnh Đại Tạng Kinh

cho Thần Chung Sơn, ngõ hầu bọn họ tiêu nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ.

Bệnh cùi ở quý địa chẳng biết có hay không? Nay đem gởi cho ông hai tờ truyền đơn. Nếu ai bị mắc bệnh thì sang năm sau chiếu theo toa thuốc ấy mà chế thuốc. Nếu không, cứ tùy tiện tặng cho người khác, hoặc cũng có thể giữ lại để làm căn cứ trị chứng bệnh ấy. Bệnh này từ trước đến nay các y sĩ Trung Hoa, ngoại quốc đều khó thể chữa hoàn toàn dứt tận gốc được. Toa thuốc này chẳng cần phải tốn tiền mua thuốc, chỉ tốn công sức, củi đốt, lại hoàn toàn trừ được tận gốc. Vì thế, ông Chương Giám Ngu cực lực đề xướng để mong khắp cõi đời đều biết.

Hơn nữa, phương Nam người bị chân sưng phù rất nhiều. Dùng đu đủ tươi bọc vải buộc lên bắp đùi, bệnh thũng liền tiêu. Nếu không có loại tươi thì dùng đu đủ khô cắt miếng từ các tiệm thuốc để buộc cũng có hiệu quả lớn lao. Một cụ già dẫn người con gái (hai mươi lăm tuổi) cùng đến quy y, nói đùi con gái bị phù thũng đã bảy tám năm rồi. Quang bảo niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để tiêu túc nghiệp, lại bảo mua đu đủ, không có loại tươi thì dùng loại đu đủ khô cắt miếng để buộc. Chưa đầy bốn năm ngày đã hoàn toàn lành bệnh. Hơn nữa, cô gái ấy mắc bệnh này đã bảy tám năm, chắc cũng đã từng chữa trị, mà sao họ chẳng biết cách chữa tuyệt diệu này? Cư sĩ theo nghề Y, chắc cũng đã biết rồi, nhưng cũng chẳng ngại gì thưa trình lại để làm phương tiện "hễ thấy liền làm" cho thuận tiện vậy *(Ngày Mười Hai tháng Sáu)*

461. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ, trong thư ông quá khiêm hư khiến người ta phải hổ thẹn. Từ nay về sau đừng nên như thế nữa. Chuyện viết thư có quan hệ rất nặng. Nếu thường viết theo lối chữ Thảo, chắc sẽ thành thói quen, lâu ngày chầy tháng ắt đến nỗi hỏng việc. Phùng Mộng Hoa là bậc quân tử đức dày, nhưng con lẫn cháu đều chết sạch. Năm ngoái, đứa cháu nuôi để nối dòng cũng lại chết mất, chỉ còn một đứa chắt mới một hay hai tuổi để nối dõi. Trong một nhà bốn năm bà góa, cũng có thể nói là tình cảnh thê thảm lắm! Há có phải là trời cao đối đãi đặc biệt tàn khốc với người đức dày ư? Duyên do là cả đời ông cụ này thích viết chữ Thảo! Viết thư từ cho người khác, nếu [người nhận thư] chẳng tận hết tâm lực, dựa theo ý nghĩa của câu văn để suy lường, sẽ không hiểu được rất nhiều chữ. Trong số ấy, khó tránh khỏi người hiểu lầm. Do vậy mà đến nỗi phải gánh chịu quả báo ấy.

Ông theo nghề Y, nếu quen thói viết nguệch ngoạc, chắc sau này khi kê toa cũng viết theo kiểu ấy thì nguy hiểm đến cùng cực. Vì thế, Quang vì mẹ ông mà bảo ông đừng học theo thói ấy, thật sợ sau này ông sẽ làm hỏng chuyện, chứ không phải chỉ vì ông chẳng cung kính mà kiểm điểm. Bữa trưa tuy là thức ăn nguội thì cũng phải hâm nóng mới nên. Nếu thường ăn đồ lạnh, lâu ngày sẽ bị bệnh, chẳng thể không biết. Thuốc men là cái gốc của việc trị bệnh, nhưng pháp dược của đấng Đại Y Vương lại trị nơi cái gốc là nghiệp. Bệnh do nghiệp sanh thì nhiều. Do ngoại cảm nội thương mà ngã bệnh thì thuốc men có thể trị được, chứ bệnh do nghiệp sanh ra thì thuốc chẳng thể trị được, chỉ có pháp dược là có thể trị được! Có thể dùng thế dược (thuốc men trong cõi đời) lẫn pháp dược để trị các bệnh thì dù mình hay người đều được lợi ích thật sự.

Ăn chay hay chỉ ăn ba thứ tịnh nhục, hãy nên châm chước mà thực hiện. Hễ ăn thuần đồ chay được thì hãy ăn chay thuần. Nếu không thể, thì chỉ ăn ba thứ tịnh nhục cũng được; chỉ nên ăn nhiều rau trái, bớt ăn thịt đi! Trong đời có kẻ ngu bảo chính mình chưa thể ăn thuần món chay bèn yên lòng ăn nhiều thịt, lỗi ấy chẳng cạn đâu! Hãy nên phát Bồ Đề tâm, thề độ những sanh vật bị ăn thịt này, chẳng an lòng ăn thịt chúng nhiều là được rồi!

Do pháp sư Tịnh Quyền rời khỏi chùa Quán Tông, pháp sư Đế Nhàn chẳng thể đến Thượng Hải giảng kinh, bởi lẽ Nghiên Cứu Xã và Hoằng Pháp Xã đều không có ai chủ trì. Ở Hồng Loa tôi đã từng thấy xương trắng, đầu lâu, thịt đã tiêu hết. Ấy là do một trăm năm trước, Thân Vương đem tặng cho thiền sư Mộng Đông. Nếu thường quán [bộ xương] ấy sẽ phá được Ngã Chấp, thành tựu Tịnh nghiệp thì may mắn thay! Nếu không có chuyện gì cần thiết đừng nên gởi thư đến để đôi bên khỏi phải bận bịu! *(Ngày Rằm tháng Ba)*

462. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ ba)

Trước kia, cư sĩ Lâm Đồng Vỹ mất rồi, Dư Toại Tân gởi thư cho Quang thuật đại lược tình hình, Quang trả lời thư, sợ đúng như ông ta nói "tại am ông ta ở, đường bưu điện chẳng thể gởi tới được", nên gởi cho thím Tư của ông là Huệ Uyên nhờ chuyển giùm. Gởi cho Toại Tân một gói sách, trong thư cho biết: Trong khóa tụng sáng tối, Quang sẽ hồi hướng cho bà Lâm một thất để trọn hết tình thầy trò. Do quá ít thời gian rảnh rỗi nên chưa viết thư cho anh bà ta là Địch Am được! Hôm trước nhận được cáo phó, biết người ấy quá thông minh; nay nhận được thư

ông, biết bà ta do thông minh mà bị lầm lạc chẳng cạn. Tuy bà ta quy y với Quang, nhưng thật ra chỉ gặp mặt một lần, cũng chẳng nói với bà ta được mấy câu.

Văn Sao, Gia Ngôn Lục, chắc bà ta chẳng đến nỗi chưa xem, nhưng bà ta chỉ chú trọng lập đại nguyện làm công đức nơi cõi này, chẳng chú trọng tới đại nguyện cầu sanh Tây Phương. Vào lúc sắp mất, đã cùng với chị em mộng thấy Phật quang, đài bạc, nhưng chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương trong lúc ấy, lại ngược ngạo phát ra bốn đại nguyện để gieo trồng gốc sanh tử. Do vậy, có thể thấy là thường ngày bà ta trọn chẳng lấy những điều Quang đã nói làm chí hướng, sự nghiệp. Bởi thế, đánh mất nhân duyên vãng sanh tốt đẹp, nhưng được Bồ Tát gia bị mà khỏi bệnh, đến khi do ác mộng hiện, bệnh theo đó mà phát, còn may mắn là khi lâm chung có người trợ niệm. Nhưng do có lời nguyện trồng sâu cội rễ sanh tử ấy nên đến nỗi hiện ra những điềm báo chẳng thể vãng sanh được, đáng than thay! Ngực lạnh đi sau cùng chính là dấu hiệu chứng tỏ bà ta sanh trong nhân đạo.

Ông nói [bà Lâm] hiện thân thuyết pháp, há bà ta có thân phận ấy hay sao? Nhưng do bà ta chẳng thể tận lực cầu sanh Tây Phương mà bị lỡ làng, mọi người bèn lấy đó làm điều răn nhắc, quyết chí cầu vãng sanh thì lợi ích ấy cũng chẳng kém gì hiện thân thuyết pháp! Còn chuyện lập hội truy điệu là do tình cảm của anh em ông Địch Am, xét theo lý thì chẳng nên làm, chỉ nên chú trọng dùng niệm Phật để cầu [cho bà Lâm] được vãng sanh. Đối với chuyện niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, Quang trọn chẳng chịu đề xướng một tiếng nào. Bởi lẽ, khó được như pháp! Chỉ là bày vẽ phô trương mà thôi!

Nói tới Một Lá Thư Trả Lời Khắp, quả thật nó liên quan cực lớn với mọi người tại gia. Nhưng [ông] chỉ cần mấy chục tờ, há nên hỏi tới ấn phí và chi phí gởi thư? Ăn nói như vậy đúng là coi Quang như con buôn ngoài chợ. Nếu là mấy ngàn trang thì có thể nói như vậy được! Hay là chữ Mười chính là Ngàn[197] bị viết sai. Nay tôi bảo gởi cho ông một gói, chỉ có bốn trăm tám mươi tờ, hãy thay Quang kết duyên. Nếu là chữ Ngàn bị viết sai thành chữ Mười, xin hãy gởi thư cho biết để tôi bảo Quốc Quang [Thư Cục] in thêm nữa. Năm ngoái in lần đầu là bốn vạn bản, tốn tám mươi đồng, tổng cộng in hai lần. Năm nay chắc [ấn phí] sẽ chẳng tăng giá quá mức. Bức thư này được in trong phần phụ lục của bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, sau cuốn Tây Phương Công Cứ và trong cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo để mong được vĩnh viễn truyền bá.

---

[197] Do chữ Thập (十: Mười) và Thiên (千: một ngàn) hơi giống nhau nên có thể vô ý viết sai.

Trong tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thiển Chú thuộc cuốn Hạ của bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, nơi dòng mười một của trang hai mươi lăm sót mất tám chữ *"như kim Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na"* (như nay đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na), đấy là vì ông Hứa Chỉ Tịnh dựa theo sách [Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm] Tập Yếu Sớ [của ngài Đế Nhàn] để soạn [Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thiển Chú], nhưng chưa từng đối chiếu [phần kinh văn đã dẫn trong Tập Yếu Sớ] với chánh kinh, mà lúc Quang cho sắp chữ ấn hành cũng chẳng đối chiếu. Vì thế mới có sai sót ấy. Đến khi biết, bèn đem sách Tập Yếu Sớ do Phật Học Thư Cục ấn hành ra xem, mới biết là do ngài Đế Nhàn vô tình bỏ sót đến nỗi "một người sai trở thành mấy vạn người sai". Do vậy biết rằng: Càng là đại thông gia thì càng phải chú tâm! Tôi đã cho in một trang ấy, cũng bảo Phật Học Thư Cục in trang ấy. Nay tôi nói rõ chuyện bổ khuyết, xin ông hãy đem những sách đã được gởi đến viết thêm những chữ ấy vào. Nếu dòng mười một quá hẹp thì chẳng cần phải chép thêm vào đó. Xin hãy chép vào dòng thứ mười hai tức câu *"ngã giai tùy học"* (tôi đều học theo) của trang ấy. Hàng ấy chỉ có sáu chữ, khoảng trống khá rộng, chép bù vào đấy là tốt nhất. Trang in bổ khuyết vẫn ghi tám chữ ấy nơi hàng thứ mười một. Nếu có sách ấy, cũng nên bổ túc. Tôi cũng đã cho đăng trên Phật Học Bán Nguyệt San vì đã giao cho Phật Học Thư Cục hai ngàn lẻ một trăm hay hai trăm bộ sách này để kết duyên.

Hiện thời đang nhằm tháng Hạ, bệnh sốt rét phát tác, nên tôi cho gởi đi toa thuốc tuyệt diệu trị chứng sốt rét. Mười mấy bữa trước, lại nhận được thư thầy Đạt Nhất cho biết ông sắp sang nước Đức du học, đến chỗ thầy ấy chào từ biệt để ra đi, có chuyện ấy hay chăng? Con người nên tri túc, chỉ học nghề cho tinh, chớ nên lấy cái danh du học làm mục đích cho tương lai. Như vậy thì không du học cũng được, mà du học cũng chẳng sao! Nếu muốn nhờ vào đó để được tiếng tăm thì Quang chẳng cho như vậy là đúng lắm! Vì sợ sẽ do danh mà bị sai lầm nên chẳng thể không tính toán cặn kẽ sẵn!

Lâm nữ sĩ (tức bà Lâm Đồng Vỹ) tự phụ thông minh, muốn gánh vác chuyện hoằng pháp lợi sanh, nhưng chẳng biết "cầu sanh Tây Phương thì mới có thể hoằng pháp lợi sanh được!" Chẳng coi trọng cầu sanh Tây Phương thì cô phụ Phật ân cũng lớn lắm! Trong đời có lắm kẻ chẳng tự lượng, thường coi chuyện để bậc Bồ Tát thực hiện giống hệt như trách nhiệm của chính mình, chẳng biết chính mình còn đang ở trong biển khổ chưa thoát ra được, làm sao có thể cứu khắp mọi người trong biển khổ? Nếu Đồng Vỹ nghĩ đến điều này, ắt sẽ siêu phàm nhập thánh ngay lập

tức!

463. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ tư)

Đã nhận được sách Kim Cang Tân Sớ do ông gởi trước đây. Do bận bịu nên chưa phúc đáp, đừng bận tâm! Nay biết Bảo Giám, Văn Sao đều đã được gởi đến, vui mừng, an ủi lắm. Ngài Đế Nhàn được lợi ích sâu xa nơi giảng diễn, vì thế tuổi đã bảy mươi vẫn vừa giảng vừa soạn sớ, chẳng thấy nhọc nhằn. Đủ thấy Phật pháp lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Lúc ấn hành [cuốn Kim Cang Tân Sớ] nên dùng kiểu chữ đời Tống được lưu hành trong hiện thời, còn kiểu chữ mô phỏng lối viết đời Tống[198] muôn phần chớ nên dùng. Chẳng những [kiểu chữ mô phỏng lối viết đời Tống] nét chữ dễ bị sứt, khó giảo chánh, mà [công in] còn đắt gấp bội. Sao lại khổ sở đem tiền làm chuyện vô ích, chỉ nhằm để công nhân khen ngợi, vui sướng đấy chăng?

Hãy nên bảo họ in phần Thư Căn[199]. Trung Hoa [Thư Cục] có loại máy ấy, chứ các nhà in khác có lẽ không có, hãy bảo họ đặc biệt lo liệu chuyện này. Làm bản kẽm phải tốn hơn hai trăm đồng. Năm ngoái, Chiết Giang Ấn Loát Công Ty chế ra một cái máy bằng khung gỗ [để in phần Thư Căn], nói chỉ tốn ba đồng. Quang bảo họ làm một cái, giao sang chùa Thái Bình, nhờ chuyển đến nhà giam ở Tào Hà Kính. Nếu chịu mua máy bằng sắt, cố nhiên là tốt. Nếu không, hãy chiếu theo cách thức của cái máy ở nhà giam Tào Hà Kính, làm một hai cái. Quang cũng cần một cái để phòng khi bất ngờ cần đến. Phần Thư Căn in chữ thì dễ kiểm tra, chẳng đến nỗi lâu ngày quên mất, rất hữu ích. Phàm những sách được in ra, đều bảo họ in phần Thư Căn. Do Quang in bộ An Sĩ Toàn Thư, Trung Hoa [Thư Cục] mới bắt đầu có máy [để in phần Thư Căn], chứ trước kia cũng không có.

Chị dâu của ông đáng gọi là "bậc trượng phu trong nữ giới", trong năm năm thực hiện khá nhiều công khóa, sẽ nương vào công đức ấy mà vãng sanh Tây Phương. Tuy nói là chết trẻ, nhưng chẳng thể gọi là chết yểu. Do cô ta niệm Phật vãng sanh nên nhất định sẽ chứng vô lượng thọ, sáng ngời cửa đức, chẳng thể dùng tình cảm thông tục của thế gian để luận đoán được! Xin hãy khuyên lệnh huynh cũng nên chú ý đến pháp Niệm Phật. Hễ bị bệnh nặng thuốc men chẳng thể chữa được thì trong

---

[198] Kiểu chữ này mô phỏng lối viết chữ bằng tay nên có những nét khắc bay bướm hoặc bớt nét, nếu không quen sẽ dễ nhận lầm mặt chữ.

[199] Tức phần ghi tên sách, tên tác giả, chương, số quyển, số trang ở cuối mỗi trang.

lúc chữa trị, hãy khuyên niệm thêm Phật hiệu. Do cậy vào Phật lực, ắt sẽ có hiệu quả kỳ diệu. Đối với mình lẫn người đều có lợi ích. Nếu bình thời tu trì trọn vẹn thì đợi đến khi báo thân trăm năm đã hết, sẽ về thẳng Tây Phương, sẽ trọn chẳng phải thẹn thùng khi chạm mặt nguyên phối[200] là Lục Thị. Nếu không, do cô ta là nữ nhi mà đã siêu phàm nhập thánh, còn ta là trượng phu mà vẫn ở trong sanh tử luân hồi, bậc nam tử hào hùng há chẳng thẹn đến chết ư? *(Ngày Mười Ba tháng Giêng)*

464. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng

Ông muốn lệnh từ vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh, hãy nên dốc tận sức cúng dường, chí thành đảnh lễ, [phẩm vật dâng cúng Tam Bảo] há nên chỉ có một lò hương, còn đèn đuốc, hoa theo mùa nhất loạt chẳng dùng đến ư? Hơn nữa, ông lễ bái trong hôm bắt đầu, sau đó há nên chẳng chú trọng lễ bái nữa ư? Hãy nên mỗi sáng lễ Phật ba lạy, hoặc lạy nhiều hơn, niệm A Di Đà Kinh một biến, Vãng Sanh Chú ba biến hoặc bảy biến, niệm Kệ Tán Phật xong bèn niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật *(liền vừa đi nhiễu vừa niệm)*, [niệm] Nam Mô A Di Đà Phật hoặc một ngàn câu, hoặc năm trăm câu rồi mới ngồi xuống niệm nửa tiếng đồng hồ. Muốn lạy thì khi ngồi niệm xong [hãy lạy]. Lạy Phật hai mươi bốn lạy hoặc bốn mươi tám lạy. Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lạy. Niệm bài văn phát nguyện, hoặc niệm bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì rồi niệm kệ phát nguyện, hoặc niệm kệ trước, niệm bài văn của ngài Liên Trì sau đều được. Xong xuôi, niệm Tam Quy Y, lễ Phật ba lạy, lui ra. Sáng tối đều như thế.

Mỗi ngày ước định bốn thời [tụng niệm], hoặc sáu thời, chỉ bắt đầu bằng niệm Kệ Tán Phật rồi niệm Phật giống như trên. Nếu chỉ thực hiện lễ tụng trong một thất thì chẳng cần chú trọng lễ bái, nhưng nếu làm lâu ngày mà lười nhác, lan man không chương trình sẽ khó tinh tấn được! Khi lễ bái chẳng cần phải niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm trong tâm. Khi nhiễu niệm hãy nên niệm ra tiếng, nhưng âm thanh chớ nên quá to để khỏi bị tổn khí. Khi ngồi niệm nếu chẳng hôn trầm thì niệm thầm. Nếu bị hôn trầm thì niệm ra tiếng rõ ràng.

Bất luận niệm kinh, niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh đều phải tâm và miệng niệm cho rõ ràng, rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng, rành rẽ, chẳng để cho có hết thảy ý niệm [khởi lên], giống như sắp chết, bất cứ chuyện gì

[200] Nguyên phối: Vợ cả, vợ chánh.

cũng đều gác ra ngoài. Mỗi phen ăn cơm, trước hết phải cúng Phật, cúng xong rồi mới ăn. Chớ nên ăn quá no, hễ no sẽ hôn trầm. Nói đến nhất tâm thì không phải là chuyên niệm một câu Phật hiệu mới có thể nhất tâm. Nếu tâm đã chịu quy nhất rồi, dù niệm kinh, niệm chú, lễ bái cũng đều là nhất tâm.

Hơn nữa, trong bảy ngày ấy, khi ông ăn cơm, uống nước, đứng, ngồi, chẳng gây trở ngại cho nhất tâm thì niệm kinh, niệm chú, lễ bái sao lại có thể gây trở ngại cho nhất tâm được? Bảy ngày trước khi bế quan, đừng nên ngủ chung với nữ nhân, phải nên ăn thuần đồ chay, đêm nằm chẳng cởi áo, hoặc chỉ cởi áo ngoài, áo quần lót sát mình chớ nên cởi ra. Phàm sau khi đại tiểu tiện phải rửa tay trước, chú trọng giữ tinh khiết. Phàm là trẻ nhỏ, phụ nữ, đều nhất loạt chẳng cho tới[201]. Thùng dùng cho đại tiểu tiện nên để nơi phòng khác, chớ nên đặt trong căn phòng mình đang ở. Trong vòng bảy ngày, nhất loạt chẳng gặp gỡ ai; ngay cả với người hộ quan cũng chỉ dặn dò công chuyện một hai câu, lòng chẳng được tùy tiện trò chuyện. Anh ông đã hộ quan thì ông ta ở vòng ngoài cũng nên niệm Phật, nhưng tiếng niệm chớ nên quá to mà thôi! *(Ngày Hai Mươi Chín tháng Mười Một)*

465. Thư trả lời hai cư sĩ Hàn Tông Minh và Trương Tông Thiện

Đời Mạt, ngoại đạo lừng lẫy. Dẫu là kẻ có tín tâm phần nhiều theo về ngoại đạo, bởi lẽ chẳng có chánh pháp để nghe vậy. Gần đây, giao thông tiện lợi, kinh điển Phật pháp được lưu thông, quả thật là may mắn lớn lao. Nhưng chớ nên đã học Phật pháp lại còn tu pháp của ngoại đạo, đến nỗi tà - chánh hỗn loạn sẽ gây hại chẳng cạn! Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng; cầu lấy một pháp môn thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng thì không chi hơn được pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực để tu Giới - Định - Huệ hòng đoạn tham - sân - si. Nếu đoạn sạch tham - sân - si sẽ liền có thể liễu sanh thoát tử. Nếu kẻ nào đoạn chưa hết sẽ vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ chưa thể đoạn ư?

Pháp môn Niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật, đến khi lâm chung ắt được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ví như trẻ thơ do cha mẹ nâng dắt, liền có thể về thẳng đến nhà của chính mình. Con người gần đây thích lập dị,

---

[201] Để tránh tâm ái luyến bị khêu dậy, sẽ nhớ nhung họ trong khi bế quan niệm Phật, không thể nhất tâm được!

chẳng chịu thực hiện công phu thật thà, nên mới có kẻ học Thiền tông, Tướng tông, Mật Tông. Ba pháp môn này đều chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đều thuộc về tự lực. Mật Tông tuy có giáo nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân này), nhưng rốt cuộc có mấy ai thành Phật ngay trong đời này? Đừng nói chi người học Mật chẳng thể thành Phật ngay trong thân hiện tại, ngay cả các vị Hoạt Phật[202] truyền dạy Mật Tông cũng chẳng phải là người có thể thành Phật ngay trong thân hiện tại được!

Các ông đừng bị xoay chuyển bởi những vị tri thức của các pháp môn ấy thì sẽ có thể thoát khỏi cõi Ngũ Trược này, lên cõi chín phẩm kia, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội. Người niệm Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì mới có thể dùng thân để hướng dẫn người khác, tự lợi, lợi tha vậy. Nếu luân thường

---

[202] Hoạt Phật là từ ngữ do người Trung Hoa dịch chữ Tây Tạng Hpbrulsku (Thường được biết dưới dạng phiên âm phổ biến hơn là Tulku, là một từ ngữ Tây Tạng nhằm diễn dịch chữ Nirmanakaya (Hóa Thân) của tiếng Phạn). Tiếng Mông Cổ tương ứng là Khutukhu (hoặc Khutukutu, Hobilghan. Do vậy Chương Gia đại sư thường được gọi là Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ). Truyền thống này được bắt nguồn từ thời ngài Tsongkhapa cải cách tôn giáo tại Tây Tạng: Tăng sĩ không được lấy vợ, nên phải chọn người kế vị các ngôi tu viện trưởng hoặc trưởng dòng tu từ hóa thân. Ngoại trừ phái Sakya vẫn theo lệ truyền ngôi pháp vương cho con cháu trong dòng họ, các phái khác dẫu là Hoàng Giáo (Gelugpa), Cổ Mật (Nyingmapa), hoặc Cát Cư (Kargyupa) đều theo lệ này tuy các lạt-ma thuộc phái Nyingmapa hay Kargyupa vẫn được phép lấy vợ. Người Tây Tạng tin rằng các vị lạt-ma cao cấp có khả năng tự tại chuyển sanh, liên tục trở lại thế gian này để hóa độ chúng sanh. Trước khi mất, vị lạt-ma ấy sẽ để lại những sấm ngữ hoặc huyền ký dự báo mình sẽ tái sanh ở nơi nào. Các đệ tử đi tìm, thấy đứa bé nào phù hợp với sấm ký, sẽ tiến hành những xét nghiệm cần thiết, rồi đưa về tu viện, đào tạo và tấn phong để bảo đảm ngôi lãnh đạo của dòng tu được truyền thừa liên tục. Đồng thời để tạo sự chánh thống cho ngôi vị và thu hút tín đồ, các vị Hóa Thân nổi tiếng thường tự xưng hóa thân của các vị Phật, Bồ Tát, thánh tăng, như Đại Lai Lạt Ma thứ năm tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, ban chỉ dụ công nhận Ban Thiền Lạt Ma là hóa thân của A Di Đà Phật, Karmapa tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, trưởng dòng tu Sakyapa tự xưng là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát, Tai Situpa Rinpoche tự xưng là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát v.v… Có lẽ vì thế, người Trung Hoa đã gọi các vị này là Hoạt Phật (Phật Sống). Hiện thời tại Tây Tạng, Mông Cổ, Cam Túc, Thanh Hải, Tây Khang, Buriat, Kalmyk v.v... tức những nơi theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng đều có những hóa thân. Hầu như các tu viện lớn nhỏ đều có hóa thân; nổi tiếng nhất là Đại Lai Lạt Ma, Ban Thiền Lạt Ma, Karmapa, Sakyapa của Tây Tạng, Jetsundampa của Ngoại Mông Cổ, Chương Gia thuộc Nội Mông (dòng truyền thừa của vị này đã chấm dứt). Thậm chí tài tử Steven Seagal của Mỹ cũng được Drubwang Pema Norbu Rinpoche (tu viện trưởng tu viện Palyul Ling, người được coi như là trưởng tông phái Nyingmapa hiện thời) công nhận là hóa thân của lạt-ma Chungdrag Dorje, một vị Tăng chuyên phát hiện những Mật điển (Terton) sống vào thế kỷ 17 ở Tây Tạng, gây nên rất nhiều tranh luận ồn ào trong giới Phật Tử Tây Phương theo Mật Tông Tây Tạng!

khiếm khuyết, người ta sẽ chẳng sanh lòng khâm phục, kính trọng cho nên đối với kẻ hiểu lý còn khó thể khuyến hóa; đối với kẻ chẳng hiểu lý, do chính ta còn thiếu sót trong chuyện tận tụy thực hành, họ sẽ chẳng chịu nghe theo lời ta nói. Đấy chính là *"dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người ta nghe theo).

Phàm mọi chuyện đều phải lấy thân làm gốc, huống chi dạy người khác niệm Phật liễu sanh tử ư? Nay pháp danh đặt cho các ông được viết trong một tờ giấy khác. Sợ các ông chưa thể tin nhận ngay, nay gởi cho các ông mỗi người một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, một cuốn Gia Ngôn Lục, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết Phật nguyện rộng sâu, pháp môn rộng lớn: Dẫu là kẻ nghịch ác mà nhất niệm hồi quang (tự phản tỉnh, tự tỉnh ngộ hướng về đường lành), vẫn có thể vãng sanh! Đọc Gia Ngôn Lục sẽ biết chỗ thù thắng mầu nhiệm của pháp môn và pháp tắc tu trì. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ biết: Lúc bình thường kêu gọi quyến thuộc niệm Phật thì lúc lâm chung sẽ chẳng bị phá hoại. Ngoài ra còn có Một Lá Thư Trả Lời Khắp, [áp dụng những điều được nói trong lá thư ấy] thì đối trước hết thảy mọi người sẽ đều đề xướng được. Lúc sanh nở niệm Quán Âm quả thật là chuyện quan trọng nhất trong đời người. Chuyện lớn trong thế gian chỉ có sanh và tử. Đề xướng được như vậy thì lợi ích lớn thay! *(Ngày Mười Tám tháng Sáu)*

466. Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Nghiệp

Trong cõi đời gần đây, bọn thiếu niên do tình dục quá nặng, nên buông lung chơi bời, hoặc mê mệt thê thiếp, hoặc do ý chuyên nghĩ đến điều dâm mà tinh thần ngầm bị tổn thương, hoặc thủ dâm để rò rỉ, phung phí thứ quý báu nhất. Do vậy, thân yếu, tâm hèn, chưa già đã suy; học vấn, sự nghiệp đều chẳng thành tựu. Thậm chí con cái sanh ra đều bấy bớt hoặc khó khôn lớn, thành người được! Mà thọ mạng của chính mình cũng khó thể dài lâu như trong số mạng đã định, chẳng đáng buồn ư? Ta sợ con cũng phạm những bệnh trên đây! Hễ có nên sửa đổi; không có thì cố gắng. Đã có thể trì danh hiệu Bồ Tát lâu dài ắt cần phải khẩn thiết, chí thành, mọi mong muốn sẽ được toại nguyện. Nếu vẫn hờ hững, hời hợt thì cũng chỉ được cảm ứng hờ hững, hời hợt, quyết chẳng thể "ắt được như nguyện". Quang bận bịu quá sức, chẳng thể đáp ứng mong cầu thêm được nữa. Hiện thời phải lo toan chuyện in sách, đến mùa Thu xong xuôi sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài; bởi lẽ tinh thần ngày một

giảm, chuyện thù tiếp ngày một nhiều, không có sức để chống đỡ được!

Muốn học Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ loài vật, dứt bỏ rượu thịt, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người hòng trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều được gội ân Phật giáo hóa, cùng tu Tịnh nghiệp, thì sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, chết đi sẽ về cõi Cực Lạc. Mong con hãy thận trọng nhé!

467. Thư trả lời cư sĩ Thạch Kim Hoa

Thư nhận được đầy đủ. Chuyện ăn thịt quan hệ đến sự bình yên hay loạn lạc, thăng lên hay đọa xuống! Muốn liễu sanh tử, thoát luân hồi, phải lăm lăm chú ý nơi chuyện này thì mới có hy vọng. Pháp môn Mật Tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người truyền lẫn kẻ học hiện thời phần nhiều quên mất điều cốt lõi: Dùng công phu Tam Mật trì chú để tiêu trừ Phiền Hoặc mới chính là ý nghĩa chánh đáng, nhưng người truyền thì dùng thần thông để thu hút, lôi kéo người khác, kẻ học không một ai chẳng lăm le đắc thần thông. Như vậy chính là chưa thể vịn tường bước đi đã muốn vọt lên không trung bay đi nơi xa, làm sao đạt được? Các lạt-ma ở Tây Tạng, Mông Cổ đều ăn thịt, vì [ở những nơi ấy] không có gạo thóc thì còn chấp nhận được, chứ người học Mật Tông hiện thời phần nhiều ngã mặn, ăn thịt, lại ngược ngạo hết sức tán dương chuyện ấy, bảo là "ăn vào sẽ độ thoát cho những con vật đó!" Như vậy là đã trở thành lời ma nói mất rồi! Khi làm những Phật sự lớn, lạt-ma còn phải ăn chay, đủ biết lúc bình thường ăn thịt vốn chẳng phải là chánh nghĩa!

Mật Tông đề xướng "tức thân thành Phật" (thành Phật ngay nơi thân này), tức là coi "liễu sanh tử chính là thành Phật!" Những kẻ vô tri liền tưởng [hễ liễu sanh tử] là đã trở thành đức Phật phước huệ viên mãn. Như vậy tức là trồng tùng để làm kèo rường bởi gỗ cây ấy có thể làm kèo rường, chứ không phải ngay trong hiện tại cây tùng đã là kèo rường!

Năm Dân Quốc 17 (1928), tại Thượng Hải có gã X…. đề xướng Mật Tông "một trăm ngày thành Phật". Người có tín tâm ở Thượng Hải đều nương theo gã ấy tu học. Mùa Hè năm Dân Quốc 18 (1929), có kẻ hâm mộ danh tiếng của hắn, muốn nhờ vào đó để cầu lợi bèn thỉnh hắn đến Bắc Bình (Bắc Kinh). [Hắn tuyên bố ai theo hắn tu học] sẽ thành Phật

trong bốn mươi tám ngày, nhanh hơn một nửa so với lúc [truyền đạo] tại Thượng Hải. Tới năm Dân Quốc 19 (1930), Bắc Bình, Thiên Tân, Thượng Hải đều chẳng thể dung thân, hắn ta bèn trở về nhà hoàn tục, đáng than đến tột cùng!

Trong những pháp liễu sanh tử, pháp môn Tịnh Độ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận căn tánh như thế nào, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết trì niệm Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, khi lâm chung ắt được Phật lực gia bị vãng sanh Tây Phương. Pháp môn này chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật. Hết thảy pháp môn đều phải lấy đạo lực Giới - Định - Huệ để đoạn phiền não tham - sân - si, phiền não đoạn sạch thì mới có thể thoát khỏi tam giới, liễu sanh tử. Xưa kia còn có những người như vậy, chứ ngày nay thì sợ rằng cả thế giới cũng không tìm được một hai người! Do vậy, càng về sau này, càng phải nên chuyên tu Tịnh nghiệp!

468. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết các hạ và thê thiếp, hai đứa con gái, cả nhà niệm Phật, ba chữ Tín - Nguyện - Hạnh khắc sâu trong gan ruột, sao lại than: "Tuổi ngoài năm mươi, dưới gối vẫn trống. Cái tội bất hiếu bao kiếp chẳng chuộc được?" Phàm con cái có hay không vốn thuộc số mạng. Có vợ, có thiếp, chẳng phải giống như không lấy vợ đến nỗi không có con nối dõi; sao lại dẫn câu ấy để rồi tiếc hận? Phàm kẻ bất hiếu là kẻ chẳng thể sống theo lòng nhân, xử theo nghĩa, làm nhục lây cha mẹ! Cũng như kẻ có con chẳng dạy dỗ, đến nỗi nó trở thành tầm thường, ngu dốt, hoặc thành phường ương ngạnh, hèn tệ; dẫu có nhiều con vẫn hết sức bất hiếu!

Đã có hai con gái thì hãy nên khéo léo dạy dỗ, ngõ hầu chúng nó biết phụ đức (đức hạnh của nữ giới), phụ ngôn (lời ăn tiếng nói đúng mực của phụ nữ), phụ dung *(dung là "dung chỉ" tức cư xử, hành vi trang trọng. Trong cõi đời gần đây, kẻ tục Nho chẳng hiểu ý nghĩa chữ này, bèn tưởng "dung" là dung mạo xinh đẹp; đáng than thay)*, phụ công (những tài khéo, như khả năng gia chánh, may vá, quán xuyến gia đình). [Dạy cho con] đầy đủ bốn đức này, rồi lại còn [dạy cho chúng nó] biết nhân, rõ quả, tín nguyện niệm Phật, thì trong tương lai, sau khi xuất giá, chúng sẽ nêu gương trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện. Con gái như thế há chẳng rạng rỡ tổ tông ư?

Thế đạo hiện thời loạn đến cực điểm, đều do cả cõi đời chẳng biết dạy dỗ con gái mà ra! Do tánh tình con người và những thói quen được tiêm nhiễm đều chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ. Nếu thuở bé có mẹ hiền, khi lớn lên lại có vợ hiền, há người ấy chẳng trở thành người hiền ư? Do vậy biết rằng: Dạy con gái chính là pháp luân căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng người đời mơ màng, chuyên nuôi dưỡng thói kiêu căng, chăm chút trang điểm lộng lẫy. Vì thế quá nửa phụ nữ đều giúp chồng thành kẻ ác, dạy con cái thành phường mưu mô, lươn lẹo, khiến cho những đứa có thiên tư đều trở thành bọn cuồng vọng hết, những đứa không có thiên tư đều thành lũ dân ương ngạnh, chẳng đáng buồn ư?

Ông là người đọc sách nhưng chẳng biết nghĩa này, chỉ mong sanh con. Nghe nói gần đây có kẻ giết cha gian mẹ, kẻ làm cha đứa ấy có phải là hiếu hay chăng? Hay là bất hiếu vậy? Ngay như chuyện thờ phụng, thừa kế tổ tông[203] thì cháu trai[204] cũng có thể kế tiếp. Nếu không có cháu trai, cháu gái cũng có thể kế thừa. Huống chi người niệm Phật cố nhiên nên đoạn nghiệp chủng cõi Sa Bà, để mong đời đời chẳng đến nỗi có hậu duệ làm ô nhục tổ tông thì may mắn chi hơn? Đau lòng thốt lời thở than để làm chi? Ông đã [bận lòng] như thế, há có phải là người niệm Phật chân thật hay chăng?

Vợ, thiếp, hai đứa con gái, pháp danh đều hay! Hãy nhìn vào tên, nghĩ đến ý nghĩa, chân thật tu hành thì đấy chính là quyến thuộc Bồ Đề, hiện tại đã dự vào bậc thánh bậc hiền, tương lai sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Đấy là Hiếu, là lòng Từ lớn lao. Sao ông chẳng viết họ tên? Liễu Duyên cũng chẳng biết là ai? An Sĩ Toàn Thư hiện thời đã giao hết. Mùa Xuân năm sau nếu đường bưu điện thông suốt sẽ gởi Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám, Di Đà Bạch Thoại Giải, Gia Ngôn Lục v.v… Nhưng hai ba năm qua, chẳng dễ gởi kinh sách sang Thiểm Tây cho lắm. Mong các hạ hãy cực lực đề xướng nhân quả báo ứng, đề xướng giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình càng cần phải chú trọng nhân quả báo ứng và giữ vẹn luân thường, tu trì Tịnh nghiệp, để dân chúng cả vùng nhìn theo nhau làm lành, công đức ấy há diễn tả được ư? Quang là người xứ

---

[203] Nguyên văn "tông diêu", nói đủ là "tông diêu thừa kế": Tông là nhà thờ Tổ, Diêu (祧 đúng ra theo chánh âm phải đọc là Thiêu, nhưng thường bị đọc trại thành Diêu) là miếu thờ những vị tổ đã lâu đời. Theo lễ pháp, kể từ đời Tây Chu, quyền thờ phụng tổ tiên, thừa hưởng gia nghiệp của tổ tiên giao cho con trưởng thuộc dòng đích. Bộ Đường Luật Nghĩa Sớ quy định: *"Đích tử đã chết, hoặc bị tội, hoặc tàn tật thì do đích tôn thừa hưởng. Không có đích tôn mới lập anh em của đích tử làm người thừa kế. Không còn ai thuộc dòng đích nữa thì mới lập dòng thứ!"*

[204] Cháu trai (điệt: 姪) ở đây là cháu gọi ông Vương bằng chú hay bác.

Tần (Thiểm Tây). Hai ba năm qua, quả thật chưa gởi được nhiều sách về đất Tần. Gần đây tuy có viết danh sách bảo họ gởi sách, nhưng chẳng biết có gởi được đến nơi hay không? Chẳng đến được thì đã lạc mất rồi, thật đáng tiếc!

469. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ hai)

Trước kia, ông Lận Bá Thao có tới đây, nói ông muốn quy y, lại đưa những bài ông đã viết cho tôi xem. Nói đến thủ tục [quy y] thì cố nhiên không có nghi thức nhất định! Nếu như tận mặt quy y, [pháp sư truyền giới] thăng tòa tuyên nói thì thời gian phải mất từ một tiếng đồng hồ trở lên; [người thọ giới] ở dưới pháp tòa đảnh lễ quỳ nhận. Nếu muốn đơn giản hơn thì cũng có thể phương tiện tuyên nói, thời gian chẳng lâu.

Ông là người ở ngoài xa mấy ngàn dặm, vọng hướng về đây cầu được quy y, theo lễ thì trong ba ngày trước đó, hãy sáng tối chí tâm lễ Phật, hoặc hai mươi bốn lạy, hoặc bốn mươi tám lạy, hoặc một trăm lẻ tám, hoặc bao nhiêu đó lạy, để sám hối túc nghiệp. Đến sáng sớm ngày hôm ấy, liền đối trước Phật, đảnh lễ xong, bèn tự nói: *"Đệ tử con tên là... từ xa vâng mạng thầy con là Ấn Quang quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Từ nay trở đi cho đến hết tuổi thọ, quyết chẳng quy y thiên ma, ngoại đạo và kinh điển, sách vở của ngoại đạo cũng như đồ chúng ngoại đạo"*. Đảnh lễ một lượt. Nói như thế ba lần, lại lễ bao nhiêu đó lạy là xong.

Nay gởi cho ông hai gói Văn Sao, hai gói Quán Âm Tụng, hai gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải, thường đọc những sách này thì sẽ có cái để bắt chước theo, không cách chi đọa vào loài ma được! Đối với những sách đã gởi, ngoài những cuốn giữ lại để tự thọ trì, những cuốn khác nên tặng cho người thông văn lý, có tín tâm, biết cung kính. Nếu là văn nhân tà kiến, luông tuồng không kỵ húy, thì đừng đưa cho họ, sợ họ khinh nhờn đến nỗi mắc tội! Sự giáo hóa Phật pháp ở đất Tần ta hết sức trắc trở, lao đao! Ông đã phát tâm, hãy nên dốc sức nơi tu hành chân thật. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Ngộ, nghĩa là dùng trí huệ để liễu ngộ pháp thế gian lẫn xuất thế gian, tự hành, dạy người, để mong lìa khỏi nỗi khổ sanh tử thế gian, được hưởng niềm vui chân thường xuất thế gian. Pháp xuất thế gian vô lượng vô biên, nhưng chỉ có niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất! Đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết.

Muốn vãng sanh Tây Phương, ắt phải đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện chân thật, thiết tha, quyết chí cầu sanh, chẳng được có một tâm niệm cầu phước báo trời người trong đời sau thì mới mong được lợi ích thật sự. Lại còn đem những chuyện vừa nói trên đây để trên là khuyên cha mẹ, giữa là khuyên anh em trai, chị em gái, dưới là khuyên vợ con. Đấy là nói theo phía gia đình. Ngoài là khuyên thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước và hết thảy những người quen biết thì công đức của chính mình sẽ càng rộng lớn, phẩm vị vãng sanh sẽ có thể tăng cao!

470. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ ba)

Bài thuốc trị bệnh sốt rét, không một ai chẳng được lành bệnh. Một đệ tử dùng bài thuốc ấy trị cho mấy trăm người, thường khuyên họ đừng vất đi những tờ giấy có viết chữ đã dùng, nhưng vẫn có người vứt đi, tâm khá buồn phiền. Mộng thấy một cụ già nói*: "Chỉ dùng một tờ giấy trắng viết năm chữ Ngược Tật Điều Lý Hoàn (瘧疾調理丸), đem đốt rồi pha vào nước sôi, uống xong bệnh chẳng phát nữa"*. Đem thử thấy hiệu nghiệm lạ kỳ! Cũng cần phải uống khoảng một tiếng đồng hồ trước khi cơn sốt rét phát ra. Khi đốt mảnh giấy có viết chữ nên dùng kim dài hoặc cái dùi để ghim vào đầu tờ giấy cho khỏi bị lửa táp tay đến nỗi chữ cháy không hết.

Thế gian có rất nhiều chuyện chẳng thể dùng tình lý để suy lường được. Một đệ tử ở Quảng Đông đem phương thuốc trị bệnh sốt rét trị lành vô số người. Lỡ có ai hỏi: "Là do đạo lý nào, chẳng phải là chú, chẳng phải là bùa, chẳng phải là thuốc, mà trị được bệnh?" Ông ta nói: "Đấy chính là đạo lý nơi vô đạo lý, gọi là chẳng thể nghĩ bàn vậy!"

Hơn nữa, nữ nhân sanh nở, niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát chắc chắn sẽ được an nhiên sanh nở. Một người đàn bà nghèo ở Tô Châu, [đang] sanh con liền bị chết, chồng bà ta đến bệnh viện mời bác sĩ Tây Y đến mổ bụng ra. Bác sĩ Tây Y đòi hai trăm đồng mới chịu mổ. Nhà ấy lo không nổi, bác sĩ Tây Y bỏ đi. Cách vách có một vị quán trưởng mở Y Học Quán, vợ chồng ông ta đều quy y Quang. Bà vợ ông ta nghe tiếng, bèn sang thăm, bảo cả nhà niệm Quán Âm, bà ta cũng niệm giúp. Không lâu sau, sản phụ sống lại, sanh con ra. Trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp đã có nói, xin hãy nói với hết thảy mọi người. Đây cũng là

một đầu mối để tự lợi, lợi người vậy! *(Ngày Hai Mươi Chín tháng Sáu)*

471. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ tư)

Hiện thời hạo kiếp[205] đang hiện tiền, mọi người đều phải sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau. Dẫu được phước báo, cũng chỉ tạm thời! Phước lớn sẽ tạo nghiệp lớn. Đã tạo nghiệp lớn, ắt phải chịu khổ lớn. Nếu sanh về Tây Phương, sẽ vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Pháp danh của Vương Huệ Như được ghi trong một tờ giấy khác, khai thị thì dùng Một Lá Thư Trả Lời Khắp.

472. Thư trả lời cư sĩ Lục Trị Bình

Y dược thế gian chỉ trị được thân bệnh, chẳng trị được tâm bệnh và các bệnh sanh tử v.v… Phật là Đại Y Vương, trị được các bệnh thân, tâm, sanh tử v.v… Ông đã có thể lấy "giúp đời, cứu sống người" làm chí hướng, sự nghiệp, hãy nên kiêm dùng Phật pháp thì lợi ích lớn lao. Do vậy đặt pháp danh cho ông là Huệ Y. Quang già rồi, sáng tối sẽ chết, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể viết nhiều. Nay gởi cho ông các bản Một Lá Thư Trả Lời Khắp, Dược Phương v.v… để làm căn cứ tự hành, dạy người. Lại còn có một cuốn Khai Thị Lục, một tờ thông cáo rộng rãi Sữa Độc Giết Trẻ Con, hãy nên nói với hết thảy mọi người.

473. Thư trả lời cư sĩ Phí Sư Mẫn

Thư nhận được đầy đủ, Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị tường tận được. Giấy trắng ngần lóa mắt chẳng thể viết được! Nay gởi cho ông Một Bức Thư Trả Lời Khắp và hai gói kinh sách gồm Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu, Văn Sao v.v… Nếu chịu lắng lòng đọc kỹ, ắt sẽ có thể biết rõ tông chỉ Tịnh Độ, nhưng cần phải cung kính, đừng nên dựa theo kiểu đọc sách Nho, trọn chẳng cung kính gì! Nhà Nho chẳng kính trọng sách nên cõi đời loạn lạc không ngơi. Nếu nhà Nho kính sách thì hễ là người đọc sách đều là bậc mong thành thánh thành hiền, đâu đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế này?

---

[205] Hạo kiếp: Hạo (浩) có nghĩa là rộng lớn, mênh mông. Chữ Hạo được dùng ở đây nhằm diễn tả ý nghĩa tai kiếp dồn dập, xảy ra với mức độ rộng lớn, dày đặc!

Đọc kinh sách trong Phật pháp ắt phải tay sạch, bàn sạch, ngồi ngay ngắn như đối trước đức Phật, đích thân nghe viên âm. Nếu làm được như thế, thì nghiệp chướng ngày một tiêu, trí huệ ngày một tăng trưởng. Dùng những điều mình biết được để hướng dẫn, làm lợi hết thảy, đấy chính là Huệ Mậu. Mậu (懋) là cố gắng. Dùng pháp môn Tịnh Độ để tự hành, dạy người, tự gắng sức, khuyên người khác gắng sức, sẽ trong đời này thoát khỏi cõi Ngũ Trược đây, lên cõi sen chín phẩm kia. Đấy chính là như Kinh Thư đã nói: *"Đức mậu, mậu tu; công mậu, mậu thưởng"* (Đức tốt đẹp là do tu hành siêng gắng, ra công gắng sức sẽ được ban thưởng tốt đẹp) vậy. Nhưng cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành *(hai câu này chính là giới kinh đại lược trong kinh Phật. Âm Chất Văn dẫn dụng hai câu này)* thì mới là đệ tử chân thật của đức Phật, mới làm cho người khác nhìn theo làm lành, nên nói: *"Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (Dùng lời nói để dạy thì bị tranh cãi; dùng thân để dạy, kẻ khác sẽ thuận theo). Pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian không gì chẳng lấy thân làm gốc.

474. Thư trả lời cư sĩ Hóa Phàm

Nhận được thư đầy đủ, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Nếu đời trước không có Tịnh nhân, sẽ rất khó sanh lòng tin. Thiền giả lấy "kiến tánh thành Phật" để tự khoe tài, Giảng giả (người học Giáo) lấy hoằng dương Giáo Quán để tự khoe khoang. Họ chẳng những không chịu đề xướng [pháp môn Tịnh Độ], mà còn cực lực đả phá, bài xích, đa phần là như vậy. Chúng sanh đời Mạt Pháp chẳng gặp được pháp môn Tịnh Độ dẫu có thể minh tâm kiến tánh, thông hiểu Giáo Quán sâu xa, ai có thể chẳng đoạn Phiền Hoặc mà liễu sanh thoát tử được? Quang túc nghiệp sâu nặng, mới sanh được sáu tháng liền bị bệnh mắt, từ đấy suốt một trăm tám mươi ngày chưa từng mở được mắt, trừ lúc ăn ngủ ra, khóc suốt ngày đêm. Đến khi lành bệnh, còn được thấy bầu trời. Vào trường đi học, trúng phải chất độc của Hàn - Âu - Châu - Trình rất sâu, may không có tài như các ông ấy. Nếu không, đã mang quả báo hãm vào đọa địa ngục ngay trong khi còn sống rồi! Về sau biết họ sai trái, do vậy liền xuất gia. Cửa ngõ Tông - Giáo cao vời, không sức nào ngóng dò được, chỉ mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

Hai mươi năm trước, nhập chúng tại chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, sống nhàn tản. Hai chữ Ấn Quang trọn chẳng dùng trong các giấy tờ viết lách, vì thế được yên vui không phiền nhiễu. Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), đã có hai người (tức Từ Úy Như và Châu Mạnh Do) đem những lá thư Quang gởi cho bè bạn in thành mấy ngàn bản tặng cho người khác. Năm sau, Từ Úy Như in Văn Sao. Từ đấy, hằng ngày không được rảnh rỗi. Quang chỉ đem pháp môn Tịnh Độ nói với bọn họ, mặc cho người ta bảo tôi "vô tri vô thức!" Ông đã đọc Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Liễu Phàm Tứ Huấn v.v… hãy dùng những điều ấy để tự hành, dạy người, chắc chắn thừa thãi có dư. Nếu còn nghiên cứu Tông, Giáo, trộm sợ rằng thấy lời lẽ nhà Thiền huyền diệu, lý bên Giáo sâu xa, lại coi Tịnh Độ như chuyện vặt vãnh, đâm ra chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng kẻ chất phác chẳng biết gì cứ nhất tâm niệm Phật! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ. Từ nay nếu không có chuyện gì hết sức cần thiết, đừng gởi thư tới, bởi không có mục lực để xem và trả lời được!

Nay đặt pháp danh cho ông là Sư Viễn. Viễn chính là đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn vào đời Tống, tức là vị Tổ sáng lập tông Tịnh Độ. Lấy Viễn Công để tôn thờ, học theo, sẽ chẳng đến nỗi bị tri thức các tông trong hiện tại lay động, mê hoặc.

Những kẻ học Phật trong cõi đời đều lấy khai ngộ làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng biết "tuy ngộ nhưng chưa chứng thì vẫn chẳng thể liễu thoát được!" Dẫu là bậc đã chứng Sơ, Nhị, Tam Quả, vẫn khó thể trong đời sau chẳng do phước tạo nghiệp, hoặc đến nỗi đọa lạc trong ác đạo. Bậc chứng Tứ Quả mới liễu sanh tử. Đây là nương theo Tiểu Thừa mà nói! Chứ nếu luận theo Viên Giáo trong Đại Thừa mà nói thì Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc giống như Sơ Quả trong Tiểu Thừa. Thất Tín đoạn sạch Tư Hoặc, mới liễu sanh tử. Từ Sơ Tín đến Lục Tín vẫn chưa thể liễu sanh tử. Phàm tình chẳng thể suy lường được thần thông, trí huệ của bậc Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, huống là các địa vị Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục Tín ư?

Người tham Thiền thường vì [người học] Tịnh Tông lẫn Giáo Tông chẳng đáp được cơ phong chuyển ngữ mà cho là đạo Thiền cao siêu huyền diệu, người khác chẳng thể biết được! Thật ra kẻ khởi lên tri kiến như thế cũng chẳng hiểu ý cổ nhân. Nếu là người thật sự biết, ắt sẽ không có thái độ tự khoe tài, tự kiêu căng. Vì sao vậy? Do lời tuyệt diệu cũng là lời cực bình thường, chẳng những hiểu [những câu cơ phong chuyển ngữ ấy] cũng không giúp được gì, ngay cả đại triệt đại ngộ vẫn chẳng giải quyết được gì! Cần phải hoàn toàn chứng đắc mới giải quyết

được việc! Trong đời sau, quả thật chẳng thấy được mấy ai chứng đắc!

Vào đầu đời Tống, Ngũ Tổ Giới thiền sư *(Ngũ Tổ là tên chùa, Sư Giới thiền sư làm Trụ Trì chùa Ngũ Tổ, nên gọi là Ngũ Tổ Giới)* danh lừng lẫy vũ trụ, môn đình cao ngất tựa Long Môn, chết đi [tái sanh] làm Tô Đông Pha *(có sự tích chứng minh hẳn hoi)*. Do huệ lực đời trước, văn tự lẫn kiến địa của Đông Pha đều chẳng tầm thường, nhưng lại chẳng câu nệ tiểu tiết. Lúc ông Tô trấn thủ Hàng Châu vẫn thường kiếm kỹ nữ về vui thú. Đủ biết Sư Giới ngay cả Sơ Quả còn chưa chứng được! Vì sao vậy? Do bậc Sơ Quả đắc Đạo Cộng Giới[206] *(tự nhiên là như vậy)*, tùy ý chẳng phạm giới. Nếu không xuất gia thì cũng lập gia đình. Dẫu đem cái chết uy hiếp để ép buộc vị ấy phạm tà dâm, vị ấy bèn thà chịu chết chứ quyết chẳng chịu phạm! Nếu Thiền giả biết nghĩa này, đâu dám miệt thị Tịnh Độ, đề cao Thiền tông, nhường cho ngu phu ngu phụ nương theo Phật từ lực để vãng sanh, còn chính mình cam phận ở trong luân hồi, chẳng muốn thoát khỏi ư? Quang nói lời này là vì sợ ông chẳng biết nguyên do, bị Thiền giả áp đảo, bèn bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, đến nỗi sẽ liễu sanh tử trong năm con Lừa *(Cho đến hết đời vị lai cũng không có năm con Lừa)*.

Lời kệ đính kèm theo Một Lá Thư Trả Lời Khắp đề cao Quang quá lố, khiến Quang hổ thẹn khôn ngằn! Nay gởi cho ông một trang Dược Phương, do giấy trắng chẳng thể phê được, nên nay đem kèm vào đây. Toa thuốc trị bệnh sốt rét, chẳng nệ bệnh đã một hai năm, hoặc mười mấy năm, đều hễ trị liền lành. Toa thuốc cai nghiện á phiện còn có thể trị bệnh khí thống nơi gan và bao tử. Tuy bệnh đã mười mấy năm cũng hễ trị liền lành, chẳng cần phải bỏ thêm thuốc phiện vào[207]!

Loại cao trị bệnh cùi còn có tên là Thương Nhĩ Cao. Nếu dùng nồi lớn để sắc thuốc, thì phải dùng một miếng tre hoặc miếng ván rộng bốn tấc, dày nửa tấc, dài bảy tám thước [để làm đũa khuấy] *(ngắn thì người ta phải [ghìm chặt] miếng ván để khuấy mạnh, quá tốn sức. Đũa dài thì chỉ cần khuấy nhẹ, đỡ tốn sức)*, phía dưới vát xéo góc sao cho đụng đáy nồi; không ngừng khuấy vét đáy nồi để thuốc khỏi bị cháy khét dưới đáy đến nỗi mất dược tánh. Nồi nhỏ thì cũng dùng miếng ván nhỏ để khuấy vét. Đây chính là cách thắng đường. Do cao này phải nấu lâu; nếu không làm như thế nhất định sẽ bị cháy ở dưới đáy; chẳng thể không biết [điều này]!

---

[206] Đạo Cộng Giới: Giới tương ứng với Đạo, có năng lực tự nhiên giữ giới thanh tịnh không cần phải tác ý chú tâm giữ giới mà không bao giờ phạm giới.

[207] Toa thuốc này vốn để dùng trị nghiện thuốc phiện. Trong cách uống có nói bệnh nhân vừa uống thuốc vừa giảm bớt liều lượng thuốc phiện, nên nếu không nói rõ người dùng toa thuốc ấy để trị bịnh khí thống sẽ tưởng là phải hút thuốc phiện theo phân lượng giảm dần như trong toa thuốc đã chỉ.

Ở phương Bắc ít bị bệnh này, phương Nam và các nước Tây Dương đều có. Các xứ chữa trị chỉ có thể giảm nhẹ, chứ chẳng thể trừ tận gốc. Thuốc này trừ được tận gốc, nên đặc biệt nói rõ cách nấu cao để mong có lợi, không điều tệ.

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên
Quyển 2 hết